

Số 184

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

**Buồn vui
với tuổi thọ**

Tr. 30

*Đi giữa
mùa thu*

Tr. 58

*Lời khuyên
nhẹ nhàng*

Tr. 18



Thay lời **muốn nói**



MC Quỳnh Hương



Ý Lan



Thanh Lam



Minh Quân



Duy Dũng



Hồ Trung Dũng



Mai Khôi



Trần Tuấn Hòa



Hoa Sen



Nhóm 5 Dòng Kẻ



Hạ Trâm



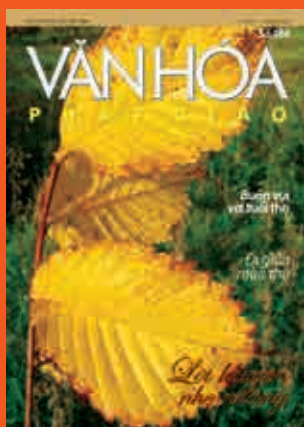
Nguyễn Hồng Ân

TRUYỀN HÌNH TRỰC TIẾP
TRÊN **HTV9** VÀ **VTV4**
Vào lúc **20g30** chủ nhật
08.09.2013
tại nhà hát Âu Cơ, số 08,
phố Huỳnh Thúc Kháng,
Ba Đình, Hà Nội



Lãng đãng thu

www.thayloimuonnoi.htv.com.vn



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIỆN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MẦN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Trần Thị Hải Đông, DD: 0907 164 066

Quảng cáo
Cô Thu Sương, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
toasoanvhp@gmail.com

Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Khi tâm hồn cũng là hàng mã (Nguyễn Cẩn)	3
Sương mai	7
Thư pháp - thú chơi lắm công phu (Man Đức Huy)	8
Những con đường xưa và nay (Hoàng Tá Thích)	11
Mây trắng của đời tôi (Lê Hải Đăng)	14
Nietzsche và ba cuộc hóa thân của Bồ-tát (Phan Cát Tường)	16
Lời khuyên nhẹ nhàng (Nguyễn Ánh)	18
Tại sao có khổ đau, sanh tử (Nguyễn Thế Đăng)	21
Hai con đường (Hương Đức)	24
Không cần trách móc Sylvia Boorstein (Đoàn Tuấn dịch)	28
Buồn vui với tuổi thọ (Nguyễn Phúc Vĩnh Ba)	30
Đến khách sạn để ăn chay (Cao Huy Hóa)	32
Lược lý học Phật giáo của Nguyễn Khuê (Trần Tuấn Mẫn)	34
Những câu chuyện nhỏ làm nên nền điện ảnh lớn (Hồ Anh Thái)	36
Sáu tư duy giúp dưỡng sinh (Nguyễn Hữu Đức)	41
Thư gửi con gái (Khánh Linh)	44
Niềm tin đọng lại (Lam Khê)	46
Thành công hay thành nhân (Phạm Lăng Yên)	48
Thơ (Nguyễn Thánh Ngã, Lê Hòa, Trần Phúc Hậu, Vũ Quốc Lâm, Kim Hoa, Tương Giang)	50
Con của hai nhà (Lý Thị Minh Châu)	52
Hàng cau trước ngõ (Tư Hương)	54
Ký sự về những tuyệt đỉnh mù (Nhụy Nguyên)	55
Đi giữa mùa thu... (Nguyễn Bội Nhiên)	58
Lời cảm ơn cuộc sống	59

Bìa 1: Mùa thu. Nguồn: commons.wikimedia.org



Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Vu-lan tháng hội đã qua nhưng dư vị thiêng liêng của ngày đại lễ còn tỏa sáng lòng người con Phật, thôi thúc và nhắc nhở mỗi người chúng ta vẫn hàng ngày thực hành hiếu đạo, trau dồi hạnh biết ơn và biết cách đền ơn, rèn luyện tinh thần dám nhận lỗi và quyết tâm sửa lỗi. Mong rằng mỗi khi thêm một mùa Vu-lan trong đời, mọi người con Phật đều một lần tăng trưởng hạnh nguyện dựa trên những lời dạy của Đức Phật để sống hòa hợp hơn với gia đình, cộng đồng, môi trường và xã hội.

Trong lúc chuẩn bị số báo đặc biệt mừng Đại lễ Vu-lan năm nay, Văn Hóa Phật Giáo đã nhận được một lượng bài vở rất phong phú; do đó, mặc dù đã tăng trang, chúng tôi vẫn không thể đăng tải hết. VHPG thành thật cảm ơn quý vị cộng tác viên đã có lòng ủng hộ. Để giữ gìn sắc thái đa dạng của tạp chí, những bài viết mang nội dung hướng về lòng hiếu sẽ được đăng tải rải rác trong những số báo kế tiếp. Bên cạnh đó, VHPG cũng luôn nhận được rất nhiều thơ. Kể từ 15-10-2009, chúng tôi đã nâng số trang của chuyên mục thơ lên thành hai trang và cố gắng chuyển tải nhiều hơn. Vì vậy, chúng tôi rất mong các tác giả thông cảm trong lúc chờ đợi bài viết của mình xuất hiện trên mặt báo.

Nhân đây, chúng tôi cũng xin nhắc lại chủ trương của VHPG là không đăng những bài viết quá dài. Chúng tôi luôn tránh không chuyển tải những bài viết cần phải đăng tiếp theo một kỳ nữa. Vì vậy, chúng tôi mong nhận được những bài viết có độ dài trong phạm vi 800 từ đến 4.000 từ, và hãn hữu là có thể lên đến 5.000 từ. Gửi bài về VHPG, xin quý vị sử dụng phương tiện thư điện tử gửi đến địa chỉ toasoanvhp@gmail.com; bài viết xin gửi theo một file riêng đính kèm thư. Ngoài bút danh, xin ghi ngay trên bài viết tên thật, địa chỉ địa lý, số điện thoại và số tài khoản ngân hàng kèm theo tên ngân hàng (nếu có), để tòa soạn tiện liên lạc khi cần.

Văn Hóa Phật Giáo luôn luôn mong mỗi có được sự ủng hộ cả về vật chất lẫn tinh thần của quý vị độc giả, cộng tác viên, ân nhân và thân hữu để có thể theo đuổi hạnh nguyện góp phần xây dựng một xã hội hiền thiện đúng như tôn chỉ của báo.

Kính chúc quý vị thân tâm thường lạc.

Văn Hóa Phật Giáo

Khi tâm hồn cũng là hàng mã

NGUYỄN CẦN

Tháng Bảy Vu-lan là tháng báo hiếu, đồng thời cũng là tháng người ta thường tổ chức lễ xá tội vong nhân mà dân gian quen gọi là cúng cô hồn, giúp những vong hồn lạc lõng sớm siêu sinh nếu biết ăn năn sám hối. Đó cũng là dịp để mấy nhà sản xuất hàng mã phần đông là người Hoa tha hồ đốt bạc. Hàng mã là những thứ được chế tác giống hệt như hàng thật nhưng chất liệu chỉ là giấy và thangka hoặc còn có khung bằng tre, tất cả đều là những thứ dễ cháy để sau khi cúng xong thì... đốt với niềm tin ngây thơ rằng người dưới cõi âm được cúng những thứ ấy thì sẽ có để mà dùng theo quan niệm *dương sao âm vậy*. Ngoài những thứ thông thường như giấy tiền vàng bạc, dollars, người âm còn được cúng từ chiếc xe gắn máy cho đến cả villa, nhà lầu, người hầu, chó giữ cửa... Hàng mã mua chỉ để đốt, nhưng... giá không hề rẻ. Ước tính mỗi năm có hàng trăm tỷ đồng ném vào thị trường hàng mã cho những thứ đồ bằng giấy ấy... trên phạm vi cả nước.

Hàng mã vây quanh ta

Từ công trình...

Nhưng có những thứ hàng mã trong đời thực mà người ta không hề biết nếu không có những sự cố... Chỉ một cơn lũ chưa phải là ghê gớm gì mà cả con đường vừa khánh thành chưa đầy năm bỗng lở trôi cả nửa, như ta thấy trên truyền hình về những tỉnh chịu cơn bão vừa qua ở Lai Châu và Sơn La. Nói đâu xa, ngay tại Hà Nội, sự cố chập điện do thợ đào đường khoan trúng cáp điện cao thế ở đường Trần Quốc Hoàn khiến hai công nhân khoan cắt bê-tông ngã vật ra đường. Họ bị bỏng nặng. Bỏng toàn thân. Vía hè này vừa được lát và lắp đặt đường ống dẫn nước cách đây vài tháng, gạch vẫn còn mới và không có hiện tượng lún sụt. Giờ lại đào lên. Cái cảnh đào đường này vẫn diễn ra liên tục trong mọi thành phố.

Nhà thơ Trần Đăng Khoa nhận xét: *"Có lẽ chẳng có đâu như ở Việt Nam. Một cung đường phẳng như lụa, vừa*

mới khánh thành còn chưa ráo nhựa, người ta đã lại đào lên để đặt ống dẫn nước, rồi ông viễn thông lại đào tiếp đặt đường dây điện thoại. Rồi ông thoát nước. Ông điện lực. Cứ ông nọ đào ông kia. Ông nào cũng chỉ biết mỗi việc của mình và chỉ xoay xở làm sao cho được việc của mình. Rốt cuộc là nhiều đoạn đường rất đẹp mà rồi lại bị vá nham nhở. Bẩn thỉu. Nhếch nhác. Manh mún. Vừa mất mỹ quan thành phố, vừa gây bao phiền hà cho dân.

Và rồi điều gì đến đã đến. Khi thảm họa xảy ra, mới hay người ta đã làm rất cầu thả. Cầu thả mà công trình vẫn được nghiệm thu, vẫn được đưa vào sử dụng. Thế mới lạ. Khi sự cố xảy ra, cũng chẳng có ai phải chịu trách nhiệm. Thật không thể hiểu nổi!

Người ta tự hỏi còn bao nhiêu con đường từ đường làng đến quốc lộ được làm theo lối tùy tiện như thế, theo kiểu hàng mã, nên mới có “bê-tông cốt tre”, mới có đường xe vừa chạy đã lún như Quốc lộ 14. Người ta cho rằng việc này là lỗi có tính hệ thống, dù được gọi là “công trình thế kỷ” cũng vậy. Có thể kể thêm vào đây bao nhiêu cầu, bao nhiêu chung cư, nhà tái định cư. Hôm khánh thành trông ấn tượng bao nhiêu thì chỉ sau vài tháng, long tróc lở sụt... mới hay chúng chỉ là... hàng mã. Cũng như những cái đập thủy điện hùng vĩ từ Đắk Mê đến Sông Tranh, chỉ cần một chiếc xe ben va vào hay chỉ chịu một vài độ dư chấn đã tã ra như bùn đất, rung rinh chao đảo...

Nhưng nào chỉ có trong xây dựng. Người ta bắn khoan với cái công trình 500 KV hoành tráng mà một anh tài xế xe tải sơ sẩy chỉ va vào làm đổ một cột điện đã tắt ngúm điện 22 tỉnh miền Nam. Thế thì vấn đề an toàn, an ninh, xem ra quá gay go?

Thế mà có người lại bảo đấy là “điều bất khả kháng”, theo thuật ngữ là “Force Majeure” hay “Acts of God” nghĩa là thiên tai, là điều không lường được. Nhưng xin thưa, trong các điều kiện hợp đồng hay đấu thầu, người ta không áp dụng cho trường hợp này vì thuộc phạm vi con người hoàn toàn có thể chủ động tính toán được.

... đến thực phẩm

Thế còn những thứ “lường được”, “định tính được” như thực phẩm thì sao? Đã có bao nhiêu vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra trong tuần qua, tháng qua...? Người ta đâm ra sợ từ tô phở, cọng bún, bó rau... đến cả đôi dưa...

Cứ thử lấy ví dụ về kỹ thuật chế biến nước dùng (nước lèo) cho các món phở, bánh canh, bún bò... ở các nhà hàng được trình bày bởi một phóng sự của báo *Người Lao Động*. Theo đó thì một vị chủ một quán phở tiết lộ rằng nhiều nhà hàng quán ăn hiện nay vẫn dùng một loại hóa chất gọi là bột mềm để hầm xương và các loại thực phẩm khác. Thay vì phải hầm thực phẩm suốt vài giờ tốn nhiều chất đốt, cho thêm vài trăm gram bột mềm vào, người bán hàng chỉ cần chưa tới một tiếng đồng hồ đã có được một nồi nước dùng (nước lèo) thơm

ngon và rất trong. Tìm hiểu thì người phóng viên này biết rằng cái thứ bột mềm ấy có tên là muối natri hydro carbonat (NaHCO_3), vốn cũng được dùng làm phụ gia thực phẩm, nhưng phải là loại hóa chất thực phẩm có độ tinh khiết cao, giá rất đắt. Còn thứ được bày bán ở chợ Kim Biên và được các chủ nhà hàng sử dụng thì chỉ là loại bột công nghiệp, có chứa cả arsenic, thủy ngân... là những chất cực độc, chỉ được phép dùng trong việc tẩy sạch đồ dùng bằng sành, sứ, da...

Một phát hiện khác được nêu trên báo *Sài Gòn Tiếp Thị* nói về đôi dưa. Những đôi dưa dùng một lần được bọc trong bao bì bắt mắt, để lâu không bị mốc... nhưng thật ra đều làm bằng loại tre non và người sản xuất đã dùng một thứ hóa chất tẩy trắng có hàm lượng sodium sunfite, hay sulfure dioxide cao, vốn là những chất có khả năng gây rối loạn chức năng gan, thận... khiến người ngộ độc bị bệnh mạn tính hay ung thư... Phải chăng những thứ đó cũng là... hàng mã, nhưng lại là thứ hàng mã độc hại, tích cực đóng góp cho sự quá tải của bệnh viện?

Lan sang y tế!

Nhìn sang một lĩnh vực khác, đã có bao nhiêu trường hợp chết oan vì sự tắc trách của các bác sĩ? Gần đây là việc ba cháu bé được chích vaccine ngừa viêm gan siêu vi chết ở Quảng Trị, chưa kể những sản phụ chết ở Hậu Giang, Hà Tĩnh... đến nỗi vị Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội phải khuyên Bộ trưởng Bộ Y tế nên đến thăm và chia sẻ với các gia đình có các cháu bé bị tử vong vì đây là việc mà chính khách bắt buộc phải làm. Kinh hoàng hơn là vụ việc nhân bản hàng loạt kết quả xét nghiệm tại Bệnh viện Đa khoa huyện Hoài Đức, thủ đô Hà Nội. Hành động gian dối có một không hai này dẫn đến những kết cục bi hài không thể tưởng tượng nổi: Cụ già 82 tuổi có kết quả xét nghiệm máu y như cháu bé bốn tháng tuổi ở cả 18/18 chỉ số; một cụ khác 80 tuổi cũng chung kết quả với cháu bé 22 tháng hay trẻ hơn là một bác 66 tuổi với cháu bé 4 tháng! Đúng là lỗi xét nghiệm... hàng mã.

Y đức đã xuống đến mức tận cùng sao? Báo chí đã viết nhiều về các “nhóm lợi ích” trong bệnh viện khi khám chữa bệnh hay xét nghiệm đủ loại dù không cần thiết, hay ăn chia với trình dược viên trên những toa thuốc, thậm chí trong dịch vụ nhà xác nữa, nhưng người ta không thể hiểu sao những người mặc áo trắng lại có thể làm đến lương tri của họ, bất chấp nhân đạo đến vậy!

Bao nhiêu y bác sĩ đang biến bệnh nhân mình thành một thứ con tin để “thu hoạch”? Chưa có thống kê ở đây dù chúng ta phải ghi nhận vẫn còn đó những vị lương y tận tụy với nghề, trong các đoàn khám từ thiện, mổ mắt cho đồng bào nghèo ở nông thôn hay mổ tim cho trẻ bẩm sinh... Nhưng những hình ảnh ấy vẫn chưa đủ mạnh để người ta có thể xóa đi ấn tượng về “y đức gói phong bì” trong việc khám chữa bệnh.

Giáo dục đang “mã” hóa

Còn về giáo dục, người ta không hiểu hệ thống giáo dục hiện nay dành cho ai và vì cái gì? Học sinh phải chạy trường chạy lớp từ mẫu giáo đến đại học, được nhồi nhét đủ mọi loại kiến thức, không có mùa hè, thu ngắn mùa xuân, ném cả thời tuổi trẻ vào những ngày phụ đạo, những đêm ôn tập, không văn nghệ, không có thời gian vận động thể dục thể thao... còn nói gì đến thời thơ mộng, yêu hoa đuổi bướm! Thế rồi khi ra trường, các em lại bơ vơ tìm việc khi những mảnh bằng đại học trở thành... *hàng mã* vì các cơ quan xí nghiệp hoặc không chấp nhận loại bằng hệ “liên thông, tại chức” hoặc buộc phải đào tạo lại cho người được tuyển dụng vì hệ thống giáo dục chỉ cung cấp cho xã hội cái mà nền giáo dục đang có chứ không phải cái xã hội đang cần. Ngay cả khi chỉ nghĩ đến *thành công* không thôi, có khi cũng cần phải tham khảo cái nhìn của người nước ngoài, như trong tác phẩm *“Nền giáo dục của những nhà triệu phú”* (The Education of Millionaires) tác giả Michael Ellsberg cho rằng người đi học phải có được cái gọi là “trí thức thực tiễn” hay “trí thông minh đường phố” để thay đổi cách dạy cách học... hướng chi nền giáo dục vẫn phải nghĩ đến việc đào tạo sao cho sản phẩm của mình *thành nhân*! Ấy thế mà nền giáo dục hiện thời đang chiếm đến hơn 30% ngân sách một gia đình thu nhập trung bình có từ một đến hai đứa trẻ đi học và không biết bao nhiêu nghìn tỷ lấy trong tiền thuế của dân. Chỉ một kỳ thi tốt nghiệp phổ thông trung học đã tốn đến hàng trăm tỷ mà kết quả đậu đến 98%! Đã có đề nghị bỏ thi và tìm cách đánh giá học lực của học sinh qua cả một quá trình, ít nhất là ba năm học trung học phổ thông, và cuối năm lớp 12 sẽ đánh giá việc tốt nghiệp của học sinh đạt hay không đạt. Nhưng vấn đề là nhà trường đang dạy cái gì và dạy thế nào. Nếu chỉ bắt học sinh thuộc văn mẫu vanh vách mà không hề có chút sáng tạo nào vì không được phép ra ngoài khuôn phép thì mong gì các em phát huy tinh thần tự lập, tự chủ trong đời sống sau này, và có *đạt* hay *không đạt* thì cũng có gì khác nhau đâu! Michael Ellsberg nhấn mạnh: “Điều chúng ta cần làm với bọn trẻ là khiến chúng đưa ra câu trả lời mà chúng ta không ngờ đến”. Yêu cầu này thể hiện rõ sự sáng tạo. Thế nhưng hệ thống giáo dục đã giết chết sự sáng tạo ấy trong chính trường học. Một vị phó giáo sư tiến sĩ, nguyên Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo khi bàn về những bế tắc trong giáo dục và đào tạo đã nêu ý kiến: “*Vấn đề ở chỗ là lâu nay chúng ta coi trọng về bằng cấp, nên tư duy nặng nề, cho rằng chỉ có con đường vào đại học là duy nhất. Mọi người vẫn tư duy theo kiểu học để có tấm bằng, tìm mọi cách gian lận để có tấm bằng... Giáo dục đại học ở nước ta đang quá nặng về đầu vào. Đầu vào rất chặt chẽ từ việc thi cử nặng nề ba chung, xét điểm sản và qua nhiều khâu xét tuyển khác nhưng trong quá trình học lại không có sự sàng lọc, học bao nhiêu ra hết bấy nhiêu. Cách học như thế không ổn, rất lạc hậu*”. Nói tóm lại, giáo dục đang được... *mã* hóa.



Khi tâm hồn trở thành hàng mã

Xem ra xã hội ta đang tổn kém rất nhiều vì bao nhiêu thứ hàng... *mã* trong nhiều lãnh vực. Đau xót nhất là có vẻ như xã hội đang mặc nhiên chấp nhận tình trạng tâm hồn... *mã* hóa khi những công chức, nhà sản xuất, những công trình sư, thầy cô giáo, bác sĩ... làm việc mà thiếu hẳn hứng thú, bỏ quên tình yêu dành cho tha nhân; có thể tha nhân ấy là khách hàng, là học sinh, là bệnh nhân; rộng lớn hơn là nhân dân, những người đóng thuế nuôi mình. Thậm chí có người còn hành hạ, còn biến nhân dân thành “nạn nhân” cho quyền lực, cho chức trách của mình, vô hình trung, xã hội ta đang có quá nhiều virus “hàng mã”, ảnh hưởng đến tổ chức, hệ thống phục vụ. Cần thấy rằng đó chính là việc không hoàn thành nhiệm vụ ban đầu và là cứu cánh sau cùng của giáo dục quốc dân. Giáo dục không phải chỉ là giáo dục lớp trẻ. Giáo dục chính là nhằm mục tiêu hoàn thiện nhân cách, phát triển năng lực của con người và nhằm mục tiêu cao nhất là xây dựng con người.

Phát biểu tại Hội nghị Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về “Xây dựng và phát triển

nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc", bên cạnh những thành tựu đạt được, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ ra những hạn chế, yếu kém của sự nghiệp phát triển; ông nhấn mạnh vấn đề đạo đức, lối sống, nhân cách văn hóa của người Việt Nam. Những yếu kém nêu trên không chỉ hạn chế sự phát triển kinh tế - xã hội, mà còn có thể làm chệch hướng sự phát triển, làm xấu hình ảnh của đất nước, con người, văn hóa Việt Nam. Ông đã cho đó là một nguy cơ, thậm chí là nguy cơ của mọi nguy cơ, trong bối cảnh Việt Nam đang xây dựng và phát triển đất nước trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Vì sao? Vì có vẻ xã hội đang dung dưỡng những tâm hồn hàng mã, thiếu trung thực, nhiều thủ đoạn, tham lam, lợi dụng quyền lực, toa rập với giới tài phiệt lũng đoạn thị trường, lập nhóm lập bè. Đến nỗi trong cuộc gặp gỡ cử tri của vị Chủ tịch nước, có người (ông Nguyễn Văn Đức, Công ty Đất Lành, Hiệp hội Bất động sản) đã nói: "*Lãng phí và tham nhũng là hai vôi bạch tuộc cấu kết rút hết sức sống, tiềm lực đất nước. Trong khi chúng ta cần tiết kiệm từng đồng, thì những con đường lê ra chỉ 1.000 tỉ đồng, đã phải bỏ ra 2.000 tỉ đồng. Chỉ riêng kỷ niệm ngàn năm Thăng Long, hay vụ Vinashin, đầu tư tổ chức Á vận hội... đã lãng phí biết bao tiền của dân... Lãng phí, tham nhũng đã đi sâu, từ quan chức đến cả những người giữ cửa. Y tế và giáo dục cũng tham nhũng lớn, làm giá, bắt chẹt người dân đủ thứ thì còn nói gì nữa... Còn mối lo công nghệ lạc hậu là có đến 80 - 90% công trình nhà nước do nhà thầu Trung Quốc thực hiện. Họ trúng thầu nhờ đưa ra giá rẻ nhất nhưng nhiều công nghệ lạc hậu cũ kỹ, hao tổn nguyên liệu".* Nói chung, vị cử tri này đã nói tới những thứ hàng mã trong tâm hồn một bộ phận người Việt! Và một cách gián tiếp, ông cũng cho thấy người Hoa giỏi làm đồ mã bao nhiêu thì hàng Trung Quốc cũng... mã bấy nhiêu: hàng tốt họ không bán sang Việt Nam mà dành xuất khẩu sang châu Âu, Bắc Mỹ...

Đừng để niềm tin thành... hàng mã!

Điều lo lắng nhất của những người có lòng với nước, những bậc thức giả, những doanh nhân chân chính, là niềm tin đang mất dần, bị xói mòn... Nhưng như vị cử tri nói trên, ông vẫn còn tin vào người dân, họ vẫn đang chờ đợi, vẫn tin nhiệm những doanh nghiệp, những thầy thuốc nhà giáo có lương tri, những người đang muốn "xây dựng" lại niềm tin cho dù "còn một chút này". Ông nói: "*Tôi rất tri ân những người dân đã tin nhiệm mua sản phẩm trong điều kiện chủ đầu tư quá khó khăn, không hoàn thành nổi dự án để bàn giao một cách hoàn thiện. Chấp nhận vào ở khi chưa có thang máy, phải đi thang bộ, sống chung với tiếng ồn, khói bụi, thiếu điện, nước... Nhờ sự tha thứ của người dân, chúng tôi đã cập bến được, giao nhà từng bước cho dân...".* Vẫn có những người dân thấy rằng sản phẩm mình mua không hoàn chỉnh, nhưng tin rằng không phải hàng "mã". Nghĩa là vẫn còn một chút niềm tin ở những lời hứa của những người có thể tin!

Chúng ta nhớ lời Đức Phật giải thích cho người triệu phú *Anāthapindika* về năm lý do để gây dựng tài sản:

"Này gia chủ, có năm lý do này để gây dựng tài sản. Thế nào là năm? Ở đây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử được tài sản nhờ nỗ lực tinh tấn, thân góp với sức mạnh bàn tay, kiếm được do đổ mồ hôi ra, thân được một cách hợp pháp; vị ấy: 1) Tự làm mình an lạc, hoan hỷ và chơn chánh duy trì sự an lạc. Làm cho vợ con, người phục vụ, các người làm công được an lạc, hoan hỷ và chơn chánh duy trì sự an lạc; 2) Làm cho bạn bè thân hữu an lạc, hoan hỷ và chơn chánh duy trì sự an lạc; 3) Các tai họa từ lửa, từ nước, từ vua, từ ăn trộm, từ kẻ thù hay từ các người thù tự không xứng đáng được chặn đứng, và nó giữ tài sản được an toàn cho nó; 4) Làm năm hiến cúng: Hiến cúng cho bà con, hiến cúng cho khách, hiến cúng cho tổ tiên đã chết, hiến cúng cho vua, hiến cúng cho chư Thiên, và 5) Đối với các Sa-môn, Bà-la-môn nào ly kiêu mạn, ly phóng dật, an trú nhẫn nhục nhu hoà, nhiếp phục tự mình, an tịnh tự mình, làm lắng dịu tự mình, đối với những Sa-môn, Bà-la-môn như vậy, vị ấy tổ chức sự cúng dường tối thượng, đưa đến cảnh giới chư thiên, được quả dị thực, đưa đến cõi trời. Đây là lý do thứ năm để gây dựng tài sản".

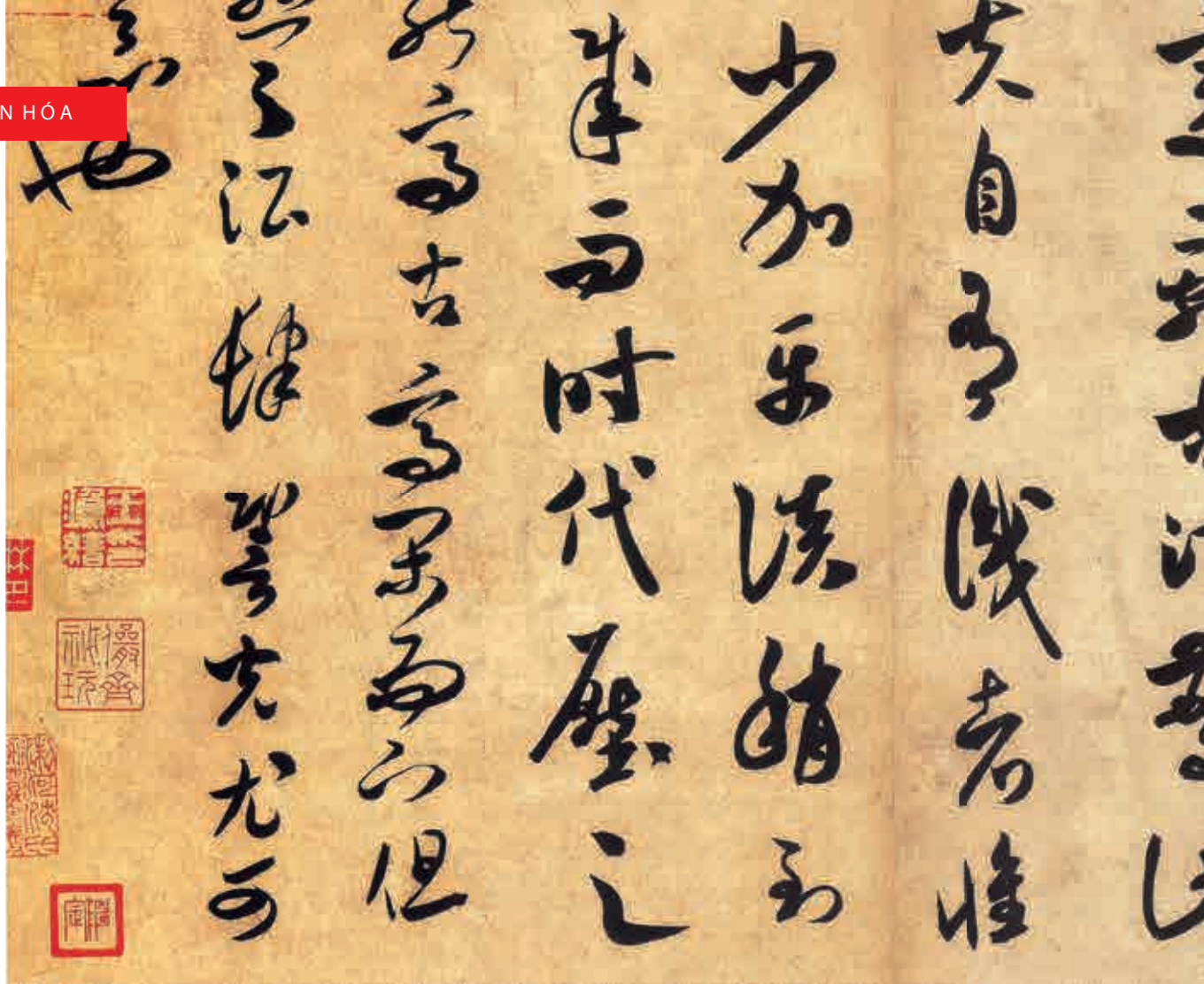
Thế thì hàng mã là thứ hàng mà người làm ra dù là công trình, dù là sản phẩm hay dịch vụ... cũng là thứ hàng mà người mua phải trả giá quá cao so với giá trị thực của nó. Lợi nhuận thu được như thế là *không hợp pháp*, không chân chính. Điều đó còn tệ hại hơn khi người ta mua "hàng mã thật" vì họ biết rằng mình mua để đốt, chứ không phải mua một sản phẩm mà lại rước họa vào thân vì không an toàn, mất vệ sinh...

Để đừng biến niềm tin cũng trở thành... hàng mã, thì vấn đề không chỉ là sự đồng lòng của toàn xã hội, mà quan trọng hơn là sự trong sáng và chỉ đạo nghiêm minh của bộ máy lãnh đạo. Cần phải có sự quyết liệt trong xây dựng thể chế và trên hết là những con người thực hiện thể chế ấy. Nhân dân luôn sẵn lòng là tai mắt của chính quyền để thực thi việc "xóa" mọi thứ hàng mã trên đất nước này. Xã hội sẽ tạo điều kiện cho người làm ăn chân chính có đất sống để tồn tại và phát triển *tấm gương doanh nhân hay tinh thần công dân* kiểu Nhật Bản hay Hàn Quốc với thái độ nghiêm túc trước những công trình, cho ra đời những sản phẩm chất lượng cao... sẽ là những cột mốc để xã hội vươn tới. Nhưng vấn đề là phải cải tổ tận gốc hệ thống hành chính, các cơ sở y tế và nhất là cải tạo nền móng giáo dục từ nguyên lý đến thực tế để chấm dứt việc sản sinh những con người "hàng mã", những nhà khoa học bàn giấy, những tiến sĩ "chép và dán", những công chức "tài năng có hạn mà thủ đoạn vô biên", chấm dứt thứ tập quán "phong bì", "chạy quyền", "chạy chức"... Chỉ như thế thì mục tiêu xây dựng một nền văn hóa nhân bản... *tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* mới không chỉ là khẩu hiệu, mới có thể thành hiện thực vì văn hóa không thể dung chứa *hàng mã*! ■



**Này các Tỳ-kheo, với nhiều pháp môn, Ta nói về
địa ngục, nhưng thật khó nói cho được đầy đủ,
vì đau khổ ở địa ngục quá nhiều.**

Trung Bộ kinh, Kinh Hiền ngu số 129



Thư pháp

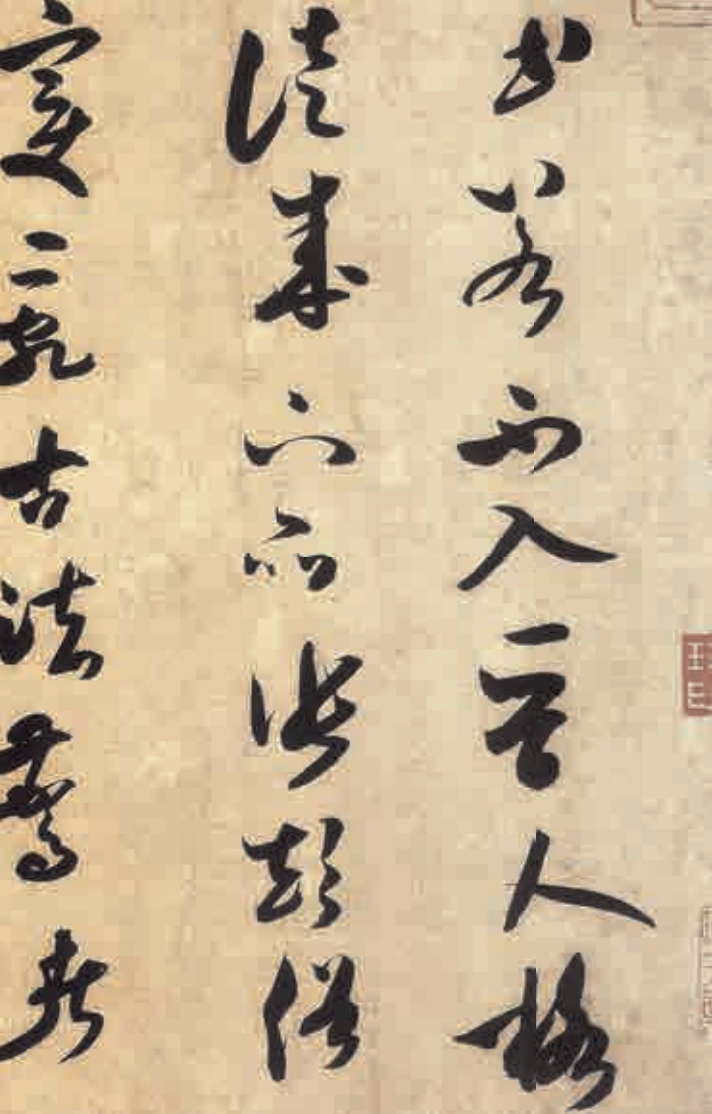
thú chơi lẫn công phu

MAN ĐỨC HUY

Thư pháp, nghệ thuật viết chữ của người Trung Hoa, từ xa xưa đã được coi như một thú chơi tao nhã; và quả thật nghề chơi này cũng lắm công phu.

Trước tiên, người muốn học thư pháp phải có sự ham thích và năng khiếu cộng thêm vốn chữ nghĩa tương đối rộng. Thư pháp không thể nóng vội, không qua rèn luyện mà có thể thuần thục được ngay. Để có thể viết được chữ đẹp, người học có khi phải mất gần nửa đời người luyện tập mới sở hữu được nét bút mang thần thái riêng không trộn lẫn. Chữ viết thư pháp nhìn có vẻ phóng khoáng, nhẹ nhàng nhưng

thực ra muốn tạo hình được nó phải tuân theo những nguyên tắc cực kỳ nghiêm ngặt. Khi viết, người viết phải xác định được bố cục để có tỉ lệ chữ chính xác, tránh được tình trạng thiếu giấy hay thừa giấy. Khi đặt bút xuống để tạo chữ, người viết phải tuân theo các quy tắc viết đã được các thư gia đúc kết lại như: ngũ chỉ pháp (cách cầm bút), oản pháp (cách điều khiển cổ tay), nhãn pháp (cách điều khiển mắt), thân pháp (cách đặt thế đứng ngồi khi viết). Đặc biệt, khi thực hiện một bức thư pháp, người viết phải tuân theo lối viết “bạch văn” (cách viết liền một mạch, không có các dấu ngắt câu), không sử dụng “cú đậu” (các dấu tròn hay phẩy



được cổ nhân sử dụng để ngắt câu khi viết) để tránh làm mất thẩm mỹ của một tác phẩm nhiều chữ.

Thư pháp đề cao cái “thần” của từng chữ, chữ của mỗi thư gia khác nhau quý ở cái “thần” riêng biệt, độc đáo. Người viết thư pháp thường cố gắng tạo ra cái “thần” riêng cho chữ viết của mình; và đó là điều cực kỳ khó vì nó là kết tinh của cá tính, tu dưỡng thi văn, tư tưởng, kỹ pháp và khí lực của thư gia. Theo Tôn Quá Đình, bút pháp của một thư gia lão luyện có thể tạo ra khí lực trong thiên nhiên; chẳng hạn, bút khí của thư gia có thể như “phi điều xuất lâm, kinh xà nhập thảo” (chim bay khỏi rừng, rắn sợ hãi chui vào cỏ) hay “phi hồng ký hải, vũ hạc du thiên” (hồng nhạn bay đùa trên biển, chim hạc bay múa trên trời). Thư gia lỗi lạc là người đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật viết, thể hiện được không chỉ là kỹ thuật mà còn là cảm xúc của mình trong từng nét bút; vì viết chữ mà nhìn ra gió, ra chim thì đó là bậc kỳ tài, biết mềm, biết rắn, nhẹ nhàng như “thiên dực” (cánh ve) nhưng cũng có khi vững chắc như “trụ thạch” (đá rơi). Ngọn bút khi lướt trên giấy nhẹ như gió thoảng mà dừng lại thì nặng như thái sơn. Để tạo được cái thần của thư pháp, việc dùng bút cũng rất quan trọng, nó thể hiện tài năng và sự tinh tế của người viết chữ. Trách Lăng trong cuốn “Họa sự vi ngôn” có nói rằng: “Câu lạc dụng ngạnh bút, trứ sắc dụng huyễn bút, công tế dụng tân bút, tả ý

dụng thoái bút, giới họa dụng ngạnh bút, họa nhiễm dụng huyễn bút, câu cân dụng ngạnh tiêm bút, điểm đài dụng ngạnh thoái bút, bát mặc dụng đại huyễn bút, đậm sắc dụng huyễn thoái bút” (Bút lông cứng dùng để vẽ đường nét, bút lông mềm dùng để tô màu, bút mới để vẽ những nét công phu, tỉ mỉ, bút cũ để mô tả theo lối tượng trưng tả ý, bút lông cứng để vẽ chi tiết, bút lông mềm để quét màu, bút lông cứng đầu nhọn dùng để vẽ gân lá, bút cũ lông cứng dùng để chấm những điểm rêu, bút lớn lông mềm để quét mực loãng, bút cũ lông mềm dùng để quét những mảng màu nhạt mỏng).

Người nghệ sĩ phải cảm nhận từ trong tâm, khi đó thì phóng bút sẽ rất nhanh và liền mạch, nhất khí, không đứt đoạn, nét bút viết ra sẽ tự khắc có thần khí khiến người thưởng thức có thể cảm nhận được. Tích xưa truyền lại, khi chiêm ngưỡng tác phẩm của Nhược Quỳnh, Tô Đông Pha đã từng thốt lên tán thưởng: “Chữ viết tiêu sơ như mưa bay, phát tán một cách tự nhiên mà không cầu thả”. Đó là sự giao cảm, đồng điệu một cách hết sức tự nhiên giữa người sáng tác và người thưởng thức nghệ thuật thông qua tác phẩm là cầu nối giao cảm; cái thần đã được thư gia gửi gắm và người xem đã nắm bắt được. Thường thức một tác phẩm thư pháp, người ta chủ yếu thưởng ngoạn thần thái nét bút chứ ít chú trọng đến nội dung tác phẩm. Vì thế, cho dù có viết cùng một chữ, một câu văn, một đề tài nhưng chính sự khác nhau trong cách dụng bút mà tạo ra những thần sắc riêng biệt, thu hút người xem. Cách thưởng thức này sẽ dẫn đến sự biệt lập về nội dung và hình thức của chữ, giữ gìn và đề cao lên trên hết là tính nghệ thuật của mỗi tác phẩm, tôn vinh vẻ đẹp của từng chữ, thể nhưng nó lại gây ít nhiều khó khăn và giảm phần thích thú đối với những người am tường cũng như có mối quan tâm về nội dung, ý nghĩa văn bản chữ Hán của tác phẩm.

Với những thư pháp gia của Trung Quốc từ xưa đến nay, người ta đều có thể tìm thấy trong nét bút của họ cái “thần” rất đặc biệt. Khải thư của Liễu Công Quyền và Nhan Chân Khanh được người đời tán tụng bởi khí chất được thể hiện trong chữ viết “Nhan cân Liễu cốt” (Nhan thể có gân, Liễu thể có xương), không chỉ tạo được thần thái cho chữ viết của mình, Liễu thể và Nhan thể còn là chuẩn mực về chữ khải cho người luyện chữ. Trong các cách viết còn có lối viết “cuồng thảo” khá đặc sắc với hai gương mặt là Hoài Tố và Trương Húc đời nhà Đường. “Cuồng thảo” là cách viết thể hiện rõ nhất thần thái của người viết thông qua tác phẩm của mình, đó là khi người viết hội tụ nhiều nhất sinh khí và cảm hứng đã đạt đến độ cao nhất ắt sẽ sinh cái cuồng, khi đó chữ viết tuôn ra trôi chảy, liền mạch, không gián đoạn, viết một mạch, không dừng bút. Vì thế mà dòng chữ đã viết ra gây được ấn tượng mạnh, nhanh chóng tạo được cảm xúc cho người xem. Trường phái chữ cuồng không thể không nhắc đến “cuồng thảo nhị tuyệt” (hai bậc tuyệt đỉnh về cuồng thảo) là Trương Húc và Hoài Tố được người đời

truyền miệng qua câu nói “Điền Trương túy Tố” (Trương Húc điền, Hoài Tố say) đều xuất phát từ con người và thói quen thư pháp của họ. Giai thoại kể lại rằng: Trương Húc là thư pháp gia thích uống rượu, khi đã say thì gào thét, phóng bút điền cuồng trên giấy không gì có thể ngăn lại được, hoặc giả khi đã cuồng thì nhúng đầu tóc vào nghiền mực. Cái thần của “cuồng thảo” được Trương Húc nắm bắt và lĩnh hội thông qua những màn múa kiếm mà ông được xem. Chữ của ông đẹp và sắc đến nỗi vua Đường Văn Tông đã sắc chiếu phong rằng đời nhà Đường có ba thứ được xem là “Tam tuyệt” là thi ca của Lý Bạch, tài múa kiếm của Bùi Mân và cuồng thảo của Trương Húc. Về phần nhà sư-nhà thư pháp Hoài Tố, tài năng chữ cuồng thảo của ông cũng không hề thua kém Trương Húc. Hoài Tố vốn là nhà sư xuất gia từ nhỏ, nhà nghèo không đủ tiền mua giấy nên đành viết thư pháp trên lá chuối. Nếu như Trương Húc nhận thấy cái thần của thư pháp từ việc xem múa kiếm thì nhà sư Hoài Tố lại lĩnh hội cái “thần” ấy từ việc quan sát những vết rạn nứt trên tường hay những tia chớp. Mặc dù xuất thân là một nhà sư nhưng ông lại rất thích uống rượu, rượu vào thì múa bút viết chữ thảo liên miên, kỳ dị, tuy có vẻ cuồng loạn nhưng lại mang một quy cách riêng khó ai có thể bắt chước theo được. Để tạo được chữ đẹp, có hồn thì trước hết phải dùng cảm xúc của bản thân mình vận vào từng nét bút, chỉ có như thế thì thư gia mới có thể thổi vào tác phẩm của mình linh hồn, chữ viết do đó mà có thần sắc, không khô cứng, vô hồn.

Nghệ thuật thư pháp vốn dĩ hay và đẹp, dễ làm rung cảm lòng người. Thư pháp không chỉ đơn thuần là trò chơi với chữ nghĩa mà còn là một bộ môn khoa học giúp con người vừa rèn cho mình khả năng viết chữ đẹp lại vừa giúp tu tâm, dưỡng tính, lánh xa những suy nghĩ phàm tục mà chuyên chú thưởng thức và nâng niu cái đẹp thanh khiết. Ngắm nhìn một bức thư pháp đẹp, câu chữ câu đối có thần khiến tâm hồn con người trở nên thanh tịnh, nhẹ nhàng. Học thư pháp phải tuân theo những bước nhất định và lâu dài, từ những bước cơ bản cho đến thành thực. Từ xưa đến nay, người tìm đến với thư pháp đều phải bắt đầu bằng cách tập viết loại chữ khải và phải là trung khải, sau khi đã thành thạo mới nên luyện viết sang tiểu khải và chữ thảo vì nếu luyện ngay chữ thảo thì nét chữ sẽ trở nên yếu đuối, không có gân cốt, nhìn không được đẹp mắt và không có linh hồn. Người muốn học viết chữ thư pháp không thể thiếu thầy dạy để nắm bắt được bút pháp của thầy, tiếp thu những kỹ thuật trực quan mà sách vở đọc sẽ không thể nắm bắt được hết. Học trò từ đó sẽ chịu nhiều ảnh hưởng từ bút pháp người thầy, thầy dạy quen với kiểu chữ nào thì trò học thường sẽ viết tốt kiểu chữ đó. Người thầy thường đóng vai trò “phá mê” cho học trò của mình, chỉ ra những nét còn chưa đẹp, chưa có thần khí, nét có chứa “tự bệnh” và “giải hoặc” cho học trò, tức là giảng giải những điều còn chưa thông suốt. Từ sự hướng dẫn

của thầy dạy, người luyện thư pháp dần dần sẽ cải thiện được kỹ thuật của mình, tránh mắc phải những tật dễ nhiễm nhưng lại khó sửa chữa, xác định cách viết đúng để từ đó mà việc luyện tập thư pháp ngày càng có hứng thú và mau chóng tiến bộ hơn.

Về mặt hình thức, người Trung Hoa chơi thư pháp phổ biến dưới dạng câu đối và liễn được viết trên giấy đỏ tượng trưng cho sự may mắn, phát tài. Nội dung câu đối thường là hai câu chữ Hán đối nhau về ý, về vần, có nội dung chúc phúc, chúc thọ, chúc sức khỏe, phát tài, thịnh vượng, sung túc. Câu đối thư pháp thường được treo ở những vị trí đẹp, trang trọng nhất của ngôi nhà như cổng, cửa chính, chính giữa phòng khách, cột nhà, bàn thờ gia tiên. Câu đối cũng được phân chia thành nhiều loại: Xuân liên (câu đối xuân), môn liên (câu đối dán ở cửa), doanh liên (câu đối dán ở cột). Về sau này, khi nghệ thuật viết thư pháp đã trở nên hoàn thiện và là một môn nghệ thuật không thể thiếu được trong đời sống tinh thần, xã hội thì các thư gia đã nâng tầm nó thành sự kết hợp bằng bức tranh và chữ viết, trở thành linh hồn của nghệ thuật hội họa của đất nước này. Tranh vẽ cùng với chữ tạo nên vẻ đẹp hài hòa, sinh động, hình vẽ cũng dùng bút lông để vẽ với những kỹ pháp khác nhau đã góp phần hiệu quả cho việc tăng tính trực quan, sinh động cho tổng thể tác phẩm. Người xem không chỉ thỏa mãn khi nhìn ngắm vẻ đẹp con chữ mà còn được thưởng thức những bức họa được vẽ bằng những nét chấm của bút lông nhưng lại cực kỳ tinh tế và sang trọng, giúp chuyển tải ý nghĩa của chữ viết một cách trực quan. Người vẽ tranh thư pháp có thể vẽ theo nhiều đề tài khác nhau, dụng bút khác nhau nhưng nhìn chung loại tranh này thường diễn tả ba chủ ý của người sáng tác:

Một là, gửi gắm ý chí, quan niệm của mình về thế sự, về cuộc sống và về con người.

Hai là, biểu đạt ước nguyện về mọi sự tốt lành, cát tường cho bản thân mình.

Ba là, cầu phúc, cầu điều tốt lành, hạnh phúc cho người khác, thường được dùng để tặng nhau trong những dịp lễ, tết hay những dịp mừng thọ trong gia đình.

Một bức tranh thư pháp không thể thiếu ấn chương, là con dấu màu đỏ, có khắc tên người viết được đóng ở góc bức tranh, thể hiện dấu ấn riêng của tác giả.

Để tạo nên một bức thư pháp hoàn chỉnh đòi hỏi người viết phải trải qua một quá trình khổ luyện dài để tập viết, hơn nữa là tập vẽ sao cho đẹp, cho khéo và nắm bắt được hầu hết các kỹ thuật viết nhằm tạo nên một tác phẩm đẹp nhất. Một tác phẩm chỉ gói gọn trong một trang giấy, thế nhưng ẩn chứa đằng sau nó là kết tinh rất nhiều ý chí cũng như sức lực của người sáng tác. Chính vì thế, nó được người đời rất trân trọng, nâng niu và gìn giữ. Thú chơi thư pháp không chỉ dừng lại ở một thú vui mà nó còn là “đặc sản tinh thần” vô giá của người Trung Hoa sáng tạo nên, được xem là quốc túy của dân tộc và lan tỏa đến nhiều đất nước khác trong khu vực. ■



Ảnh: Ngô Văn Thông

Những con đường xưa và nay

HOÀNG TÁ THÍCH

Đọc trên mạng, thấy nhiều người nghe ca khúc “*Trả lại em yêu*” của Phạm Duy có câu “Con đường Duy Tân cây dài bóng mát” và đặt câu hỏi không biết con đường Duy Tân đẹp và lãng mạn đó là con đường nào trong TP.HCM này. Chắc chắn những người thắc mắc đó là những bạn trẻ, và dĩ nhiên là phần đông họ không biết con đường này, vì con đường Duy Tân cây dài bóng mát của Phạm Duy là con đường thơ mộng của Saigon ngày xưa, bây giờ đâu còn nữa.

Con đường Duy Tân của Saigon ngày xưa bây giờ đã được đổi tên thành con đường Phạm Ngọc Thạch của TP.HCM từ sau 1975. Nếu ngày xưa đó là con đường mang tên của một vị vua đáng kính, là con đường của “cây dài bóng mát” thì ngày nay cũng vẫn là con đường cây dài bóng mát, nhưng không còn đẹp và lãng mạn như xưa. Nếu ngày xưa, con đường Duy Tân lúc nào cũng yên tĩnh với các biệt thự sang trọng dọc theo hai bên đường, thì nay đây rầy những hàng quán nhậu nhẹt ồn ào xô bồ suốt

ngày, cả trên lễ đường cũng thế. Chưa kể đến lòng đường lúc nào cũng đầy xe cộ, còi bóp đinh tai nhức óc. Từ khi ông Phạm Ngọc Thạch đến đây thì ông vua Duy Tân đi ở chỗ khác, nên có lẽ ông vua này cũng không nghe thấy được chổ ở xưa của mình bây giờ ồn ào như thế nào. Cũng như những cư dân ngày xưa trên con đường này như bác sĩ Tài, bác sĩ Cẩn, bác sĩ Bốn, dược sĩ Trung... bây giờ cũng không thể biết con đường ngày xưa của mình nay đã thay đổi ra sao nữa.

Nhắc đến con đường Duy Tân thì cũng không thể không nhắc đến con đường Tú Xương không cách xa bao nhiêu. Tú Xương vẫn còn ở đó, nhưng là một ông Tú Xương khác, đã bị thay đổi theo thời cuộc. Nếu ngày xưa, đó là một con đường đầy những biệt thự sang trọng của những người giàu có, lúc nào cũng yên tĩnh, thì nay cũng là con đường của những người giàu có, nhưng cái sang trọng đó cũng đã mất đi, cũng mọc lên những hàng quán, như con đường mang tên bà Hồ Xuân Hương xưa và nay vậy.

Nếu cư dân trên một con đường theo thời gian dời đi nơi khác vì hoàn cảnh, thì tên các con đường cũng thế. Catinat ra đi, Tự Do dọn đến. Tự Do ra đi, Đồng Khởi thay thế. Phan Thanh Giản đi rồi, Điện Biên Phủ thay thế. Phan Đình Phùng biến mất, thì lại thấy ông Nguyễn Đình Chiểu dọn đến. Không biết bao nhiêu là cư dân mới: Trần Quốc Thảo, Lê Văn Sĩ, Nguyễn Văn Trỗi, Huỳnh Văn Bánh, Lê Thị Riêng, Nơ Trang Long... Nhiều cái tên lạ hoắc, phải tra cứu tự điển mới rõ được lý lịch. Cũng phải thôi, mỗi thời một khác. Đâu có phải Norodom, Charner, Catinat... có thể ở hoài nơi đó được, vì cái thời Pháp thuộc đã qua đi từ lâu rồi. Nhưng cũng có những thay đổi tên đường mà người ta không hiểu lý do, chẳng hạn người ta đổi ông Phan Đình Phùng đi và đem ông Nguyễn Đình Chiểu lại. Giá như cái tên Phan Đình Phùng bị xóa đi vĩnh viễn thì chẳng nói làm gì, đằng này ông Phan Đình Phùng lại được đưa đến một con đường khác, mới là khó hiểu.

Nhìn con đường Phạm Ngọc Thạch bây giờ, tôi lại nhớ đến những con đường ở Huế. Cái tên Âm Hồn trong Thành Nội nghe có vẻ ma quái, nhưng lại quen thuộc với cư dân Huế hơn là con đường Lê Thánh Tôn bây giờ. Một lần tôi trở lại con đường Bộ Thị của mấy mươi năm trước, giờ đây đổi tên thành Nguyễn Biểu. Không chỉ con đường được đổi tên mà tự nó cũng biến đổi đến nỗi tôi chẳng nhận ra mình đang đi trên con đường của những dãy nhà Thừa phái ngày xưa. Dân cư cũ, phần đông là công chức, bây giờ chẳng còn một ai. Những khoảng vườn giữa những căn nhà cũng như khoảng sân cách với lễ đường, bây giờ cũng đều là những mái nhà, cao thấp không đều nhau, lợp tôn, lợp ngói linh tinh chẳng đồng bộ với nhau chút nào. Nghĩa là mạnh ai nấy làm, miễn thêm được chút

đỉnh không gian mà thôi. Tôi đi bộ trên con đường này mà chẳng thể có một chút gì bồi hồi hoài niệm về một con đường tôi đã trải qua thời kỳ thơ ấu. Cách một con đường, Mai Thúc Loan, xưa là con đường Đồng Ba, cũng là một dạng nhà công chức ngày trước, nay là một con đường hàng quán xô bồ, càng về đêm càng lắm người tụ tập ăn uống nhậu nhẹt ầm ĩ. Ngay đầu ngã tư Âm Hồn và cách đó vài căn là hai ngôi nhà xưa, nhờ trời chưa bị đập phá, nhưng lại thấy bị lạc lõng giữa những gian hàng buôn bán và quán ăn.

Ở Huế ngày xưa, mỗi lần nghe đi chùa là như có vẻ xa xôi lắm, bởi vì phần đông những con đường dẫn đến chùa gần như không có tên. Chùa chiền hầu hết ở trong những vùng ít có dân chúng. Đi thăm lăng tẩm của các vua chúa lại nghe càng có vẻ ngút ngàn hơn. Lăng Minh Mạng, Gia Long tưởng chừng như trong một vùng núi non thâm sơn cùng cốc. Thời còn học trò, đạp xe đạp đi lăng Minh Mạng, Gia Long, nghe như một thành tích dã ngoại, không phải lúc nào muốn đi là đi như bây giờ được.

Bây giờ thì khác hẳn. Hàng quán cũng tiến dần đến gần cả những chùa chiền, lăng tẩm làm cho những nơi này càng gần thành phố hơn. Đường sá mở mang, dân cư đông đúc, chùa chiền bị lấn chiếm đất, nên phần lớn đều gần nơi thị tứ. Nhiều ngôi chùa còn nằm bên cạnh những khu chợ búa, ồn ào tấp nập suốt ngày. Có khi tiếng chuông chùa ban ngày còn bị át đi, chẳng ai nghe được nữa. Đi chùa bây giờ, chỉ cần một cuộc taxi là vài phút sau, xe đã đỗ ngay trước cổng. Cái cảm giác được đi chùa ngày xưa không còn nữa. Ngày xưa, những con đường dẫn đến chùa chiền lăng tẩm là những nơi ghi dấu lăng mạn cho tuổi học trò. Với chiếc xe đạp trên những con đường đất ẩn giấu dưới những tàng cây, chùa chiền lăng tẩm ngày xưa, dù vẫn ở địa điểm đó, không thay đổi, nhưng tình cảm đi chùa với cái tuổi học trò vẫn khác hẳn bây giờ. Đi chùa không phải chỉ đến lạy Phật mà đi chùa còn là những chuyến dã ngoại lăng mạn hẹn hò của tuổi học trò. Bây giờ chỉ còn là những hoài niệm. Cũng như dấu tích những lối đi lờm chờm đất đá bây giờ đã được thay thế bằng những con đường tráng nhựa xe cộ di chuyển nườm nượp, chẳng còn gì gọi là thơ mộng nữa.

Đi chùa hay đi lăng nghe còn có vẻ gần thành phố, chứ ngày xưa nói chuyện về lăng nghe xa xôi lắm. Hồi còn bé, mỗi lần được về làng như là được làm một chuyến du lịch nho nhỏ. Xe đò chỉ đến khu vực phía ngoài, vì hết đường lớn. Sau đó phải lội bộ, đôi khi còn phải đi ghe đi đò. Nói đến làng là nói đến lũy tre dọc theo những bờ sông hay bờ ruộng có những con đường đất chỉ vừa một hai người đi. Nghe về làng thì xa lắm, nhưng thực ra cũng chỉ cách thành phố chừng vài chục cây số. Như những ngôi làng ở các quận Quảng Điền, Phong Điền, làng Truồi... bây giờ chỉ cần

vài tiếng bằng một cuộc taxi. Những nơi xe hơi không vào được thì đã có xe gắn máy tiếp sức.

Ngày xưa, nghĩa là cũng chỉ cách đây chừng năm bảy chục năm, ngoài những đêm trăng sáng, dân làng còn thức khuya để vui chơi, còn thì đều đi ngủ cùng với mặt trời và thức dậy trước khi mặt trời mọc để ra đồng. Bây giờ thì điện vào làng sáng choang, dân làng cũng không cần ánh trăng nữa. Những con đường đất hẹp trước kia nay tráng nhựa rộng rãi, xe hơi vào dễ dàng. Ở ngoài Bắc, nghe nói có hồi dân làng còn phản đối chuyện “hiện đại hóa” làng xã, vì không còn cái gì gọi là truyền thống nữa. Nói vậy cũng không phải, vì xã hội nào cũng phải theo đà tiến hóa của nhân loại. Không lý cứ sống mãi với cây đèn dầu, chẳng biết đến cái TV, cái tủ lạnh là gì. Tuy nhiên, dù là mỗi thời mỗi khác, phải thay đổi theo trào lưu tiến hóa của xã hội, nhưng đôi lúc sự thay đổi hơi “quá độ”, làm mất hết cái truyền thống, cũng không phải là hay. Ở các nước có một nền văn minh lâu đời, những kiến trúc cũ cũng theo thời gian mà đổ nát, nhưng người ta luôn luôn tìm cách giữ lại những nét cổ truyền của ngày xưa. Những thành phố không đến nỗi xưa lắm như Montreal, hay Washington D.C, khu phố cổ vẫn còn những con đường lát đá nguyên vẹn cách đây vài trăm năm. Ở Âu châu, đi trong những khu phố cổ, tưởng như những thị trấn hàng mấy trăm năm trước vẫn không

thay đổi với những lối đi hẹp lát đá cùng những căn nhà mặt tiền cổ kính.

Con người cũng thế. Cách đây cũng không phải là lâu lắm, giới trẻ chỉ có xe đạp, nhà chỉ có điện thoại bàn, chưa có di động, chưa có những địa điểm vui tính. Bây giờ thì xe gắn máy còn nhiều hơn cả xe đạp hồi trước. Điện thoại di động, các điểm internet, chơi games khắp nơi. Có xe gắn máy thì có lạng lách, đua xe gây ồn ào phá làng phá xóm. Xe gắn máy còn là phương tiện tốt cho việc cướp giật ngoài đường. Điện thoại di động thì tiện cho việc hẹn hò, còn là phương tiện để ghi lại những bằng chứng đe dọa nhau. Trẻ con thì ngoài giờ học, biến mình trong các trung tâm giải trí...

Càng văn minh, con người càng bị biến đổi. Khó giữ cái đẹp mà còn đi vào cái xấu một cách dễ dàng. Nhưng trào lưu tiến hóa là một điều không thể từ chối được.

Bây giờ thì tuổi trẻ không thể nào biết được cái thú cùng nhau đạp xe đến trường, cùng đạp xe hẹn hò đi chùa, đi lăng ở Huế trên những con đường đất len lỏi trong những tàng cây hoang vắng.

Bây giờ thì chỉ mất vài phút chạy xe qua cầu, và không còn cảnh những tà áo trắng của những cô học sinh Đồng Khánh trên những con đò ngang chòng chành sông nước Hương Giang như ngày trước.

Những con đường ngày xưa hay bây giờ cũng chỉ để dẫn người đi đến cùng một nơi, nhưng lại khác nhau rất nhiều. ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2013

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2013, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 38 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 41 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa : 14 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải,
 Chùa Báo Ân : 12 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiên, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên : 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q. BT : 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lương Thị Ngọc Hạnh, Q. 5 : 5 cuốn/kỳ
PD: Diệu Đức : 10 cuốn/kỳ
Ô. Trần Quốc Định : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 9 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 8 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 7 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA) : 6 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi : 6 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q. BT : 5 cuốn/kỳ

Ô. Nguyễn Mạnh Hùng,
 CTCP. ThaiHa Books : 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh, Hà Nội : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q. BT : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Kim Sơn, Q. 2 : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ngọc, Phan Thiết : 5 cuốn/kỳ
Lakinh.com : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Cháu Thiên An : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyền,
 CT TNHH Cơ khí **Mê Linh** : 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q. 2 : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh : 2 cuốn/kỳ
BBT Viện khongtu.com : 2 cuốn/kỳ
 CT TNHH SXTM

Nến Hạnh Phúc, Q. BT : 2 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 2 cuốn/kỳ
CTy TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Thiện Thành, Q. 6 : 2 cuốn/kỳ
Ô. Lê Hưng Khanh, Gò Vấp : 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ : 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngân : 1 cuốn/kỳ
Cô Kim : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt : 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCHP ĐN : 1 cuốn/kỳ
CTy Dược phẩm Phúc Thiện : 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh : 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyen Thuan
 (namgiao1942@yahoo.com) : 1 cuốn/kỳ
Cô Châu : 1 cuốn/kỳ
Tổng số báo tặng kỳ này: **440 cuốn**
 Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335.**
 Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn, hoặc toasoanhpg@gmail.com

Ban Biên tập

Mây trắng của đời tôi

Những vần thơ xuất thế gian trong thơ ca Lưu Quang Vũ

LÊ HẢI ĐĂNG



Nhà thơ Lưu Quang Vũ.

(1986). Trong địa hạt kịch, Lưu Quang Vũ đã thực sự là một trong những soạn giả xuất sắc nhất thời đại, đóng góp nhiều tác phẩm xếp vào hàng kinh điển còn mãi với thời gian.

Có thể nói, Lưu Quang Vũ đóng vai trò phức hợp về mặt tài năng thể hiện trên nhiều lĩnh vực đa dạng, từ

Lưu Quang Vũ là một hiện tượng lạ trong làng nghệ thuật nước ta.

Nhiều người biết đến ông qua những vở kịch để đời từng được trình diễn hầu khắp các sân khấu lớn nhỏ của cả nước vào thập niên 80 thế kỷ XX, phản ánh bước chuyển biến sâu sắc trong xã hội trước và sau thời kỳ đổi mới

thơ ca, truyện ngắn, phê bình văn học, nghệ thuật cho tới kịch nói, chưa kể ông còn có phẩm tài của một người từng theo học hội họa. Nói chung, ở lĩnh vực nào, dù nổi danh hay chỉ đơn giản được người thân, bạn bè biết tới, Lưu Quang Vũ đều chứng tỏ khả năng, tài năng xuất chúng của mình. Ngay từ những ngày đầu xuất hiện trên văn đàn qua tập thơ *"Hương cây - Bếp lửa"* in chung với Bằng Việt, Lưu Quang Vũ đã lọt vào "tuệ nhãn" của cây đại thụ trong làng phê bình văn học là Hoài Thanh, sau này Nguyễn Huy Thiệp cũng không ngớt lời khen ngợi. Trong sự tài hoa đi đến tận cùng số phận, cống hiến hết mình cho nghệ thuật, ông cũng gặp không ít kẻ ghen ghét đố kỵ, những người đã dành nhiều trang viết để nói về thói hư tật xấu của ông. Tuy nhiên, thói hư tật xấu ấy tác giả đã đem sang thế giới bên kia, thứ còn lại là những viên ngọc sáng long lanh, quý giá... góp nhặt cho đời.

Riêng ở lãnh địa thơ ca, Lưu Quang Vũ có nhiều bài thơ in đậm trong tâm trí người đọc, như *"Đất nước đàn bầu"*, *"Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi"*, *"Nhà chật"*, *"Vườn trong phố"*, *"Những bông hoa không chết"*; *"Tiếng Việt"*...

Lưu Quang Vũ không chỉ dùng ngòi bút lột tả bộ mặt thật của xã hội qua kịch, chân dung những nhà văn tiền bối bằng phê bình, mà còn thể hiện tư tưởng, tình cảm, thế giới thẩm kín qua thơ. Thơ chính là nhịp cầu tư tưởng, thế giới khép kín, nội tâm của người viết, đi kèm với những biến động nghiệt ngã, sóng gió và bi thảm. Nói cách khác, cuộc đời Lưu Quang Vũ chính là một tác phẩm nghệ thuật. Nếu đặt trong bối cảnh văn hóa đất nước, ông là hiện thân của thể hệ danh nhân trưởng thành bằng con đường tự học, lớn lên bằng cách tự bươn chải, kiếm sống bằng nhiều nghề, trong đó có cả nghề lao động chân tay thuần túy! Trong cuốn *"Giăng lưới bắt chim"*, nhà văn Nguyễn Huy Thiệp từng khái quát giới nhà văn tiền bối nước ta chủ yếu thuộc loại "tự phát thành tài". Lịch sử Việt Nam mang trong mình tính lưu truyền văn hóa thông qua phương thức "thổ sinh thổ dưỡng" đặc thù của văn hóa dân gian.

Đối với Lưu Quang Vũ, thơ như một góc trời riêng, lặng lẽ phơi bày tư tưởng, tình cảm, quan điểm thẩm mỹ... Ông để lại nhiều tập thơ, gần đây Nhà xuất bản Hội Nhà Văn tuyển chọn in thành cuốn: *"Lưu Quang Vũ - Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi"*. Tiêu đề cuốn sách cũng chính là tên một bài thơ tình nổi tiếng. Thơ Lưu Quang Vũ phản ánh nhiều cung bậc, sắc độ tình cảm, không hiếm bài vượt lên trên những biểu hiện tầm thường, vươn lên thành tuyên ngôn cho một nhân cách độc lập.

*"Trên mái nhà, cao vút rừng cây
Trên rừng cây, những đám mây xô giạt
Trên ngày tháng, trên cả niềm cay đắng
Thơ tôi là mây trắng của đời tôi".*

"Mây trắng của đời tôi" có thể coi như bản tuyên ngôn về nhân sinh quan, thế giới quan. Mọi quan điểm thẩm mỹ, tư tưởng thi ca đều hiển lộ qua từng câu thơ. Tác phẩm tập trung về đẹp của nhạc điệu, tiết tấu, kết hợp với thế giới hình sắc biến ảo.

*"Những ngọn lửa vô hình chưa kịp có tên
Dòng nhựa trong cây, mùa xuân trong dòng nhựa
Cơn gió ẩn sau buồm, chân trời sau biển cả
Những nhịp cầu
Nối hạt cát với ngôi sao..."*

Nếu như *"Nhà chật"*: "Nhà chỉ mấy thước vuông, sách vở xếp cạnh nồi. Nếu nằm mơ, em quờ tay là chạm vào thùng gạo..." thể hiện hiện thực của cuộc sống thì *"Mây trắng của đời tôi"* chính là hiện thực trong tư tưởng. Nó thoát khỏi những ràng buộc đời thường vươn lên thành phi thường - xuất thế gian - lạc vào cõi vĩnh hằng muôn thuở. Lưu Quang Vũ đặc biệt nhạy cảm với những cung bậc của ngôn ngữ, qua các phương tiện biểu hiện của thi ca, thế giới đi ra từ cánh cửa nội giới. Trong bài thơ *"Tiếng Việt"*, tác giả của nó đã khám phá ra chân trời mới lạ tiềm ẩn đằng sau những cung bậc âm thanh, trầm bổng, huyền diệu:

*"Dấu huyền trầm, dấu ngã chênh vênh.
Dấu hỏi dựng suốt ngàn đời lửa cháy.
Một tiếng vườn rợp bóng lá cành vươn.
Nghe mát lịm ở đầu mỗi tiếng suối.
Tiếng heo may gợi nhớ những con đường..."*

Xuất phát từ khả năng nhạy cảm, đa cảm với cách thức biểu hiện của phương tiện ngôn từ, Lưu Quang Vũ thể hiện một cách tuyệt vời thông qua nghệ thuật trình diễn là kịch nói. Lời thoại nhân vật luôn tràn đầy dư ba, ngân nga như nghệ thuật âm nhạc, lời lẽ thốt lên có khả năng truyền cảm, thẩm thấu, chuyển tải sâu sắc cả nội dung lẫn hình thức nghệ thuật. Kịch Lưu Quang Vũ phản ánh sâu sắc những vấn đề nóng bỏng mang tính thời sự, tác giả dùng cảm đương đầu trước hiện thực trần trụi bằng bản lĩnh của một con người từng được mệnh danh là "không biết sợ". Song, kịch là ngôn ngữ ông nói với thế nhân, còn thơ ca mới là lý tưởng sống. Nhạc sĩ Beethoven vĩ đại thể hiện mình qua chương III những bản Sonate bất tử, còn chương I giống như cuộc trò chuyện với người đời. Chương III tập trung mọi khả năng bùng phát, tỏa sáng như tinh cầu trên bầu trời đêm. Lưu Quang Vũ với *"Mây trắng của đời tôi"* đã phác họa thế giới bằng vẻ đẹp trong suốt, nhẹ tênh, như tâm hồn phiêu lãng tỏa bóng yên lành xuống cuộc đời sóng gió, đi từ những nhọc nhằn đời thường tới đỉnh cao vinh quang trong tâm thái tiêu dao, nhõm nhõm trên cõi tạm.

Lưu Quang Vũ sáng chói như sao băng rồi vụt tắt trên bầu trời nghệ thuật để lại sự ngỡ ngàng, tiếc nuối cho biết bao người yêu quý, tiếc thương cho tài năng, phẩm cách một nghệ sĩ lớn. Nhìn cảnh ngang trái đầy rẫy trong xã hội không khỏi chạnh lòng nhớ xót xa và thẫm nhủ giá cuộc đời còn có Lưu Quang Vũ. Lưu Quang Vũ đã đi vào cõi bất tử 25 năm qua. Ông đã rời "Nhà chật" đi vào nhà trống - cõi mệnh mang trong vũ trụ không cùng. "Điều không thể mất" trong gia tài nghệ thuật quý giá đó là những tác phẩm bất hủ. Và thơ chính là phần tinh hoa, tinh túy, như tâm hồn nhẹ thênh thang, trôi bồng bềnh trên trời phiêu lãng của trí tưởng tượng kỳ vĩ.

Những năm cuối cuộc đời ngắn ngủi, Lưu Quang Vũ làm việc như "bà nhập" với một năng lực "xuất quỷ nhập thần", khoảng 10 năm cho ra đời gần 50 vở kịch, kèm theo những bài thơ đi cùng năm tháng. Vào thời điểm đó, có người nói: "Vũ sắp bị Giới bắt đi". Thực tế, Lưu Quang Vũ không bị giới bắt đi mà ra đi vì tai nạn giao thông trong một ngày đầu thu cách nay tròn một phần tư thế kỷ. Nguyễn Trãi từng than thở: "Tuần kiệt như sao buổi sớm. Nhân tài như lá mùa thu". Lá mùa thu nhân tài trong vườn nghệ thuật nước nhà đã xác xơ nhiều sau mỗi mùa lá rụng và mỗi chiếc lá rụng xuống không khỏi khiến đất trời thêm hoang vu, dấu biết mùa thu không phải là bất tử! ■

Nietzsche

và ba cuộc hóa thân của Bồ-tát

PHAN CÁT TƯỜNG

Friedrich Wilhelm Nietzsche (1844-1900), nhà triết học lớn của nước Đức, người được gán cho danh hiệu ông tổ của triết học hiện sinh vô thần (song song với Nietzsche có Kierkegaard - ông tổ triết học hiện sinh hữu thần).

Tư tưởng triết học của Nietzsche có thể nói nằm gọn trong tác phẩm *"Zarathustra đã nói như thế"*. Trong đó, ông mượn Zarathustra, một nhân vật huyền thoại trong sử thi Ba Tư để nói lên những thực chứng của bản thân.

Mặc dù ông chịu ảnh hưởng của Phật giáo từ bậc tiền bối Schopenhauer (1788-1860), nhưng ông cũng có cái riêng của mình để phân biệt những chặng đường triết học của bộ ba Kant, Schopenhauer và Nietzsche.

Một trong những điểm đặc sắc nhất của *"Zarathustra đã nói như thế"* là sự chuyển hóa vĩ đại về tinh thần của một hành giả trên con đường giải thoát, mà Nietzsche hình tượng hóa bằng ba cuộc hóa thân: Từ tinh thần biến thành lạc đà, từ lạc đà biến thành sư tử và từ sư tử biến thành trẻ thơ.

Nietzsche đã viết:

"... Có rất nhiều gánh nặng đối với tinh thần, đối với tinh thần dũng mãnh kiên trì được sự tôn kính khích động; dũng lực của tinh thần ấy đòi hỏi những gánh nặng nặng nề nhất. Có cái gì nặng nề đâu? Tinh thần can đảm cất tiếng hỏi như thế; rồi nó quỳ gối như con lạc đà và muốn người ta chất thật nặng lên lưng mình".

"... Tinh thần dũng mãnh nhận lãnh tất cả những gánh nặng đó: như con lạc đà vừa được chất hàng xong, vội vã lên đường về sa mạc, tinh thần dũng mãnh cũng vội vã về với sa mạc của đời mình như thế. Nhưng giữa lòng sa mạc hoang liêu cô độc nhất đã thành tựu cuộc hóa thân thứ nhì: ở đây tinh thần biến thành sư tử, tinh thần muốn chinh phục tự do và làm chủ sa mạc riêng của mình".

"... Nhưng hồi các anh em, hãy nói ta nghe, đứa trẻ thơ có thể làm điều gì mà con mãnh sư đã không thể làm được? Tại sao con mãnh sư dữ tợn phải biến thành trẻ thơ?"

Trẻ thơ là sự ngây thơ và quên lãng, một sự tái khởi miền viễn, một trò chơi, một bánh xe quay vòng quanh mình, một vận chuyển đầu tiên, một tiếng 'Vâng' linh thánh".

Câu chuyện về hóa thân của Nietzsche làm chúng

ta liên tưởng đến hành trình vi diệu của một hành giả Phật giáo từ lúc phát tâm xuất gia đến khi chứng ngộ Bồ-tát đạo.

Tâm kẻ sơ cơ xuất gia cũng giống như tinh thần biến thành chú lạc đà khổ ách. Tâm đầy áp tạt niệm, lại cố chất thêm vào những bài học giáo lý ban đầu dành cho kẻ học Tăng.

Giai đoạn lắng nghe và tỏ ngộ giáo lý của một hành giả không khác chú lạc đà cố gắng chất chứa thật nhiều hành lý trên cái lưng gầy gò của mình rồi dừng mãnh bước vào sa mạc. Ở đó có cát nóng, có bão táp, có

sương sa nhưng cũng không thiếu những ốc đảo xanh tươi, không thiếu những đêm trăng thanh và vũ trụ đầy sao trời lấp lánh như những nàng tiên cười cợt gọi tình.

Đó là quả vị Thanh văn, quả vị ban đầu của bậc A-la-hán, nhờ lắng nghe và học hỏi mà thành tựu.

Nếu Nietzsche mượn hình ảnh chú lạc đà bằng mình vào sa mạc mệnh mông thì Đức Phật trong kinh *"Ưu-bà-tắc giới"* đã lấy hình ảnh chú thỏ vượt sông Hằng để ví dụ cho quả vị Thanh văn. Sông Hằng tượng trưng cho giáo lý Thập nhị nhân duyên. Thỏ bơi qua sông Hằng chân không thể chạm đáy sông, như hành giả chứng quả vị Thanh văn nhờ sự cầu học chứ chưa thể chạm đến những trải nghiệm về sự sinh khởi và hoại diệt của các pháp.

Ở cuộc hóa thân thứ hai, lạc đà biến thành sư tử. Đó là khi lạc đà nhận thức được mớ hành lý nặng nề trên lưng kia chỉ làm cản trở bước tiến mình, nên nó



quyết định vứt bỏ. Lạc đà thông dong tự tại trong sa mạc cát vàng mênh mông. Phong thái vô ngại của nó như một con mãnh sư. Nó hiểu mình có thể vươn vai hóa thành mãnh sư ngay lúc này đây.

Từ đây, cuộc hóa thân bắt đầu bằng sự buông xả, bằng tinh thần vô niệm và bằng sự suy tư chín muồi về vòng tuần hoàn mười hai nhân duyên của vạn pháp.

Đó là con đường Duyên giác thừa. Cũng trong kinh “Ưu-bà-tắc giới”, Phật giảng rõ ràng quả vị Duyên giác có được là do hành giả tư duy và thấu hiểu được lý Duyên sanh. Đức Phật đã mượn hình ảnh con ngựa vượt qua sông Hằng đến bờ bên kia. Vì chân nó không đủ dài nên có lúc chạm được đáy sông, có lúc lại không. Đó là sự tư duy lúc cạn, lúc sâu của hành giả đi trên con đường Duyên giác. Nhưng họ vẫn có thể chứng ngộ được, dù thời điểm đó không có Phật ra đời.

Cuộc hóa thân thứ ba, Nietzsche rất có lý khi mượn hình ảnh của đứa trẻ thơ để làm đích đến cho mãnh sư. Mãnh sư hung tợn, còn trẻ thơ thì hồn nhiên. Nhưng mãnh sư vẫn có thể biến thành trẻ thơ vì tận cùng của sự hung tợn chính là sự hồn nhiên trong trong sáng.

Ở điểm này có thể Nietzsche đã đến gần với cái nhìn của những truyền thống giác ngộ xa xưa. Trong *Phúc âm*, Jésus đã khuyên mọi người hãy sống với tinh thần trẻ thơ để có thể bước qua cánh cổng Thiên đàng. Trong *Đạo Đức kinh*, Lão Tử đã tự ví mình như đứa trẻ thơ chưa biết cười, đi không biết chỗ về. Và trong *Kinh Đại Bát Niết-bàn*, Đức Phật cũng ví Bồ-tát hạnh như Anh nhi hạnh.

Cuộc hóa thân thứ ba này không chút dễ dàng nên Nietzsche đã không nói đến con đường nào để sư tử biến thành trẻ thơ; nhưng Đức Phật đã chỉ rõ con đường Lục độ Ba-la-mật là phương tiện thiện xảo để hành giả từ Duyên giác thừa tiến lên Bồ-tát thừa.

Đức Phật đã mượn hình ảnh loài hương tượng, một loài voi chân dài có thể lặn sâu trong nước để ví dụ cho cách mà một hành giả có thể đến với Bồ-tát đạo. Loài hương tượng khi vượt sông Hằng, chân nó luôn bám sát đáy sông nên nó có thể qua bờ kia một cách hoàn hảo, như một hành giả do dốc lòng thực hành Lục độ Ba-la-mật mà dứt trừ được tập khí và thành tựu viên mãn Bồ-tát đạo.

“Thiện nam tử! Như ba con thú: thỏ, ngựa và hương tượng, lội qua sông Hằng. Chân thỏ không chạm đến đáy sông, nổi trên mặt nước mà bơi qua. Chân ngựa thì có lúc chạm đến đáy sông, có lúc không chạm. Chân hương tượng thì lúc nào cũng chạm đến đáy sông. Ở đây, sông Hằng tượng trưng dòng sông mười hai nhân duyên. Khi hàng Thanh văn vượt qua dòng sông mười hai nhân duyên, cũng giống như thỏ qua sông; khi hàng Duyên giác vượt qua, cũng giống như ngựa qua sông; khi Đức Như Lai vượt qua, cũng giống như loài hương tượng qua sông. Vì thế Đức Như Lai được gọi là Phật. Thanh văn, Duyên giác tuy đoạn phiền não, nhưng chưa đoạn tập



khí. Còn Đức Như Lai đã nhổ tận gốc của tất cả phiền não và tập khí, nên gọi là Phật”².

Hình ảnh Bồ-tát đạo là hình ảnh của Địa Tạng Vương, Quán Thế Âm, Bồ Đại Hòa Thượng, Tế Diên Tăng,... Tất cả đều toát lên sự vô tâm trong hành trình thực hiện tinh thần Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí huệ.

Ba cuộc hóa thân của một hành giả đi từ Thanh văn lên quả vị Bồ-tát là hành trình tất yếu của một con người tu chứng. Đạo Phật gọi là Bồ-tát. Nietzsche gọi là Siêu Nhân. Zarathustra là một Bồ-tát, một Siêu Nhân, một người chứng ngộ.

Triết học Nietzsche là Triết học vô thần. Ông đã có tuyên ngôn nổi tiếng: *“Gott ist tot!” (Thượng đế đã chết!)*. Thực ra đây cũng chỉ là cách nói để giải phóng con người ra khỏi gánh nặng của những giáo điều, những lời răn, những tiên tri đầy ắp sự đe dọa và trừng phạt. Khi con người được giải phóng khỏi ý niệm Thượng đế - cũng giống như con lạc đà trút khỏi gánh nặng trên lưng - sẽ tự do bay nhảy và tiến hóa theo hành trình tự nhiên để bước vào con đường giải thoát.

Ba cuộc hóa thân của Nietzsche không khác tam thừa Phật giáo. Một sự trùng hợp ngẫu nhiên hay một cách nói khác của trào lưu Phật học phương Tây? Nhưng dù gì đi nữa, dù Đông hay Tây, chân lý vẫn chỉ là Một.

Biết đâu Nietzsche lại chẳng rất gần với những hóa thân của Mã Minh hay Long Thọ? ■

Chú thích:

1. Zarathustra đã nói như thế, *Friedrich Nietzsche*, bản Việt dịch của Trần Xuân Kiêm.

2. Ưu-bà-tắc giới kinh hay Tại gia Bồ-tát giới kinh, *Tam tạng Pháp sư Đàm Vô Sấm Hán dịch*, bản Việt dịch của Tỳ-kheo Thích Tịnh Nghiêm.

Lời khuyên nhẹ nhàng

NGUYỄN ÁNH

Trong số các bậc Đạo sư danh tiếng trên thế giới, Đức Phật luôn luôn được tôn kính là vị thầy có nếp sống minh triết và có lối giảng dạy minh triết. Sở dĩ như vậy là bởi Đức Phật là một vị Chánh đẳng giác, có đầy đủ bốn vô sở úy và mười Như Lai lực¹. Chúng ta ngày nay không được trực tiếp chứng kiến nếp sống giải thoát của Phật, cũng không được trực tiếp lắng nghe những lời dạy sáng suốt đầy từ tâm của Ngài; nhưng những bài pháp do Ngài thuyết giảng ở nhiều nơi và được chư vị đệ tử chú tâm ghi lại thành các bài kinh mà nay chúng ta có duyên may được tiếp cận vẫn luôn luôn toát lên một vẻ đẹp và sức sống lạ thường, đánh dấu một thời kỳ an lạc sâu lắng của lịch sử nhân loại trong đó có bậc Chánh đẳng giác xuất hiện để dẫn dắt đời sống chơn chánh hiền thiện cho loài người. Vậy Đức Phật đã dạy những gì và giảng dạy như thế nào để có thể tạo ra được một thế giới thanh bình, lợi lạc cho số đông? Một số trích đoạn sau đây của bài kinh “Không gì chuyển hướng” lưu ở tuyển tập *Trung Bộ* cho chúng ta lời giải đáp khá xác thực:

“Một thời, Thế Tôn du hành giữa dân chúng Kosala với Đại chúng Tỳ-kheo và đến tại Sala, một làng Bà-la-môn của dân chúng Kosala. Rồi các Bà-la-môn gia chủ ở Sala đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, một số người đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; có người nói lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên; có người chấp tay vái chào Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; có người

xưng tên và dòng họ rồi ngồi xuống một bên; có người yên lặng ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với các Bà-la-môn gia chủ ở tại Sala đang ngồi xuống một bên:

- Nay các Gia chủ, các Ông có vị Đạo sư khả ý nào mà các Ông có lý do đặt được lòng tin không?

- Bạch Thế Tôn, chúng con không có vị Đạo sư khả ý nào để chúng con có lý do đặt được lòng tin.

- Nay các Gia chủ, nếu các Ông không có một vị Đạo sư khả ý nào, thời hãy lấy pháp “không gì chuyển hướng” này mà thực hành. Nay các Gia chủ, pháp không gì chuyển hướng này được khéo thọ trì, khéo thành tựu, sẽ đưa đến hạnh phúc an lạc lâu dài cho các Ông. Và nay các Gia chủ, thế nào là pháp không gì chuyển hướng?

Nay các Gia chủ, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những lập thuyết như sau, có những quan điểm như sau: “Không có kết quả của bố thí, không có kết quả của lễ hy sinh, không có kết quả của tế tự, không có kết quả, quả báo của các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời sau, không có mẹ, không có cha, không có các loại hóa sanh, trên đời không có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chơn chánh hành trì, chơn chánh thành tựu, và những vị này tuyên bố về đời này và về đời sau, sau khi đã tự chứng ngộ với thắng trí”. Nhưng nay các Gia chủ, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn nói đối nghịch với các vị Sa-môn, Bà-la-môn kia, những vị này nói như sau: “Có kết quả của bố thí, có kết quả của lễ hy sinh, có kết quả của tế tự, có kết quả, quả báo của các nghiệp thiện ác, có đời này, có đời sau, có mẹ, có cha, có các loại hóa sanh, trên đời có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chơn chánh hành trì, chơn



chánh thành tựu, và những vị này tuyên bố về đời này và về đời sau, sau khi đã chứng ngộ với thắng trí". Nay các Gia chủ, các Ông nghĩ thế nào, có phải những vị Sa-môn, Bà-la-môn ấy nói những lời đối nghịch với nhau?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Ở đây, này các Gia chủ, những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Không có kết quả của bố thí, không có kết quả của lễ hy sinh, không có kết quả của tế tự, không có kết quả, quả báo của các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời sau, không có mẹ, không có cha, không có các loại hóa sanh, trên đời không có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chơn chánh hành trì, chơn chánh thành tựu, và những vị này tuyên bố về đời này và về đời sau, sau khi đã chứng ngộ với thắng trí". Đối với những vị này, sự kiện này sẽ chờ đợi xảy ra: Sau khi từ bỏ ba thiện pháp này, thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành, và sau khi chấp nhận ba ác pháp này, thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, các vị này thực hành theo. Vì sao vậy? Vì những vị Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy không thấy sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự cấu uế của các bất thiện pháp, sự thoát ly, sự lợi ích và sự thanh tịnh của các thiện pháp. Vì rằng có đời sau, nếu có quan điểm nào nói rằng không có đời sau, thời đó là một tà kiến. Vì rằng có đời sau, nếu có ai suy tư rằng không có đời sau, thời đó là tà tư duy. Vì rằng có đời sau, nếu có ai nói rằng không có đời sau, thời đó là tà ngữ. Vì rằng có đời sau, nếu có ai nói rằng không có đời sau, thời tự mâu thuẫn đối nghịch với các vị A-la-hán đã biết được có đời sau. Vì rằng có đời sau, nếu có ai thuyết

phục người khác là không có đời sau, thời sự thuyết phục ấy chống lại diệu pháp, và vì sự thuyết phục ấy chống lại diệu pháp, người ấy khen mình chê người. Như vậy, trước khi thiện giới của người ấy bị từ bỏ, các ác giới đã được chấp trì. Và tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, sự đối nghịch với các bậc Thánh, sự thuyết phục chống lại diệu pháp, sự khen mình chê người, như vậy các ác bất thiện pháp sai biệt này khởi lên do duyên tà kiến.

Ở đây, này các Gia chủ, vị có trí suy nghĩ như sau: Nếu không có đời sau, thời vị này sau khi thân hoại mạng chung, tự ngã cảm thấy an toàn. Nếu có đời sau, thời vị này sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nếu muốn đời sau không có đi nữa, nếu lời nói của các vị Sa-môn, Bà-la-môn ấy là đúng sự thật, thời vị này ngay trong hiện tại, bị những người có trí quả trách: "Người này theo ác giới, có tà kiến, chủ trương hư vô luận". Còn nếu có đời sau, thời vị này cả hai mặt đều gặp bất hạnh: ngay trong hiện tại, bị những người có trí quả trách; sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Như vậy pháp "không gì chuyển hướng" này bị chấp trì, bị thực hành sai lạc, bởi vị này chỉ có chấp nhận một phía, và bỏ phía thiện pháp.

Ở đây, này các Gia chủ, những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Có kết quả của bố thí, có kết quả của lễ hy sinh, có kết quả của tế tự, có kết quả, quả báo của các nghiệp thiện ác, có đời này, có đời sau, có mẹ, có cha, có các loại hóa sanh, trên đời có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chơn chánh hành trì, chơn chánh thành tựu, và những vị này tuyên bố về đời này và

về đời sau, sau khi đã chứng ngộ với thắng trí". Đối với những vị này, sự kiện này sẽ chờ xảy ra: Sau khi từ bỏ ba ác pháp này, thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, và sau khi chấp nhận ba thiện pháp này, thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành, các vị này thực hành theo. Vì sao vậy? Vì những vị Sa-môn, Bà-la-môn này thấy sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự cấu uế của các bất thiện pháp, sự thoát ly, sự lợi ích và sự thanh tịnh của các thiện pháp. Vì rằng có đời sau, nếu có quan điểm nào nói rằng có đời sau, thời đó là một chánh kiến. Vì rằng có đời sau, nếu có ai suy tư rằng có đời sau, thời đó là chánh tư duy. Vì rằng có đời sau, nếu có ai nói rằng có đời sau thời đó là chánh ngữ. Vì rằng có đời sau, nếu có ai nói rằng có đời sau, thời không tự mâu thuẫn đối nghịch với các vị A-la-hán đã biết được có đời sau. Vì rằng có đời sau, nếu có ai thuyết phục người khác là có đời sau, thời sự thuyết phục ấy thuận với diệu pháp, và vì sự thuyết phục ấy thuận với diệu pháp, vị ấy không khen mình chê người. Như vậy, trước khi ác giới của vị ấy được từ bỏ, các thiện giới đã được chấp trì. Và chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, sự không đối nghịch với các bậc Thánh, sự thuyết phục thuận với diệu pháp, sự không khen mình chê người, như vậy những thiện pháp sai biệt này khởi lên, do duyên chánh kiến.

Ở đây, này các Gia chủ, vị có trí suy nghĩ như sau: Nếu có đời sau, thời vị này sau khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Nếu muốn cho đời sau không có đi nữa, nếu lời nói của các vị Sa-môn, Bà-la-môn ấy là đúng sự thật, thời vị này ngay trong hiện tại được những người có trí tán thán: "Người này theo thiện giới, có chánh kiến, chủ trương hữu luận". Còn nếu có đời sau, thời vị này cả hai mặt đều gặp sự may mắn: ngay trong hiện tại, được những người trí tán thán; sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Như vậy, "pháp không gì chuyển hướng" này được chấp trì, được thực hành đúng đắn bởi vị này chấp nhận cả hai phía, bỏ qua hai phía bất thiện pháp"²

Rõ là nhẹ nhàng và minh triết cách Đức Phật khuyến thiện cho mọi người. Phật nói lên lẽ thiện ác giữa cuộc đời và khuyến mọi người nên xem xét, suy nghĩ và cân nhắc cho thật chín chắn để có sự lựa chọn thích đáng. Phật chỉ làm công việc nêu rõ và phân tích lẽ thiệt hơn giữa thiện và bất thiện, nêu rõ sự lợi ích của các quan niệm đúng đắn dẫn đến suy tư đúng đắn và hành động đúng đắn, sự nguy hại của các quan niệm sai lầm đưa đến tư duy sai lầm và hành động sai lầm. Sau khi phân tích kỹ về sự thiệt hơn giữa thiện và bất thiện, Phật nói đến thái độ của người có trí biết đánh giá đúng đắn về lẽ thiện ác và kết quả của chúng như là một cách gợi ý cho mọi người về thái độ chọn lựa giữa hai lối sống thiện và bất thiện.

Cứ theo lời Phật thì người hiểu biết nên có sự xem xét, suy nghĩ và cân nhắc cho thật chín chắn các sở kiến hay quan niệm khác nhau hiện hữu trên cuộc đời để có sự quyết định đúng đắn trong việc theo hoặc không theo

một chủ trương hay đường lối nào. Chẳng hạn, suy xét rằng quan niệm "không có kết quả hay quả báo của các nghiệp (hành động) thiện ác" là một quan niệm sai lầm, vì nếu được chấp trì thì sẽ dẫn đến hệ quả là con người sẽ xem nhẹ và dễ dàng từ bỏ các hành vi hiển thiện lợi lạc thuộc về thân, lời và ý (như từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói dối, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham tâm, từ bỏ sân tâm, từ bỏ tà kiến) và sẵn sàng làm mọi việc xấu ác bất thiện liên quan đến ba nghiệp thân, khẩu, ý (như sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói dối, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham dục, sân hận, tà kiến). Một khi đã chấp trì quan niệm sai lầm và rơi vào các việc làm xấu ác bất thiện thì không tránh được các hậu quả phiền muộn khổ đau. Đó là bị người đời oán ghét chê trách và thứ hai là phải chịu quả báo tái sanh trong các cảnh giới khổ đau do hành động sai trái xấu ác mà mình đã làm, đã tích tập. Trái lại, nếu chấp nhận quan niệm "có kết quả hay quả báo của các nghiệp thiện ác" thì con người sẽ biết trân trọng điều thiện và sẽ nỗ lực làm các việc hiển thiện tốt đẹp, sẽ sinh tâm sợ hãi điều xấu ác và sẽ tránh xa các việc ác bất thiện. Do nỗ lực làm các điều thiện, từ bỏ những việc xấu ác bất thiện, nên người ấy có được một đời sống tốt đẹp cả trong đời hiện tại cũng như trong tương lai. Đó là trong khi sống thì được mọi người quý mến và ngợi ca, sau khi chết thì được quả báo tái sanh trong các cảnh giới hiển thiện an lạc tương ứng với các nghiệp hiển thiện tốt đẹp mà mình đã làm, đã tích lũy. Như vậy, cứ bình tĩnh mà suy xét theo cách Đức Phật đã chỉ bày thì con người sẽ thấy ra lối sống nào cần phải từ bỏ và nếp sống nên nỗ lực theo đuổi.

Nhìn chung, Đức Phật là một bậc Đạo sư chỉ nói lên điều chân thật và để cho mọi người tự nhận thức, tự đánh giá và quyết định về những gì Ngài nói. Phật không khuyến ép ai phải hoàn toàn tin tưởng ở Ngài, vì Phật là bậc Giác ngộ chỉ nói lên sự thật và nói đúng sự thật. Phật cũng không cố thuyết phục ai phải tin theo lời Ngài, vì những gì Phật trình bày là chân thật, hiển thiện, lợi lạc và vì Phật tin những người có suy tư chín chắn sẽ biết cách tiếp nhận những gì cần tiếp nhận. Nói cách khác, Phật chỉ thuyết pháp mà không cố thuyết phục người khác phải tin nghe, vì pháp của Phật là "thiết thực hiện tại", "đến để mà thấy", "có khả năng hướng thượng", "để cho người có trí tự mình giác hiểu". Đây hẳn là thái độ minh triết của một bậc Giác ngộ biết rõ con đường đi đến giác ngộ và biết rõ cách thức giúp cho người khác có đủ tỉnh táo và sáng suốt để tự tìm hiểu và bước đi trên con đường lợi lạc hướng đến giác ngộ. ■

Chú thích:

1. Xem Đại kinh Sư tử hống, Trung Bộ.
2. Kinh Không gì chuyển hướng, Trung Bộ.

Tại sao có khổ đau, **sanh tử**

NGUYỄN THẾ ĐĂNG



1 Người bình thường luôn luôn sống trong cái ta và cái của ta. Chính vì có cái ta và cái của ta nên cũng có ngay cái chẳng phải ta và chẳng phải của ta. Đời sống bắt đầu phân đôi từ đó và càng ngày càng vụn vặt, phân mảnh, hạn hẹp, trói buộc.

Thế giới của cái ta và cái của ta thì nhỏ hẹp, rất nhỏ hẹp. Còn cái thế giới ngoài kia, với những người ngoài kia là cái khác. Cái tôi và cái của tôi thì quá nhỏ bé, còn cái khác kia thì quá rộng lớn, bao la. Thế nên cái tôi và cái của tôi luôn luôn thấy mình bị đè nặng, bị áp bức, bị đối đầu.

Nhưng cái tôi và cái của tôi càng lớn, càng nặng nề, càng xây đắp những bức tường phòng thủ bảo vệ thì thế giới cái khác kia càng tăng thêm áp lực và càng lùi xa, cách biệt. Do đó mà có mọi thái độ thương ghét, lấy bỏ, thắng thua, vinh nhục, được mất...

Con người bị kết án phải phân đôi, phải bị xé vụn, phải luôn luôn sống trong nhà tù cái ta và cái của ta. Nó có một ít mảnh nhỏ nào đó của đời sống, có một cái ta và cái của ta nhỏ hẹp nhưng nó chẳng bao giờ là. Là thế giới, là người khác, là tất cả. Nó chẳng được tự tại, chẳng được tự do.

Phá bỏ sự ngăn cách, sự phân đôi theo cấp số nhân ấy, chính là tự do.

Nhưng tại sao có sự ngăn cách, sự phân đôi quái ác ấy? Suy nghĩ cho kỹ, thiền định thiền quán cho kỹ, chúng ta không tìm đâu ra biên giới phân cách chúng ta với thế giới cả. Chẳng có ranh giới nào che chắn tôi với bầu trời này, với mặt đất này, với nhà cửa cây cối, với những con người đang vui hay đang buồn kia. Chẳng có một hay nhiều ranh giới nào cả.

Ranh giới phân cách tôi và thế giới chỉ là một ảo tưởng, một vọng tưởng nằm trong đầu tôi. Sự phân biệt ấy chỉ là một vọng tưởng, một tưởng tượng hư vọng. Và đau đớn thay, với sự không biết của mình, càng ngày chúng ta càng củng cố và xây thêm nhiều ranh giới. Đó đích thị là cuộc sống khốn khổ hiện giờ của chúng ta.

Kinh Đại Bát-nhã nói:

“Đức Phật bảo: ‘Chỗ chấp của chúng sanh mê muội là có các pháp. Thật sự tất cả các pháp chẳng có. Các pháp có ấy, thật ra là vô sở hữu. Nếu đối với các pháp vô sở hữu như vậy mà chẳng thể rõ biết thì gọi là vô minh.

Thế lực vô minh tham ái tăng trưởng mạnh mẽ, phân biệt chấp trước hai bên có và không. Do chẳng biết chẳng thấy các pháp là vô sở hữu nên phân biệt các pháp. Vì phân biệt bèn sanh chấp trước. Lại do chấp trước lại càng phân biệt. Do vậy đối với các pháp chẳng thấy chẳng biết chúng là vô sở hữu.

Vì chẳng thấy chẳng biết nên phân biệt thành quá khứ, vị lai, hiện tại. Do vì phân biệt nên tham đắm danh sắc. Tham đắm danh sắc nên càng phân biệt chấp trước.

Vốn vô sở hữu mà phân biệt chấp trước, nên đối với thực tại chẳng biết chẳng thấy, chẳng thể thoát khỏi ba cõi sanh tử. Chẳng tin chân lý, chẳng giác thật tế, nên sa đọa trong chúng sanh điên đảo mê mờ” (*Phẩm Thiện Hiện, hội thứ Năm*).

Do chẳng thấy biết thực tại, thật tế, nên phân biệt rằng có sự phân cách giữa cái ta và cái của ta với cái chẳng phải ta và cái chẳng phải của ta. Từ sự phân biệt đó, sanh chấp trước bám nắm, từ bám nắm sanh ra tham đắm. Tham đắm mà không được thì sanh ra sân giận, đố kỵ, thù ghét. Tham đắm mà được thì sanh ra kiêu căng, tự tôn, khinh thị. Tất cả từ vọng tưởng phân biệt mà sanh, cái sau làm mạnh thêm cái trước, cái trước củng cố cái sau, tương tác lẫn nhau trong sự trói buộc càng ngày càng chặt chẽ. Đây là một vòng lẩn quẩn không lối thoát, tiếp tục lặp lại những sai lầm mà chúng ta gọi là luân hồi. Sự trói buộc trong vòng lẩn quẩn tự lưu đầy mình ra khỏi đời sống đích thực của vạn vật này là thân phận khổ đau và sanh tử của con người.

Như thế, tâm phân biệt chính là sanh tử khổ đau. Tâm phân biệt này là vọng tưởng, cho nên sanh tử khổ đau là vọng tưởng.

2 Con đường Phật giáo dạy chúng ta dùng trí huệ Bát-nhã xóa tan sự phân biệt này, nghĩa là xóa tan sanh tử.

“Các bậc Giác ngộ đối với tất cả pháp không ưa không ghét. Vì sao như thế? Vì các bậc Giác ngộ dứt hẳn tất cả phân biệt ưa ghét vậy”. (*Phẩm Huyền dụ, hội thứ Tư*).

“Thiện Hiện phải biết: Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa vì không phân biệt nên đối với tất cả pháp không thấy

không chẳng thấy, không lấy không bỏ”. (*Phẩm Thanh tịnh, hội thứ Năm*).

Trí huệ Bát-nhã là trí huệ không phân biệt:

“Các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa không có mọi phân biệt như vậy. Vì cố sao? Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa liả các phân biệt. Nếu khởi phân biệt tức chẳng phải hành Bát-nhã ba-la-mật-đa”. (*Phẩm Phương tiện thiện xảo, hội thứ Ba*).

Trí huệ không phân biệt là trí huệ liả tướng. Vì tướng là do phân biệt mà có, và các tướng hư vọng ấy là đối tượng của sự phân biệt:

“Chúng sanh trụ nơi danh tướng hư vọng phân biệt... Thế nên, các Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa phương tiện khéo léo khiến các hữu tình xa liả các tướng, trụ nơi vô tướng mà không chấp trước”. (*Phẩm Bồ thí khắp cả, hội thứ Ba*).

Thực hành trí huệ Bát-nhã là “khiến trừ các tướng”, xóa tan ranh giới chia biệt giữa các tướng để có thể chứng ngộ “tất cả là Một”, tất cả là “Vô tướng, cũng gọi là Một tướng”:

“Tâm Như Lai đều không chỗ trụ, vì không chỗ trụ nên gọi là Như Lai. Bồ-tát cũng vậy, như các Như Lai, đối tất cả pháp tâm không chỗ trụ, cũng chẳng không trụ. Nghĩa là các Bồ-tát với Bát-nhã đem vô sở đắc làm phương tiện, nên trụ như thế, nên học như thế”. (*Phẩm Thiên đế, hội thứ Năm*).

Không có cái ta và cái của ta, cho đến cái ta tâm linh, cho nên chẳng thấy có ta thực hành, chẳng thấy có ta chứng đắc và chỗ chứng của ta:

“Bồ-tát khi hành như thế chẳng thấy các tướng, chẳng thấy ta hành, chẳng thấy chẳng hành. Chẳng thấy Bát-nhã ba-la-mật-đa là chỗ hành của ta, chẳng thấy Giác ngộ vô thượng là chỗ chứng của ta, cũng lại chẳng thấy chỗ nào, thời nào có chứng đắc”. (*Phẩm Huyền dụ, hội thứ Tư*).

Tánh Không triệt tiêu tất cả mọi phân biệt: ta tu và người không tu, ta chứng và người không chứng, ta tu và ta không tu, ta chứng và ta không chứng:

“Bát-nhã ba-la-mật-đa là ba-la-mật-đa rộng lớn, không buộc không dính với tất cả các pháp. Mặc dù chứng Bồ-đề mà không chỗ chứng, dù chuyển pháp luân mà không chỗ chuyển. Không pháp có thể chỉ thị, không pháp có thể hiển bày, không pháp có thể đắc, không pháp có thể chuyển tới, không pháp có thể chuyển lui. Vì tất cả pháp rốt ráo chẳng sanh cũng lại chẳng diệt... Trong ấy đều không có người nói, không có người thọ, cũng không có người chứng đắc Niết-bàn, cũng không có người nói pháp mà làm ruộng phước”. (*Phẩm Thanh tịnh, hội thứ Năm*).

Khi thật thấy “sắc không buộc không mở, không hợp không tan,” thì giải thoát dùng để làm gì? Khi “tất cả các pháp bản lai tự tánh thanh tịnh” thì vọng tưởng phân biệt tạo thành sanh tử tìm thấy ở đâu?

3 Tánh Không hay Chân như thì không khởi tướng, không phân biệt. Thế nên tâm không khởi tướng, không khởi phân biệt thì tương ứng với tánh Không hay Chân như:

“Chân như Như Lai nơi tất cả chỗ không nhớ nghĩ, không phân biệt. Chân như tất cả các pháp ở tất cả chỗ cũng không nhớ nghĩ không phân biệt. Chân như Thiện Hiện cũng lại như thế, nên nói Thiện Hiện theo Như Lai sanh.

Chân như Như Lai chẳng lìa Chân như các pháp. Chân như các pháp chẳng lìa Chân như Như Lai. Chân như Như Lai vẫn thường Chân như, không lúc nào chẳng Chân như. Chân như Thiện Hiện cũng lại như thế, nên nói Thiện Hiện theo Như Lai sanh. Mặc dù nói theo Như Lai sanh mà thật không có chỗ sanh, vì Chân như Thiện Hiện chẳng khác Chân như Như Lai vậy”. (Phẩm Như Lai, hội thứ Năm).

Phân biệt dứt đến đâu thì vô minh dứt đến đó, “các phiền não xấu ác chẳng che tâm”. (Phẩm Bảo tháp, hội thứ Năm). Khi ấy tánh Không hay Chân Như bày lộ trước mắt. Đó là một Chân Như không ranh giới, không phân biệt, cho nên vô tận:

“Tất cả chư Phật đều y Bát-nhã ba-la-mật-đa, như thật chứng biết vô lượng vô số vô biên chúng sanh hoặc nổi hoặc chìm. Nghĩa là như thật biết tất cả sắc thọ tưởng hành thức đều như Chân như không hai không khác.

Thiện Hiện phải biết: Chân như Như Lai tức Chân như năm uẩn. Chân như năm uẩn tức Chân như thế gian. Chân như thế gian tức Chân như tất cả pháp... Chân như tất cả Như Lai Ứng cúng Chánh đẳng giác tức Chân như tất cả chúng sanh.

Thiện Hiện phải biết: Chân như như thế đều chẳng cách rời nhau, chẳng một chẳng khác, không tận không hai, cũng không hai phần, chẳng thể phân biệt...

Thiện Hiện phải biết: Sắc thọ tưởng hành thức vô tận nên Chân như vô tận, sắc thọ tưởng hành thức sâu xa nên Chân như sâu xa, vì sắc thọ tưởng hành thức cùng Chân như không sai khác vậy.

Thiện Hiện phải biết: Tất cả pháp vô tận nên Chân như vô tận, tất cả pháp sâu xa nên Chân như sâu xa, vì tất cả pháp cùng Chân như không sai khác vậy. Thế nên Chân như rất khó tin hiểu”. (Phẩm Chân như, hội thứ Năm).

Sanh tử là cái phân biệt, là cái có nhiều ranh giới ngăn chia, cái hữu hạn. Sanh tử ấy tan biến trong Chân như không phân biệt, không ranh giới, vô hạn và vô tận.

Y vào trí huệ Bát-nhã không phân biệt thì phân biệt hay vô minh dần dần tan biến. Phân biệt hay vô minh dứt tới đâu thì Chân như hiện ra đến đó.

Khi thấy tất cả ta người, thân tâm và thế giới đồng một tánh vàng thì có chỗ nào, có cái gì không là vàng. Lúc ấy còn đâu vọng tưởng phân biệt, còn đâu khổ đau sanh tử? ■





Hai con đường

HƯƠNG ĐỨC

Này hôm nay, người con gái và đứa cháu ngoại của ông Sáu B. đang định cư ở nước ngoài về thăm quê, đến viếng nhà tôi. Do gần mười năm không gặp, dù là thân tộc, tôi cứ ngỡ ngỡ nhìn mãi không biết là ai, chừng cô ấy nở nụ cười chào thì tôi nhớ ra ngay vì cô có nụ cười rất giống ông Sáu B. - nụ cười như trái tim lòng thương yêu với người đối diện. Cô ấy giới thiệu đứa con trai của mình, người thanh niên to lớn đó bắt tay tôi, chào hỏi bằng tiếng Việt rất chuẩn, tôi ngạc nhiên khen về cách phát âm của cậu ấy, y như dân xứ mình, trong khi nhìn vóc dáng, màu da như người da trắng, nghe tôi khen cậu ấy lộ vẻ hãnh diện, bảo đó là nhờ mẹ cậu kiên trì dạy dỗ, ngoại trừ thời gian đi học, từ nhỏ mẹ cậu đã bắt phải nói tiếng Việt trong suốt thời gian ở tại nhà. Sau khi dùng nước, qua tiếp chuyện, tôi được biết cậu ấy là tiến sĩ y khoa, làm việc cho một bệnh viện lớn ở bang Oklahoma, cậu ấy còn bảo kết hợp về

thăm quê ngoại và đi du lịch miền Tây Nam Bộ, cậu và một số bạn sẽ cùng nghiên cứu bệnh sa sút trí tuệ của người già ở vùng châu thổ sông Cửu Long. Vì không nằm trong chuyên ngành, tôi chỉ có một số nhận xét về bệnh trên, một căn bệnh vốn phát triển rất nhiều tại các nước phương Tây. Do đặc điểm di truyền, cách ăn uống nhiều rau trái, ít thịt cá, cùng tập quán sống chung với con cháu nên căn bệnh này tuy có ở Việt Nam nhưng không quá nhiều như ở các nước phát triển. Tôi cũng lưu ý cậu ấy về hiện tượng những người ăn chay trường kết hợp với tụng kinh, trì chú, niệm Phật hầu như không bị mắc bệnh. Cậu ta thích thú ghi chép vào sổ những điều tôi nói.

Sau một lúc chuyện vãn, trước khi ra về con gái ông Sáu B. tặng tôi một số bánh, trà và một chai rượu ngoại, cô ấy bảo những hàng hóa đó cô mua ở một siêu thị trong sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất mà không mua ở nước ngoài vì muốn đóng góp một phần nhỏ tiền thuế

cho đất nước. Tôi nghe cô ấy nói mà thấm xúc động về tấm lòng hướng về quê hương của những người con đất Việt xa xứ, làm lụng vất vả, tích góp những đồng ngoại tệ để gửi về Việt Nam, góp phần xây dựng đất nước; rồi tôi lại nghĩ đến những kẻ có chức quyền đem ngoại tệ nhập những cơ sở, thiết bị sản xuất bị thải bỏ ở nước ngoài đem về, làm tốn hao hàng triệu đô-la mà không dùng được gì, một hình thức đục khoét công quỹ đang bị dư luận xã hội cực lực lên án.

Tiền khách về xong, tôi ngồi nghe lại kinh *Nhân Quả Thiện Ác* phát từ đầu đĩa VCD. Dứt bộ kinh, tôi trầm ngâm suy nghĩ về lời Phật dạy và những chuyện thực tế trong đời sống hàng ngày từng được chứng kiến; lòng hết sức tâm đắc rằng lời Phật dạy không sai biệt chút nào. Và câu chuyện về cách sống của hai anh em ông Sáu B. là một điển hình về nhân quả, không chỉ tác động trực tiếp đến bản thân họ mà còn ảnh hưởng kéo dài đến con cháu của cả hai người.

Thuở ấy, khi còn thơ ấu, anh em ông Sáu B. đã chịu cảnh mồ côi cả cha lẫn mẹ; cả hai sống trong sự yêu thương, chăm sóc của bà ngoại. Nhờ có nhiều ruộng vườn của ông bà để lại, họ sống rất thoải mái về vật chất. Tuy là hai anh em nhưng tánh tình rất khác nhau, ông Sáu B. thì nóng nảy nhưng tốt bụng, sẵn sàng ra tay khi thấy việc bất bình; còn người anh ông ấy thì ít nói, làm việc gì cũng tính toán chu đáo. Thời đó, đất nước chiến tranh triền miên, an ninh lỏng lẻo, trộm cướp như rươi; trai tráng lớn lên, đặc biệt những người khá giả, đều được cho đi học võ để phòng thân, bảo vệ gia đình. Anh em ông Sáu B. cũng được bà ngoại rước một võ sư về nhà truyền võ nghệ, người thầy này biết tánh tình của hai người nên chỉ dạy những đòn ngoại công không gây chết người cho ông Sáu B., còn những đòn độc, hiểm ông ta chỉ truyền cho người anh. Ông ta nói sở dĩ phải dạy như vậy để ông Sáu B. khỏi phải ở tù vì đánh chết người. Vài năm sau, hai anh em cưới vợ, lúc độc thân thì sống chung rất hòa thuận, khi có bóng dáng phụ nữ chen vào, lời này tiếng nọ khiến anh em nhiều lần xích mích, xung đột. Một hôm, người anh ông Sáu B. nghe lời xúc xiểm của vợ, đã ra tay, dùng những đòn hiểm độc do vị võ sư truyền riêng để quyết giết chết em mình. Nhờ có bà con lối xóm can ngăn kịp thời nên ông Sáu B. thoát chết nhưng bị tiêu ra máu cả tuần lễ. Bà ngoại của họ thấy vậy, lập tức cất nhà đưa ông Sáu B. và vợ ra riêng, không cho hai anh em họ ở chung nữa. Toàn bộ tài sản, ruộng đất của cha để lại, người anh chiếm hết, ông Sáu B. chỉ được chia cho một cái bàn thờ để thờ mẹ và một tá chén kiếu để cúng cơm mà thôi.

Khi bị tách riêng, về ở trong một ngôi nhà nằm trên thửa đất vắng vẻ, vài trăm mét mới có một căn nhà hàng xóm, phần còn quá trẻ, phần cướp bóc đầy dẫy, cứ đêm về vợ chồng Sáu B. lại như sống trong ác mộng, trộm rình đào tường khoét vách; vợ ông ấy lại

thường xuyên nằm mơ thấy ma quỷ kéo đến hù dọa đuổi đi, khiến cả hai hết sức bất an. Bà ngoại ông ấy biết chuyện liền đến một ngôi chùa thỉnh ảnh Phật về cho hai vợ chồng thờ. Kỳ lạ là chỉ một thời gian ngắn sau, những chuyện chiêm bao, mộng mị, trộm rình nhà đều đồng loạt biến mất. Từ việc như vậy, hai vợ chồng ông Sáu B. rất tin tưởng vào Phật pháp, thường xuyên đi chùa, cúng dường và làm từ thiện.

Thời gian trôi nhanh, thoát một cái hai anh em đều có cả bảy con, người anh ông Sáu B. sau khi độc chiếm tài sản của cha để lại đã có kế hoạch làm ăn lớn. Ông ấy bán toàn bộ đất ruộng thừa hưởng của cha, cả phần đất có mộ cha mẹ ông ta cũng bán luôn, chỉ chừa lại chu vi gần chục mét quanh hai ngôi mộ; ông ta lại bán tất cả ruộng thừa hưởng của mẹ. Nhưng vì tất nhiên đất ruộng gần lộ và ruộng tốt thì có giá cao, còn ngược lại thì chỉ được giá thấp; thế nên ông ta tìm đến ông Sáu B. nhờ giúp đỡ, đề nghị người em nhận lại ruộng xấu để canh tác, giao ruộng tốt cho mình để bán được giá. Ai nghe chuyện cũng cười vì sự trớ tráo của ông ta, không ngờ ông Sáu B. không hề oán hận chuyện cũ, đồng ý theo lời đề nghị của anh mình, vợ ông ấy cản ngăn cũng không được. Thế là tất cả tài sản “ngon ăn” anh ông Sáu B. hưởng sạch, cũng tựa tựa như trong câu chuyện “Ăn khế trả vàng”, chỉ chừa cho đứa em có mỗi một cây khế, còn thằng anh chiếm gần hết tài sản thừa kế.

Sau khi có được số tiền rất lớn từ việc bán đất, anh ông Sáu B. mua một căn phố thuộc loại tốt nhất tại chợ thị trấn. Công việc đầu tiên ông ta làm là tìm người để cho các pho tượng Phật do chủ cũ để lại rồi thỉnh một cặp tượng thần tài, ông địa về thờ, sau đó lo chạy chọt giấy tờ, mượn được sĩ để mở một tiệm bán thuốc Tây. Do thời ấy, tiệm thuốc Tây cực kỳ hiếm, cả một quận rộng lớn mà chỉ có một mình ông ta bán nên người ta đổ xô đến mua thuốc, ông ta làm ăn lên như diều gặp gió, chẳng mấy chốc đã giàu nhất nhì vùng chợ. Tuy giàu có nhưng ông ta chi tiêu rất cẩn thận, vợ ông ta hàng ngày phải đứng chờ cả buổi mới được phát tiền đi chợ, ông còn luôn miệng dặn nếu còn bao nhiêu tiền thừa phải trả lại. Vợ ông ta đi chợ nhưng trông mặt mày buồn hiu, do rầu lúc về lại phải nghe hạch sách về các khoản chi. Đối với chi tiêu gia đình còn khe khắt như thế thì việc xã hội khỏi nói ai cũng biết cái tánh “vắt cổ chày ra nước” của ông ta, thường có quyền góp gì, những người có trách nhiệm tránh không tìm đến tiệm thuốc của ông vì đã nhiều lần bị từ chối thẳng thừng. Nhờ làm ăn độc quyền, tiền vô như nước lại chi tiêu dè sẻn, một thời gian sau ông ấy đã mua thêm ba căn phố cho ba đứa con trai, khi những người này lập gia đình thì đã có sẵn cơ ngơi để làm ăn, mua bán.

Trong khi người anh lo làm giàu thì ông Sáu B. lại sống cuộc sống khác hẳn, do có nhiều đất ruộng cho mượn nên ông không phải cực khổ lo chuyện cơm

áo gạo tiền, ông thường xuyên tham gia các hoạt động xã hội, đảm nhận chức vụ trưởng ban cấp cứu xã trong vùng do quân kháng chiến kiểm soát, để có ai bệnh hoạn, ông và đồng sự nhanh chóng đến giúp đỡ. Những năm đó quê tôi có rất nhiều rắn, dân làng nhiều người bị rắn cắn, nhờ những bài thuốc Nam mà ông Sáu B. dày công học hỏi đã cứu rất nhiều trường hợp nguy kịch, rồi dịch tả hoành hành, do được học Tây học, ông ấy chỉ dẫn cách xử lý, cách ly bệnh nhờ đó ngăn chặn dịch bùng phát tại địa phương. Ngoài việc lo cho sức khỏe của người dân trong địa phương, ông còn đóng góp tiền của rất nhiều để xây dựng ngôi chùa lớn, duy nhất trong xã, tự tay giúp những người già cơ nhỡ, trong vòng ba năm, ông ấy đã mang về nhà ba người già ăn xin để nuôi nấng, đến khi họ mất ông lại lo chôn cất đàng hoàng. Nghe người khác nói lại cách sống của thằng em mình, anh trai của ông Sáu B. bĩu môi khinh bỉ: “Sống kiểu như nó có ngày nghèo

mạt rệp!”. Không ngờ lời nói của ông ta lại thành sự thật. Mấy năm sau ông Sáu B. lâm vào cảnh khốn cùng. Nguyên do là biết được ông Sáu B. có tham gia vào hoạt động xã hội trong vùng kháng chiến, cứ mỗi lần hành quân vào vùng quê tôi, lính tráng lại đến đốt nhà của ông ấy. Cháy nhà một lần cũng đã đủ nghèo rồi, đằng này nhà bị đốt đến ba lần, ông ấy chẳng còn cái chén lành lặn để ăn cơm. Rồi chương trình người cày có ruộng đã lấy hết ruộng đất cho mướn của ông để cấp cho người nông dân trực tiếp canh tác, ông Sáu B. lâm vào cảnh trắng tay. Đất điển chỉ còn ba công dừa chưa cho trái, cả nhà hơn chục người sống trong căn nhà ọp ẹp lợp bằng lá dừa nước, cơm nước đơn sơ với bữa rau bữa cháo, có được bằng số tiền ít ỏi của người vợ gói bánh ít gánh đi bán rong hàng ngày.

Đã nghèo còn mắc cái eo, trong năm đó ông Sáu B. lại mắc bệnh thương hàn, một căn bệnh đã giết chết rất nhiều người do biến chứng thủng ruột, thời bấy giờ đã có thuốc điều trị đặc hiệu, nhưng rất đắt tiền. Do không có tiền, ông ấy bèn viết thư gửi cho anh ruột của mình xin mua chịu thuốc, chừng cuối tháng bán heo sẽ trả nợ rồi ông sai đứa con gái đem thơ và toa thuốc đến đưa cho anh mình, không ngờ người anh trai của ông Sáu B. đã “nhẹ nhàng” từ chối với lý do thuốc đắt, tiệm “vốn ít” không bán chịu, người con gái của ông Sáu B. sau khi nghe ông ta trả lời đã ra về với đôi mắt đầy lệ vì lo cho cha, may mà cô bé gặp tôi, biết chuyện, tôi đã đem tiền cho ông Sáu B. mượn để lấy thuốc về uống. Anh trai ông Sáu B. vui vẻ nhận tiền và đưa thuốc với nụ cười thật tươi trên môi.

Sau khi hết bệnh, ông Sáu B. đem hai đứa con lớn gửi cho hai gia đình bà con giàu có trên tỉnh ly, lãnh làm công việc lật vật trong nhà để xin chút cơm thừa, canh cặn ăn mà đi học hầu sau này có một cái nghề mưu sinh, còn ông ấy lên Sài Gòn làm thuê kiếm tiền gửi về quê phụ nuôi bầy con đang tuổi ăn, tuổi lớn. Nhờ giỏi tiếng Pháp, ông được tin tưởng giao phụ trách phòng quảng cáo của một hãng dược phẩm. Sau một thời gian dài làm việc, tích cóp được một số tiền kha khá, ông về quê định giao cho vợ mua heo về nuôi kiếm lời, không ngờ xảy ra chuyện khiến ông chẳng thực hiện được ý định đó. Số là anh trai ông ấy, do ham lời đã lên bán thuốc cấm với số lượng lớn, cảnh sát bắt quả tang, tiệm thuốc Tây bị đóng cửa còn ông ta bị bắt giam. Trước giờ, cả gia đình đều sống trong vòng tay bảo bọc của ông ta, đột ngột bị mất sự lo toan đó, cả gia đình anh ông Sáu B. lâm vào cảnh khốn đốn. Sáng tới giờ đi học, không có tiền phát để mua bánh, các đứa trẻ lầu bầu chẳng chịu đi, rồi tiền trường, tiền bệnh hoạn.. Thấy cảnh khổ của cháu mình, ông Sáu B. cảm lòng không đành đã đem toàn bộ số tiền của mình tích cóp bấy lâu ra lo bầy cháu. Trong khi con mình nhịn đói đi học, hàng ngày ông ấy chu cấp đầy đủ cho các người cháu tiền bánh trái như anh trai mình đã lo; vợ



ông thấy vậy tức mình hỏi sao lại làm như vậy, ông ấy trả lời, con mình cực đã quen còn mấy đứa cháu chưa khổ bao giờ nên ông không đành lòng nhìn tội nó khổ như con mình. Người vợ chỉ biết thở dài với lý luận đó và giấc mơ gây bấy heo tan thành mây khói.

Sau đó, nhờ ông Sáu B. giúp đỡ người chị dâu chạy chợ, dứt lốt nhiều nơi nên anh trai ông ấy được thả ra và tiếp tục mua bán thuốc Tây. Ông Sáu B. lại trở lên Sài Gòn đi làm mướn tiếp. Mấy năm sau, hai người con lớn của ông ấy học nghề đã ra trường, có việc làm ổn định nên đem các người em lên thành thị học tiếp, sau một thời gian học chữ, các người con của ông Sáu B. đi học nghề, thành tài, họ đều làm việc cho nhà nước với cuộc sống ổn định.

Phần anh ông Sáu B. sau khi ra tù tiếp tục bán thuốc được vài năm thì phát bệnh tiểu đường. Việc điều trị bệnh tiểu đường thời ấy rất vất vả, ông ấy phải tự tiêm thuốc ngày này qua ngày khác, da do bị tiêm nhiều sưng lên như da trâu, rất đau đớn, ăn uống phải kiêng khem, mỗi bữa chỉ ăn được chút ít khoai tây; hơi thở thì hôi hám, ông ấy phải tắm dầu bạc hà vào gòn ngâm suốt ngày cho bớt hôi. Toàn thân luôn trong trạng thái khó chịu do lở loét bàn chân và những biến chứng khác do căn bệnh tiểu đường đưa đến. Chịu đựng gần chục năm, một hôm ông ta gục xuống tại bàn làm việc khi đang tính sổ sách, tiền bạc. Lúc chết, anh ông Sáu B. mới tròn 60 tuổi, một độ tuổi còn quá sớm để ra đi.

Khi anh ông Sáu B. nằm xuống, con cái của ông ta cũng đổ nhào theo. Hai người con đầu đều rượu chè say sưa, một người chết ngay sau một trận nhậu “quắc cần câu” vì ngộ độc rượu, một người sau một trận rượu giữa trưa, chui vào gối trong lu đựng nước uống của bạn nhậu cho mát rồi ngủ quên, khi người ta hay, đập bể lu đựng nước cứu ra được thì cậu ta bị liệt nửa người, nằm một chỗ cả chục năm. Người con trai thứ ba, do bài bạc nợ nần, phải bán cả căn phố cha cho rồi bỏ đi biệt xứ, không rõ sống chết ra sao. Tội nhất là người con gái út của ông ta, ngày xưa xinh đẹp, là hoa khôi nổi tiếng một vùng, có kẻ ăn, người ở cung phụng, tương lấy chồng giàu có về sẽ hạnh phúc cả đời, nào ngờ sau một thời gian êm ấm, người chồng cô ấy đổ đốn, sanh chứng nhậu nhẹt, thường xuyên đánh đập vợ con. Do ở giáp ranh với tôi và ông Sáu B., có hôm nghe tiếng khóc la bên nhà cô ấy, tôi và ông Sáu B. bèn chạy qua, thấy gã chồng vũ phu nát rượu cột tóc cô ấy vào chân bộ ván ngựa rồi ra tay đánh đập. Ông Sáu B. nổi nóng vì hấn hành hạ cháu mình như vậy, ông ấy liền vác gậy đuổi đánh tên chồng ác ôn đó, may là hấn nhanh chân chạy thoát, chứ nếu bị ông Sáu B. nắm được không biết hậu quả sẽ ra sao vì có lần tôi thấy ông ấy chỉ cầm có hai cú đấm mà cây chuối hột to dùng phải đổ sụm xuống. Và cứ thế, thỉnh thoảng chúng tôi lại phải chạy đến nhà để cứu cô con gái của anh ông Sáu B. khỏi những trận đòn dã man của gã đàn ông chết dẫm đó, mãi đến khi

hắn lăn ra chết do ngộ độc rượu, chúng tôi mới hết phải can thiệp cứu giúp. Về phần ông Sáu B., sau khi về quê phụ chôn cất anh xong, ông ấy không còn đi làm thuê nữa, ở lại nhà săn sóc vườn tược để sống, do con cái đều đã lớn, có gia đình riêng, kinh tế lại khá giả, các người con thường xuyên viếng thăm, cấp dưỡng cho hai vợ chồng ông ấy, đặc biệt là ba người con định cư ở nước ngoài hàng tháng gửi về cho ông ấy một số tiền khá lớn. Không tiêu dùng hết số tiền con cái cho, ông Sáu B. lại dùng tiền đó đi làm từ thiện, giúp đỡ người nghèo ở địa phương, đóng góp tiền vào các hoạt động Phật sự tại quê nhà. Một hôm, vào ngày rằm tháng Tư, sau khi đi lễ chùa, ông ghé thăm tôi và một số bà con. Đêm đó, công phu đêm xong, ông Sáu B. đi ngủ, sáng hôm sau, không thấy ông dậy tụng kinh lúc bốn giờ, người nhà vào thăm thì thấy ông kê tay làm gối, nằm nghiêng bên phải, tắt hơi từ bao giờ, ông ấy mất vào lúc vừa tròn 86 tuổi. Một cái chết nhẹ nhàng, thanh thản như cuộc sống và tâm hồn trong sáng, thánh thiện của ông ấy.

Những người con của ông Sáu B. bây giờ vẫn còn đầy đủ, người nào cũng sống bằng tiền lương hưu, có thu nhập thêm, chỉ trừ cô con gái út của ông ấy, không đi làm việc nên không có lương hưu vì lúc nhỏ đã phải nghỉ học, ở nhà phụ mẹ gói bánh ít đi bán nuôi các anh chị học hành khi gia đình lâm vào hoàn cảnh khó khăn, nhưng cô ấy bây giờ là người giàu nhất trong các anh em vì lấy chồng là tỷ phú, có lẽ trời đất đã bù lại cho cô ấy về sự thiệt thòi do hy sinh cho người thân.

Những người cháu của ông Sáu B. đa số đều là kỹ sư, bác sĩ, phụ trách các chức vụ quan trọng trong các công ty hoặc cơ quan nhà nước. Có hai người đạt học vị tiến sĩ ở Việt Nam và một người ở nước ngoài (là anh thanh niên tôi vừa mới gặp). Trong khi đó, cháu của anh ông Sáu B., không có người nào thành đạt cao trong nghề nghiệp, đặc biệt còn có người trở thành “nữ quái”, thủ lĩnh xã hội đen, mới ở tù vì tội làm giả con dấu nhà nước để lường gạt chiếm đoạt tài sản người khác.

Ngồi nhớ lại cách sống của hai anh em ông Sáu B., tôi thấy mình như là một nhân chứng sống của luật nhân quả thiện ác. Một người nếu chỉ biết bo bo sống ích kỷ, chỉ lo cho bản thân và gia đình mình, không tin Tam bảo, ngoảnh mặt với những khổ nạn của đồng loại, làm những việc sai trái, ngoài lãnh quả báo cho bản thân còn ảnh hưởng cả đến đời con, cháu do tác động cộng nghiệp. Còn người sống với tấm lòng vị tha, biết tin vào Phật pháp, quan tâm giúp đỡ những cảnh đời bất hạnh, dù có gặp phải khổ nạn cũng dễ dàng vượt qua, hiện đời thì an lạc, do âm đức cao dày, khiến con cháu cũng nhờ phước đó mà ăn nên làm ra.

Ngẫm lại sự đời, tất cả đều không thể vượt ra ngoài quy luật nhân quả, mong ai đó, khi làm việc gì nên cân nhắc thiện ác để có quả báo tốt đẹp về sau. Mong lắm thay! ■



Không cần trách móc

SYLVIA BOORSTEIN
ĐOÀN TUẤN dịch

Phản ứng tức khắc mang tính bản năng của chúng ta khi có một sự sợ hãi là gán trách nhiệm cho cái nguồn cơn được coi là gây nên sự sợ hãi đó. Sự trách móc có lẽ là một phản ứng thích nghi đối với những tình thế thực sự hiểm nghèo ngay trước mắt khi người ta không có thời gian để suy nghĩ. Ngay cả trong những tình thế không gây nên những nguy hiểm trực tiếp, thì đối với bản ngã của con người, việc hướng sự giận dữ của chúng ta vào người nào hay sự việc nào đe dọa chúng ta cũng dễ được chấp nhận hơn là sự hoang mang hay nỗi tuyệt vọng. Có những sự kiện khủng khiếp xảy ra trong thế giới này, và có những con người gây nên những điều ấy: Vậy phải chăng không có thủ phạm, không có những kẻ hung ác, đáng bị trách phạt?

Xin kể một câu chuyện: Tôi đã tham dự một khóa học bắt buộc dành cho các bác sĩ chuyên khoa ở California

được gọi là “Việc nhận diện những dấu hiệu của sự đối xử tệ hại với trẻ em”. Vị thuyết trình viên đầu tiên bắt đầu bằng những mô tả, kèm theo những hình ảnh của một bộ phim đèn chiếu, về những hành động bạo lực khủng khiếp đối với trẻ em mà hầu như tôi rất ít khi được nghe nói tới. Tôi nghĩ là tôi có thể cảm nhận được những người ngồi quanh tôi cũng đều chau mày bộc lộ sự đau xót của họ, và cũng như tôi, mong mỗi vị thuyết trình viên sẽ chuyển sang phần những việc gì có thể làm. Cuối cùng, vị thuyết trình viên cũng nói về phần đó.

Cô ấy nói, “Khi đã rõ ràng là cơ quan xã hội cần phải giành quyền canh giữ đứa trẻ để bảo vệ nó, tôi nói với vị phụ huynh, ‘Tôi hiểu rằng tận trong thâm tâm của chị, chị luôn muốn là người mẹ tốt của đứa con của mình. Và tôi hiểu rằng quả là quá khó khăn cho chị để chăm sóc đứa bé trong giai đoạn này của cuộc đời chị. Chúng tôi sẽ giúp chị. Chị cần phải giao đứa trẻ cho chúng tôi cho đến

khi chị đủ mạnh mẽ để tự mình chăm sóc cháu. Hãy cùng tôi đi tới cơ quan xã hội và tôi sẽ giới thiệu với chị người sẽ mang lại những sự sắp xếp tốt đẹp cho đứa trẻ. Chị hãy bế cháu bé và chúng ta cùng đi với nhau". Trong hầu hết các trường hợp, vị phụ huynh cảm thấy được an ủi. Tôi cầm lấy tay chị ta, hoặc choàng tay qua vai chị ta, trong lúc chúng tôi cùng đi".

Thỉnh giả trao đổi với nhau những cái nhìn như ngầm nói, "Người phụ nữ này thật là một vị thánh!". Thế rồi một người đặt câu hỏi, "Làm thế nào mà cô có thể chịu đựng nổi việc chứng kiến điều mà những ông bố bà mẹ ấy đã làm? Làm thế nào mà cô không ghét bỏ những bậc phụ huynh ấy?".

Vị thuyết trình viên trả lời, "Điều đó không phải là lỗi của họ. Hầu như tất cả những người ấy cũng đã từng bị đối xử tệ bạc. Phần lớn những người trong bọn họ đều có một thói nghiện ngập nào đó. Cuộc sống của họ không trôi chảy. Họ chẳng thấy gì ngoài những tương lai trống rỗng lê thê cứ kéo dài ra trước mặt, thế rồi, thêm vào đó, đứa trẻ quấy khóc. Họ chẳng thể nào làm điều gì khác được. Chẳng có điều gì để trách móc ở đây cả".

Phải chăng chẳng một ai có thể xử sự theo một cách nào khác? Phải chăng chẳng có một ai đáng bị khiển trách?

Đối xử với trẻ con một cách tệ hại là điều quá đáng. Thế nhưng những biện pháp không thể tránh khỏi mặc dù là thông thường mà những bậc phụ huynh, do bị ràng buộc bởi những hạn chế của chính họ, đã gây đau khổ cho những đứa con mà cả chục năm sau khi đã trưởng thành chúng vẫn nhớ lại và vẫn than khóc thì thế nào? Còn cha mẹ của chúng ta thì thế nào? Có thể nào chúng ta nhận biết những nhầm lẫn của các vị và không trách móc cha mẹ mình? Thế rồi chính chúng ta, những người đang là cha là mẹ thì sao? Tôi nhớ lại, khi còn là một người mẹ trẻ, đã được nghe nhà tâm lý học John Enright nói, "Bà luôn luôn chọn giải pháp đúng, xét theo những tài nguyên mà bà có". Tôi đã nghĩ, "Thật như vậy à? Kể cả khi tôi đã hành xử một cách tồi tệ à?". Thì ra nhà tâm lý học có ý nói, chẳng ai đáng trách cả.

Và vậy thì ở mức độ lịch sử thế giới, với những bạn và thù, những đồng minh và đối nghịch, thì thế nào? Mới đây, những người rời khỏi Spirit Rock Center sau một khóa ẩn tu kéo dài một tháng đã hỏi, "Tình hình bên ngoài thế nào? Vui lòng cho chúng tôi biết để chúng tôi khỏi choáng váng khi nghe tin tức". Tôi trả lời, "Xã hội cũng vẫn hết như khi quý vị từ bỏ nó: tham lam, thù hận và ảo tưởng vẫn chưa được trừ diệt, và con người vẫn hoàn toàn lo sợ". Tôi không muốn quan tâm đến chính trị. Tuy vậy, tôi vẫn muốn chuẩn bị cho họ biết rằng mặc dù chiến tranh chưa xảy ra, nó vẫn đang lấp ló ở đâu đó. Tôi cũng muốn gợi ý rằng những điều mà Đức Phật gọi là những cấu uế của tâm thức – tham lam, thù hận và ảo tưởng, những kết quả của vô minh – mới chính là những nguyên nhân của mọi xung đột, chứ không phải là do những dân tộc hay quốc gia riêng biệt nào. Tôi hy vọng rằng nhận

thức về điều này sẽ có thể bảo vệ họ khỏi sự đau khổ vì sự thù hận và vì tính cách vô ích của việc trách móc.

Tôn giả Tịch Thiên (Shantideva), nhà luận giải Phật học thế kỷ thứ sáu, đã nêu thí dụ sau đây trong Nhập Bồ-tát hạnh: Giả sử có người đánh ta bằng một cây gậy. Thật là vô nghĩa nếu ta giận cái gậy vì nó đã làm ta đau, bởi lẽ những cú đập đã được thực hiện bởi một con người. Cũng vậy, hướng cơn giận vào kẻ đánh ta cũng vô nghĩa nốt, vì kẻ đó đã bị thúc đẩy bởi tham lam, giận dữ hay ảo tưởng. Sự vô minh luôn trở thành kẻ xấu ác, làm mất lý trí và gây ra đau khổ.

Phải chăng quan điểm của Shantideva vẫn còn có ý nghĩa trong cái thế giới thuộc thế kỷ 21 này? Tất nhiên, những quyết định về chiến tranh và hòa bình đã được đưa ra bởi những con người, những con người mà chúng ta có thể gọi tên và quy trách nhiệm như những kẻ chủ mưu. Mặc dù vậy, tôi vẫn lấy làm ngạc nhiên vì chúng ta không thể hành xử tốt hơn bằng cách nêu tên kẻ thù cần phải đánh bại chính là sự vô minh, ngay cả khi chúng ta vẫn hành động một cách kiên quyết để chống lại những điều chúng ta cho là sai trái trong cuộc đời này, những điều chúng ta đã nhận biết chính xác là nguyên nhân gây ra mọi khổ đau. Điều đó sẽ giúp cho chúng ta quên đi những kẻ thù là con người mà chỉ biết đến những con người đang bối rối cần được giúp đỡ.

Tôi cũng đang tự hỏi rằng chẳng biết tin tức thế giới vài tháng qua ra sao. Nhưng bất kỳ điều gì xảy ra, tôi cũng hy vọng rằng chúng ta sẽ có khả năng từ bỏ việc trách móc. Đó là điều rất khó tưởng tượng, vì vẫn có sẵn những gợi ý về việc gán lỗi. "Phải chi xứ ấy, hoặc dân tộc ấy đã làm những điều khác đi hồi tháng ấy, năm ấy...". Mỗi khi có thể, tôi luôn tự cắt đứt dòng suy nghĩ như vậy, nó có khả năng làm dâng trào sự giận dữ trong tâm tôi. Và dù sao chẳng nữa, cái "phải chi" ấy không bao giờ xảy ra. Điều gì đó đã xảy ra, và bất kỳ điều đó là gì thì chúng ta cũng đang ở đây.

Tôi thường nghĩ đến một hình ảnh quen thuộc về một đứa trẻ bị bỏ trong một chiếc giỏ trước một bậu cửa với một mảnh giấy được ghim trên tấm chăn bọc đứa bé, "Xin quan tâm đến cháu". Đối với tất cả chúng ta, sự thôi thúc tự nhiên sẽ khiến chúng ta bồng đứa trẻ lên và săn sóc nó. Tôi vẫn cố nghĩ về cái thế giới này như một đứa trẻ bị bỏ rơi, mặc cho những hoàn cảnh tệ hại nhất, bởi những bậc phụ huynh chẳng thể nào săn sóc nó tốt hơn. Có thể nào chúng ta là những tác nhân từ ái, bồng đứa trẻ đó lên, và không một lời trách móc, săn sóc nó? ■

Nguồn: *No Blame*, Sylvia Boorstein, đăng trên *Shambhala Sun* số tháng Bảy năm 2003.

Sylvia Boorstein là bác sĩ chuyên khoa tâm lý, tham gia sáng lập Trung tâm Thiền định Spirit Rock tại Woodacre, California; tác giả của nhiều bài viết thường xuyên đăng trên *Shambhala Sun*, đã xuất bản nhiều tác phẩm về Phật giáo thực hành.



Buồn vui với tuổi thọ

Bài & ảnh: NGUYỄN PHÚC VĨNH BA

Hẳn ai ai cũng mong mình sống lâu, thọ tử Nam san. Mấy bức tranh Phước Lộc Thọ có hình Nam Cực tiên ông râu bạc như cước, dài quá ngực, trán thì vỏ ra như trái banh vì chứa đầy nguyên khí, biểu tượng cho sự sống lâu đó. Đòi tranh cách điệu thì vẽ một cây cổ thụ vì thụ cũng đọc là thọ để chỉ ý đó. Câu thơ “Nhân sinh thất thập cổ lai hy” đã lỗi thời rồi. Bây giờ, bạn bè vong niên của tôi ngoại 70 còn nhiều lắm, mấy cụ còn đi nhậu đều đặn thua gì lớp trai trẻ đâu. Một số đồng khác thì sống nghiêm chỉnh hơn, sáng đi thể dục, chở cháu đi học, về đọc sách, viết báo, đi lễ chùa, làm từ thiện, chơi cây cảnh, cà phê đàm đạo với bạn bè... là những tấm gương sáng, đóng góp nhiều cho gia đình và xã hội.

Thế nhưng sống lâu mà còn khỏe mạnh, còn hưởng thụ được thú vui của cuộc sống mới đáng nói. Sống

thọ trong bệnh tật, nằm liệt chiếu liệt giường thì quả là rất khổ, khổ cho bản thân mình và khổ cho cả con cháu. Sống thọ trong lú lẫn cũng rối rắm vô vùn. Và đáng sợ nhất là sống thọ trong nghèo khổ và cô đơn như cụ bà dưới đây.

Vừa rồi, tôi đi dự đám cưới một đứa cháu bên vợ. Ông cố của đứa cháu ấy cũng tham gia như trong ảnh dưới đây. Lúc đầu, thấy ông đi đứng còn vững chãi, nói năng rõ ràng, tôi đoán cụ chừng ngoại 90. Ai hay, cụ đã 104 tuổi. Cách đây hai năm, cụ còn đạp xe đạp đi chơi đây đó. Ông quản lý đến bốn bà vợ, gia đình êm ấm nữa mới đáng phục chứ. Trong buổi tiệc, thấy cụ gấp hết món này qua món khác, tôi ganh tỵ quá. Con cháu cụ đều sinh sống đàng hoàng nề nếp, làm ăn chân chính, học hành chu đáo. Các bạn có nề ông cụ không? Thật là quá quý hiếm, phải không các bạn?

Tôi có một anh bạn nữa, mẹ già đúng 100 tuổi. Bà cụ còn minh mẫn, đi lại và ăn uống như người bình thường. Nghe giọng tôi trong điện thoại, cụ đã nhận ra ngay và còn trách, mấy lâu ni không ch¹ thấy ra chơi. Cụ vẫn lo lắng cho con cháu, và hay bảo, cái thằng con tui ham vui lắm. Thật ra, anh bạn nhiều công sự đa đoan, lo phờ cả râu ra đấy. Mỗi chiều, khoảng sáu giờ chưa thấy anh ấy về nhà là bà cụ đã nhắc chừng vợ anh gọi điện thoại, nhắc nhở anh ấy. Tuy nhiên, anh ấy lại đang còn bù khú với tui tui. Anh đành bày biện ra một lý do nào đó, xe hư hay bận họp chi đó để ngồi nán lại thêm đôi chút. Cò của một hồi cho đến hồi chuông báo động lần hai reo lên thì anh mới đứng dậy xin về trong tiếc nuối. Thường thường là thế. Tính anh ấy ham bạn bè và cả nể mà. Hiếu với mẹ và hảo với bạn bè đã khiến anh lằm lằm tiến thoái lưỡng nan. Như cụ bà là quá hiếm! Nuôi con khôn lớn, con đến tận 60 rồi cụ vẫn không thiếu quan hoài. Thật là một bậc hiền mẫu!

Mẹ tôi thì thua bà cụ đó hai tuổi. Bà lẩn và quên khá nhiều dù ăn uống bình thường và vệ sinh cá nhân vẫn tự lo được. Có hôm bà bảo tôi, tay Đại sứ Mỹ muốn mua cái nhà mình 100 triệu, mi có chịu bán không. Tôi trả lời, 100 triệu đô thì bán còn 100 triệu đồng VN thì không. Bà hừ hừ, háms dữ, tiền chớ có phải lá mít mô, rồi bỏ lên nhà trên. Lẩn khác, bà hỏi Mỹ với Tàu nó cá độ 100 năm đã xong chưa. Tôi cảm như hén luôn vì chẳng hiểu cái gì hết. Bà bảo, rứa mà nói giỏi, cái chi cũng không biết. Nguyên do là bà cứ mở TV suốt cả ngày và ngồi xem. Bà nghe lồm bồm tin tức thời sự gì đấy, nhớ nhớ quên quên rồi ráp Mỹ với Tàu lại thành các chuyện đầu Ngô mình Sở như thế.

Nhưng rứa là quý rồi. Sống dưới bóng ả của bà tôi thấy vô cùng an lạc. Tôi đây liệu đến 70 có còn khỏe mạnh được một phần ba như bà không, hay sẽ làm khổ con cháu đủ điều. Chúng tôi đều đã học câu chuyện “Chén miếng d²” nên đều cố gắng chăm sóc các cụ chu đáo, sợ rằng quả báo nhãn tiền, đến phiên mình bị con cháu bạc đãi thì cũng đáng đời.

Tuy vậy, bệnh Alzheimer (mất trí nhớ, lú lẫn) làm khổ nhiều người già. Chuyện anh V. mới cười ra nước mắt. Ông cụ anh ấy ngoại 80, da dẻ còn hồng hào nhưng đau lắt nhắt liên hồi, khi mất ngủ, khi đau đầu, khi tiêu chảy, khi chán ăn,... Anh V. ở nhà riêng nhưng sáng nào khi ông cụ có chuyện là anh về săn sóc ngay. Ông cụ bảo:

- Anh thật tốt bụng. Khi nào tui đau là có anh ngay. Tui biết ơn lắm.

- Con lo cho ba là chuyện phải làm mà ba. Anh trả lời.

- Anh đầu phải con tui. Cái thằng V. đó tệ lắm. Cả năm nay hén không thèm ngó ngang chi tui cả. Ông cụ đáp lại rất tỉnh táo.

- Con là V. đây. Ba không nhận ra con à?

- Anh giống thằng V. lắm, nhưng tánh anh tốt, còn nó là thằng bất hiếu. Hiếu là đầu của mọi đức hạnh

đấy. Con tui, tui biết mà. Anh đừng bao che cho hén.

Cái khổ là đây. Tám người con ông cụ quên mặt chỉ một người con chí hiếu đang ở cạnh ông: anh V. Anh V. lại hén diện có người cha luôn bảo tồn nét đẹp hiếu đạo của ông cha ta.

Anh T. thì mẹ già cũng ngoại 80 ở quê. Anh đưa bà cụ lên phố ở chung để chăm sóc cho tiện. Mới ăn xong, hàng xóm ghé chơi, hỏi thăm:

- Cụ dùng cơm chưa?

- Cơm mô mà ăn. Mấy ngày ni tui hén không cho tui ăn chi cả.

Ồi chào! Oan ơi, ông địa! Chưa hết mô. Thịnh thoàng, nhớ bà con làng xóm và không muốn làm phiền con cái, bà trốn khỏi nhà, thuê xe thổ về thăm quê. Anh T. nhận điện thoại của mấy bà con dưới quê, sao anh để mẹ về làng một mình rứa. Thế là anh ba chân bốn cẳng chạy về đón mẹ lên, vui vẻ bảo mẹ: “Mạ ưa thì nói con chở đi, đi rứa con biết mô mà tìm”.

Kiếp nhân sinh là thế. Tui tui gặp nhau kể lể với nhau chuyện nhà, chứ không ai không lo cho các cụ. Đó là hình ảnh của chúng tôi mười năm nữa. Đoạn trường ai có qua cầu mới hay. Có các cụ ở chung, gia đình như ả ả, chan hòa hơn, sớm hôm ông bà con cháu hỏi han chăm sóc nhau. Lo cho các cụ là một phần, một phần khác lo tu tâm dưỡng tánh để không làm buồn phiền và xấu hổ các cụ nữa. Việc sau này e cũng không kém phần quan trọng. Cầu trời phù hộ cho các cụ tìm thấy niềm an lạc trong những ngày còn trên cõi đời này.

Nghĩ về tuổi thọ, về cái chết để sống cho thanh thản, đừng vợ v³ của cải, đừng tham lam chức quyền, đừng thù hận dai dẳng, đừng hẹp hòi bảo thủ, đừng hiếp đáp kẻ yếu,... và thấy được lẽ vô thường mà dẹp bỏ tham sân si, ầu cũng là điều đáng cho chúng ta suy nghĩ chứ. ■

Chú thích:

1. Ch¹ có nghĩa là thấy, tiếng địa phương.

2. Chén miếng d².

Chuyện kể: Có một anh n⁴ nuôi một người cha già ngoại 60 tuổi. Anh chăm sóc khá chu đáo nhưng ông cụ đã già, tay chân run rẩy nên thường đánh rơi và làm vỡ chén. Anh tiếc của, bàn với vợ lấy gạo d², c⁵ làm chén cho cha ăn. Chén gạo d² (ở miền Nam còn gọi là miếng d²) rơi khó bể, mà bể thì cũng không mất bao nhiêu tiền. Ông cụ dùng chén gạo d², ăn kém ngon nhưng đúng như anh suy tính, ít bể vỡ hao tổn cho nhà anh.

Một hôm, anh thấy d² con trai sáu tuổi đang c⁵ gạo d² trên hè nhà. Anh hỏi:

- Con đang làm cái gì vậy?

D² bé thật thà trả lời:

- Con làm chén miếng d². Khi cha già như ông nội, cha có chén để ăn, khỏi rơi bể.

Nghe xong, anh tỉnh ngộ ra. Từ đấy, anh không còn xử tệ với ông cụ như trước đây.



Đến khách sạn để ăn chay

CAO HUY HÓA

Ngày nay, ăn chay là hiện tượng khá phổ biến không những ở các quốc gia châu Á có truyền thống theo Phật giáo, mà còn ở nhiều nước phát triển trên thế giới. Phật tử ăn chay, không phải Phật tử cũng ăn chay, có người trường trai, có người ăn chay một số ngày trong tháng, có người ăn tùy hứng. Ăn chay để giữ giới thứ nhất của nhà Phật, ăn chay để tịnh hóa thân tâm, ăn chay vì sức khỏe, ăn chay vì hưởng ứng môi trường lành mạnh, ăn chay cho biết, ăn chay để đối không khí...

Trước đây, Phật tử ăn chay tại nhà theo định kỳ hàng tháng, thỉnh thoảng thọ trai tại chùa dịp lễ, kỵ, Tết, nhưng ít người ăn tại quán chay, chỉ lâu lâu ăn cho vui, để thay đổi khẩu vị hoặc đãi khách. Trong thành phố Huế - một thành phố có đông đảo Phật tử - chỉ có vài quán chay bán cơm, bún và một số bánh như bánh bèo, nậm, lọc, bánh khoai, bánh cuốn... Nhưng trong

vòng mười năm trở lại, cùng với trào lưu ăn chay tại các nước phát triển, cùng với món ăn chay được phong phú và cải thiện khá nhiều, cùng với cách chọn ăn chay tại quán thay vì ăn ở nhà của nhiều người người đi làm hoặc đi học, do thuận lợi trong đời sống công nghiệp và gia đình, cho nên số người ăn chay tại nước ta tăng thêm đáng kể, vì thế nhiều quán chay mọc lên, đặc biệt ở các đô thị lớn, kể cả Hà Nội, nơi đi sau trong chuyện ăn chay.

Quán chay không chỉ là quán đại chúng, bình dân mà còn có những quán sang trọng, thực đơn ngày càng phong phú, phong cách đa dạng, trang trí mỹ thuật pha lẫn chút thiền vị. Tuy thế, người Phật tử ăn chay không cần cầu kỳ, không thiết những thứ giả mặn, chỉ mong sao món ăn tươi lành, vệ sinh, được nấu và dọn bởi những người thiện tâm, để mình bước vào nơi ăn chay như được hưởng chút gì nhẹ nhàng, thư thái, nếu không gian có chút đạo vị thì càng quý hơn nữa. Đây

không phải là đòi hỏi cao sang. Bạn có thể hưởng được không khí đó trong quán chay bình thường ở đất cổ đô. Thế còn khách sạn thì sao? Ngày nay, khách lưu trú có thể đòi hỏi nhà hàng thuộc khách sạn phục vụ ăn chay, vì ăn chay là nhu cầu của nhiều khách du lịch, nhưng không có khách sạn nào có quán chay riêng phục vụ nhu cầu đa dạng của khách lưu trú và khách thập phương... Chỉ trừ một nơi...

Đó là khách sạn 4 sao nằm trên đường Ngô Quyền, ở trung tâm thành phố Huế. Nơi đây có quán chay hoạt động biệt lập với nhà hàng ẩm thực (restaurant), chiếm diện tích rộng thuộc tầng trệt, trưng bằng hiệu riêng. Ai vào đây lần đầu cũng bất ngờ vì khách sạn chơi sang cho ăn chay: không gian rộng, bàn ghế hàng hoàng, có thể phục vụ cho số lượng khách đông, thuận lợi cho đoàn nhiều người cũng như đảm bảo tính riêng tư cho trò chuyện thân tình. Sang còn ở dụng cụ bàn ăn (khăn bàn, chén, muỗng, đĩa...), sang ở người phục vụ: ăn mặc chỉnh tề, tác phong khá chuyên nghiệp, lịch sự, sang vì điều kiện vệ sinh rất tốt. Những cái sang đó đã toát lên nét thanh lịch mà hiếm có quán chay nào đạt được, và tất nhiên quán thanh lịch như thế phải có giám đốc thanh lịch.

Vị nữ giám đốc quản lý cả một khách sạn 4 sao, đã có ý tưởng mới mẻ cách đây hai năm: mở quán chay tại khách sạn cho mọi người. Bà cho biết, ban đầu nhiều người không tin về hiệu quả kinh doanh của quán chay, chưa chừng đẹp tiệm sớm, vì có ai đến khách sạn để ăn chay, trong khi quán chay không phải là hiếm. Thực tế đã chứng minh quyết tâm của giám đốc là đúng, không những thế, khách sạn lại có cơ hội quảng bá hình ảnh đẹp về văn hóa ăn chay trong thời đại ngày nay. Những thực khách đến đây khá nhiều lần thường nhận ra một vị nữ giám đốc duyên dáng với áo dài, đi đứng, nói cười nhẹ nhàng. Thì ra phong cách Huế nơi doanh nhân này lại là điểm nhấn trong kinh doanh, và áo dài vẫn là hình ảnh dễ thương còn đọng lại sau khi khách từ giả quán ăn. Không quảng cáo gì nhiều, nữ giám đốc thỉnh thoảng thỉnh ý khách, và chỉ nói một đặc điểm là: quán chay này không dùng vị tinh (bột ngọt). Nấu ngon mà không cần vị tinh, thay vào đó là nước hầm rau, củ, quả; đây là yêu cầu của nhiều người khách kỳ vị tinh và khách Tây, trong khi đại đa số quán ăn (mặn hoặc chay) đều có dùng thứ này, không nhiều thì ít. Quán chay của khách sạn này không chiều theo sự dễ dãi của người ăn, mà hướng đến cách ăn văn minh hơn, vậy mà chuyện “không dùng vị tinh” trở thành một trong những ưu thế.

Những ưu thế nói trên là vượt trội so với những quán chay bình thường, vì thế quán đã thu hút rất nhiều người dân xứ Huế, thành phần đa dạng, đủ mọi lứa tuổi, nhiều nhất là tuổi trẻ. Ngày rằm, mồng một, mười bốn, ba mươi thì khách đông, mà ngày thường thì vẫn tương đối có khá nhiều khách. Có người lao động bình

thường, có người là quan chức, có người thường ăn chay, có người không mấy khi ăn chay, và có cả người tu hành. Ai đến đây đều chỉ biết quán chay, chứ không cần để ý đến khách sạn. Tiếng lành đã lan tỏa: nhiều khách phương xa, nhất là khách Sài Gòn - vốn quen với những quán chay đông khách và bàn ghế kê sát nhau - cảm thấy được ngồi rộng rãi, thư thái, lại được ăn theo kiểu ăn chay Huế, cho nên cảm thấy “sang” mặc dầu đậm bạc hơn quán chay cao cấp của Sài Gòn.

Đúng thế, các món chay ở đây gần gũi với ẩm thực chay Huế truyền thống, từ các sản phẩm tươi có sẵn tại địa phương như rau, củ, quả, nấm, măng và những thứ bún, phở, bánh tráng, khuôn đậu, xa lạ với những thứ giả mặn, đánh lừa vị giác. Lại có thêm các loại bánh như bánh nậm, bột lọc, bánh cuốn, bánh ướt... Thực đơn ở đây tương tự như những quán chay khác, phục vụ đại chúng, và tuy cơ sở vật chất thanh lịch mà giá cả không chênh lệch là bao so với các nơi khác. Nhưng nhà bếp ở đây có khéo bằng các bà nội trợ Huế nấu chay vào ngày rằm, mồng một? Hoặc món chay ở đây có tinh tế như món chay nhà chùa, dầu là đậm bạc? – Cũng còn xa, và tôi vẫn cứ nghĩ đến tô canh mướp đắng ở các ngôi chùa Ni, thanh tao vị đắng vị ngọt đã đành mà rất mỹ thuật, rất mát mắt, xắt lát rất đều, điểm chút ít nấm và khuôn đậu, ăn mềm vừa phải và hơi dai tí xíu. Cũng đẹp và ngon với vả trộn bánh tráng, với mít luộc chấm tương, với những thứ thanh đạm khác, mà tôi được ăn chay tại chùa. Suy cho cùng, quý nhất là ở tâm. Chú tâm làm tốt, làm tinh khiết để người thọ nhận vui lòng, khác với làm cho xong phận sự.

Dầu chất lượng phục vụ chưa hoàn toàn tốt, quán chay nằm trong một khách sạn bề thế, tạo được tín nhiệm của nhiều người dân Huế và cả nhiều khách phương xa, quả là hiện tượng có một không hai. Thật ra, việc này không phải là lớn đối với quản lý chung của khách sạn, nhưng hiệu quả xã hội và nhân văn là rất có ý nghĩa. Khách được ăn những món ăn tinh khiết và khá ngon, được sự chăm sóc khá tận tình của giám đốc, là một Phật tử, chắc chắn hưởng niềm vui nhẹ nhàng, và khởi lên ít nhiều trong tâm về sự thanh tịnh của một chế độ ăn uống xanh, khác xa với vị giác kích thích thêm muốn, như vậy là lợi lạc cho mình, cho xã hội, cho môi trường sống.

Nhìn quán chay bề thế này, tôi nhớ một lần cách đây đã nhiều năm, tôi đi chơi ở bãi biển Nha Trang, được người quen hướng chỉ dẫn đi trên con đường ven biển mới được khai phá dở dang, nhiều công trình đang mọc lên với ngồn ngang xe cộ, máy móc và vật liệu xây dựng, tôi bắt gặp một quán chay nhỏ bé, bàn ghế tuềnh toàng, tấm biển “Quán chay” bằng các-tông, và đẹp thay, có hai anh chị rất trẻ đang thanh thân dùng bữa. Quán chay như thế và quán chay thanh lịch trong một khách sạn 4 sao tại trung tâm thành phố Huế, cả hai đều góp phần làm cho xã hội hiền thiện, đáng yêu. ■

Luận lý học Phật giáo

của Nguyễn Khuê

TRẦN TUẤN MÃN



Đức Phật đặt nặng vấn đề giải thoát khỏi khổ đau, hướng dẫn con người theo con đường tu tập, lấy trí tuệ để thể nhập chân lý tối hậu, Niết-bàn. Ngài phê phán những tri thức, những lập luận tranh cãi lý thuyết suông mà Ngài gọi là những thứ vô bổ, hý luận. Tuy vậy, Ngài vẫn dạy cho hàng đệ tử cách suy nghĩ, cách lập luận đúng đắn để có chánh kiến, phân biệt đúng sai để tự mình chứng ngộ và giúp người khác chứng ngộ chân lý. Kinh điển của Ngài là cơ sở cho luận lý học Phật giáo và về sau chư Đại Luận sư đúc kết thành Nhân minh luận Phật giáo.

Nhân minh luận được hình thành từ vài mươi thế kỷ trước ở Ấn Độ cổ do trường phái Ni-da-da Chánh lý Thắng luận (Nyayavaisesika), tương truyền là của Tổ Túc Mục (Aksapada) sáng lập. Đức Phật cũng đã công nhận Nhân minh luận của trường phái này và các kinh điển của Ngài vẫn nhắc đến Nhân minh, ngoài những nội dung cơ bản cho luận lý học và nhân minh luận. Kinh *Tăng Chi* tập I ghi lời dạy của Đức Phật về cách đàm luận, về thái độ trả lời các câu hỏi của người khác; kinh *Bồ-tát địa* trì đề cập đến Ngũ minh gồm Nhân minh đến Thắng nghĩa đế; kinh *Giải thâm mật* nói về các nhận định đúng sai; kinh *Lăng-già* bàn về sự khẳng định, phủ định, về sự phân biệt trong ngôn từ, ngôn ngữ; và các kinh



như *Kim Cương*, *Viên Giác*, *Pháp Hoa*... tất cả đều thể hiện một thứ biện chứng siêu việt, khiến *Luận lý học Phật giáo* đạt vị trí nổi bật trong các hệ thống trí thức luận và luận lý học Đông Tây kim cổ. Tiếp theo là các Tổ sư Luận gia của Phật giáo đã triển khai giáo lý của Thế Tôn để hệ thống hóa luận lý Phật giáo: Long Thọ (Nagarjuna, thk.2,3), Thánh Đề-bà (Aryadeva, thk.2,3), Di-lặc (Maitreya, thk.2,3), Vô Trước (Asanga, thk.4,5), Thế Thân (Vasubandhu, thk.4,5), Trần-na (Dignaga, thk.5,6); Thương-yết-la Chủ (Samkarasvamin, thk.6,7), Pháp Xứng (Dharmakirti, thk.6,7), Huyền Trang (thk.6,7), Khuy Cơ (thk.7), Thanh Biện (Bhavaviveka, thk.7), Pháp Thượng (Dharmottara, thk.8), Tịch Hộ (Santaraksita, thk.8), Bảo Xứng (Ratnakirti, thk.9)...

Chư tôn túc, học giả Phật giáo Việt Nam viết về Nhân minh luận khá chậm, mãi đến nửa đầu của thế kỷ 20. Đó là các vị Hòa thượng Thích Trí Độ, Bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám, Hòa thượng Thích Thiện Hoa, Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Nhất Hạnh, Hòa thượng Thích Đồng Quán, học giả Minh Chi... Nội dung các tác phẩm của chư vị đều rất bổ ích, căn bản về Nhân minh, căn cứ vào một số tác phẩm Hán văn trình bày Nhân minh luận của các ngài Trần-na, Pháp Xứng, Thương-yết-la Chủ và chủ yếu căn cứ vào bộ *Nhân minh Nhập chánh lý luận* (Nyayapravasa) của ngài Thương-yết-la Chủ chứ không căn cứ vào các tác phẩm của Tổ Trần-na, đặc biệt là bộ *Nyayamukha*, dù bộ luận này đã được ngài Huyền Trang và ngài Nghĩa Tịnh Hán dịch thành hai bản lần lượt là *Nhân minh Nhập chánh lý môn luận bốn* và *Nhân minh Nhập chánh lý môn luận* (Sau này dịch giả Nguyễn Hồng đã Việt dịch bản của ngài Huyền Trang). Cuối năm 2012, tác giả Thích Kiên Định cho ra mắt tác phẩm *Khảo sát Lịch sử và Tư tưởng Nhân minh luận* (Nxb Thuận Hóa, Huế), một nghiên cứu khá đầy đủ và có giá trị cao.

Cuốn *Luận lý học Phật giáo* của tác giả Nguyễn Khuê (Nxb Hồng Đức, Hà Nội, 2013) là một nghiên cứu căn

bản về Nhân minh luận Phật giáo, rõ ràng, dễ hiểu, chính xác, mang tính khoa học cao. Ngoài phần Tổng kết, Đối chiếu thuật ngữ Anh-Việt, Sách dẫn, sách gồm ba phần: Phần I gồm bốn chương giới thiệu Tam đoạn luận và Nhân minh luận; phần II gồm bốn chương trình bày về Nhân minh mới; phần III là bản Việt dịch từ Hán bản *Nhân minh Nhập chánh lý luận Trực giải* của ngài Trí Húc (1599-1655). Ngoài lời giải văn của ngài Trí Húc, dịch giả Nguyễn Khuê có thêm phần chú thích rất công phu của chính mình. Đây là bản Việt dịch đầu tiên về tác phẩm của ngài Thương-yết-la Chủ qua bản Hán dịch và giải của ngài Trí Húc.

Tác phẩm *Luận lý học Phật giáo* của Nguyễn Khuê khiến chúng ta liên tưởng đến sách *Buddhist Logic* của Th. Stcherbatsky vốn gồm phần giảng rất chi tiết về luận lý học Phật giáo và phần Anh dịch từ Phạn bản tác phẩm *Nyayabindu* của ngài Pháp Xứng (Dharmakirti) kèm thêm lời giải thích của ngài Pháp Thượng (Dharmamotta). Thể cách trình bày của Stcherbatsky và của Nguyễn Khuê có phần giống nhau, trong mức độ nội dung dịch phẩm khác nhau. *Buddhist Logic* được giới học giả thế giới đánh giá rất cao. Riêng đối với tôi, tôi thấy *Luận lý học Phật giáo* của Nguyễn Khuê có giá trị riêng của nó: căn bản, rõ ràng, phù hợp với hoàn cảnh nghiên cứu của số đông học giả Việt Nam.

Tác giả Nguyễn Khuê với kinh nghiệm giảng dạy Văn học và Hán học tại các Đại học Sài Gòn, TP.HCM, các Học viện, Cao đẳng, Trung cấp và Trung tâm Hán Nôm của Phật giáo Việt Nam trong suốt nửa thế kỷ qua, lại là một nhà nghiên cứu Phật học thâm sâu, và đã cho xuất bản gần 20 tác phẩm giá trị. Đối với tác giả, tôi có mối thâm tình từ sáu thập kỷ qua, có sự kính trọng như người anh cả, như một tấm gương tận tụy, kiên nhẫn và đầy năng lực đạo đức, trí tuệ trong tu học, trong nghiên cứu.

Do tác giả hỏi về nhận xét của tôi đối với cuốn sách này, tôi rất cảm kích và có mấy dòng trên đây. ■



Những câu chuyện nhỏ làm nên nền điện ảnh lớn

HỒ ANH THÁI

Mê phim như kiểu người Iran thật hiếm thấy. Bộ phim *Cận cảnh* của đạo diễn bậc thầy Abbas Kiarostami mà tôi sẽ kể lại tỉ mỉ ở phần sau của bài viết này là câu chuyện một anh chàng mê phim quá mà mạo nhận mình là đạo diễn điện ảnh Mohsen Makhmalbaf. Những người bị anh ta lừa chẳng qua cũng vì mê điện ảnh quá. Một vụ án như vậy thật sự đã xảy ra và trở thành một giai thoại điện ảnh được tất cả truyền nhau ở Iran từ cuối những năm 1980.

Một nền điện ảnh lớn cần có khán giả lớn. Tất nhiên đầu tiên và trên hết, nền điện ảnh lớn cần những nghệ sĩ lớn: đạo diễn, biên kịch, diễn viên, quay phim và các khâu không thể thiếu khác. Gốc rễ của điện ảnh, và của nhiều ngành nghệ thuật, suy cho cùng là văn học. Không có kịch bản văn học hay thì các đạo diễn lớn và nghệ sĩ lớn cũng khó mà làm nên được một bộ phim hay. Nói đến thế, mới thấy hầu hết những phim hay của Iran đều có kịch bản hay, thậm chí là tuyệt vời. Người ta từng nghĩ nhiều về điều này để tìm cách lý giải sự thành công của điện ảnh Iran. Không hề là sự ngẫu nhiên, Iran là đất nước của thơ ca, của triết học. Một thiên sử thi đồ sộ như *Hoàng đế kinh* của thi hào Ferdosi đã dài gấp gần bốn mươi lần *Truyện Kiều*, mà hầu như không người Iran nào không thuộc một phần một đoạn trong ấy. Một sự nghiệp thơ đồ sộ như của Hafez cũng đã đi vào lời ăn tiếng nói hàng ngày, được dân chúng đem ra bói như bói Kiều ở ta. Từ cổ đại, Iran đã là mảnh đất nảy nở những thiên tài triết học, khoa học và thơ ca như Omar Khayyam, Hafez, Saadi, Rumi, Ferdosi... Một truyền thống triết học và văn học rực rỡ không hề đứt đoạn suốt cả mấy nghìn năm, thì mới thành cái vốn

cơ bản, cái của để dành cho các nghệ sĩ điện ảnh hôm nay. Từ những chi tiết nho nhỏ như một tấm thảm gần bó với một đời người, đến mức thậm chí có hồn cốt có số phận (phim *Tấm thảm*, *Gabbeh*). Từ những chi tiết nho nhỏ như hai anh em nhà nghèo phải chung nhau một đôi giày, em đi học sáng, trưa về bàn giao cho anh đi học buổi chiều (phim *Con của trời*, *Children of Heaven*). Từ những bộ phim mượn chuyện trẻ con để nói chuyện người lớn... Các nghệ sĩ đã phát hiện ra trong ấy những vấn đề triết học lớn lao và sáng tạo ra những tác phẩm lớn. Một đất nước Tây Á xa xôi, vốn bị các nước Âu Mỹ kỳ thị và cô lập, bỗng nhiên xuất hiện chói sáng trên bản đồ điện ảnh thế giới, làm cho những người kỳ thị mình phải ngả mũ kính phục. Điện ảnh Iran lớn là nhờ những ý nghĩa lớn xuất phát từ những điều nho nhỏ, những bộ phim kinh phí thấp, ít diễn viên, ít đại cảnh mà lay động lòng người mãi sau khi phim đã hết.

May mắn, tôi ở không xa Bảo tàng Điện ảnh Iran, đi bộ chỉ mất khoảng hai mươi phút là ra đến cái vườn điện ảnh Bagh-e Ferdos, bên cạnh một đường phố sầm uất là Vali-e Asr. Một tòa nhà kiến trúc triều đại Qajar, mới vài trăm năm, do vua Shah Nasir od-Din xây cho con gái, pha trộn kiến trúc truyền thống Ba Tư và kiến trúc phương Tây thời ấy. Trong bảo tàng có hai phòng chiếu, mỗi ngày chiếu bốn buổi, chiếu cả phim mới lẫn phim kinh điển. Bên sườn bảo tàng có một cửa hàng bán đĩa nhạc và đĩa phim, tôi tìm được ở đây nhiều phim kinh điển, và được dịp chuyện trò với anh bạn Kaveh rất am hiểu điện ảnh Iran và điện ảnh thế giới. Chính anh đã tìm được cho tôi những phim khó tìm như *Con ngựa hai chân* (*Two-legged Horse*), phim làm

năm 2008 của nữ đạo diễn Samira Makhmalbaf, hay phim *Bab'Aziz* của Nacer Khemir, *Chú bé Bashu* (Bashu, the Little Stranger) của Bahram Beizai, *Trăng giữa tháng* (Half Moon) của Bahman Ghobadi...

Đầu năm 2011, đúng vào dịp Tết của Iran, lần đầu tiên tôi đến Bảo tàng Điện ảnh và xem bộ phim còn nóng hổi *Chia tay*, vừa mới đoạt giải Gấu Vàng ở Berlin, rồi một năm sau đó đoạt giải Oscar 2012. Từ đấy tôi hay lui tới cái vườn điện ảnh này, xem một bộ phim, ngồi trong một cái tiệm cà-phê rất có gu bên vườn hoa có đài phun nước. Xem hết ba tầng bảo tàng mới càng thấy cái vĩ đại của một nền điện ảnh. Hơn bốn chục năm qua, Iran đã đoạt gần một trăm giải thưởng tại các liên hoan phim hàng đầu thế giới như Cannes, Berlin, Venice, Chicago, Toronto, Sundance... Mà đấy là những giải vàng, giải bạc, giải đồng hân hoi, chứ không phải là giải an ủi hoặc giải tặng thêm cho những đề tài chính trị xã hội.

Ghi chú bên lề: Điện ảnh Việt Nam vẫn đang còn ước ao một cái giải chính thức như thế, một cái thôi, chứ không phải là một trăm giải như điện ảnh Iran.

Điện ảnh bắt đầu xâm nhập vào Iran đầu thế kỷ XX.

Đúng vào năm 1900, năm cuối của một thiên niên kỷ, rạp chiếu phim đầu tiên được xây ở thành phố Tabriz, trung tâm vùng Tây bắc. Bốn năm sau, rạp chiếu phim thứ hai được xây lên và sáng đèn ở Tehran. Người mê phim nô nức kéo đến. Nghệ sĩ mê phim nỗ lực làm phim. Trước Cách mạng 1979, điện ảnh Iran đã được chú ý với một Đợt Sóng Mới, trong đó Kiarostami là một tài năng trẻ. Sau năm 1979, xuất hiện một Đợt Sóng Mới nữa, lần này hùng hậu một đội ngũ, trong đó có Bahman Ghobadi, Jafar Panahi, đặc biệt là gia đình đạo diễn Mohsen Makhmalbaf, gồm cả vợ, con gái, con trai ông, được giới điện ảnh phương Tây gọi là một triều đình điện ảnh (The Makhmalbaf family – A Cinema Dynasty).

Không thể bao quát một nền điện ảnh năng động và nhiều thành tựu như điện ảnh Iran, tôi chỉ dừng lại ở mức độ kể cho người đọc nghe về một số bộ phim, coi như những ví dụ. Tôi thường cố tránh việc kể lại một tác phẩm, nhưng không phải ai cũng có điều kiện để xem những bộ phim này qua đĩa hình hoặc trên mạng. Coi như tôi chiếu phim bằng chữ và người đọc cũng đang xem phim bằng chữ vậy.

Cận cảnh: Hòa quyện hư cấu và tài liệu

Bộ phim *Cận cảnh* (Close-up) dựa trên một câu chuyện có thật. Một người đàn ông Iran bị đưa ra tòa vì giả làm đạo diễn điện ảnh Iran nổi tiếng thế giới Mohsen Makhmalbaf. Trên một chuyến xe buýt, anh ta đang đọc cuốn tiểu thuyết *Người đi xe đạp* (Cyclist) và

khi bà già ngồi bên cạnh hỏi có thể mua cuốn sách ở đâu, thì anh ta tặng luôn cho bà, rồi ký tặng, tự nhận mình là tác giả, đồng thời là đạo diễn của bộ phim. Đạo diễn nổi tiếng đi xe buýt để tìm hiểu con người và cuộc sống. Người đàn bà mời anh đến nhà chơi, anh làm cho bà và hai người con trai tin anh là đạo diễn đang đi chọn cảnh, đạo diễn đã chấm căn nhà của họ, và mời họ đóng trong bộ phim sắp tới. Anh ta mời cả gia đình đến rạp xem bộ phim mới ra mắt của mình. Sau đó còn đến chơi nhà họ một lần nữa. Lần này thì ông chủ nhà nghi ngờ, ông đã mời một vị đạo diễn có quen Mohsen Makhmalbaf đến để nhận mặt. Một nhà báo được tin cũng dẫn theo hai viên cảnh sát đến để bắt kẻ mạo danh. Nhà báo viết một bài nhan đề *Ngài Makhmalbaf rờm đã bị bắt*. Mấy tuần sau, khi anh ta bị đưa ra tòa thì vụ án đã được biết đến một cách rộng rãi.

Anh chàng Sabzian lý giải, anh ta mê phim của Makhmalbaf, xem đi xem lại nhiều phim của ông đến mức nhập tâm. Anh ta cảm phục ông đã làm ra những bộ phim thấm thía về đám người thua thiệt trong xã hội. Khi được gia đình nọ nhận nhầm là đạo diễn, anh ta cảm thấy kiêu hãnh là mình được đề cao, được tôn

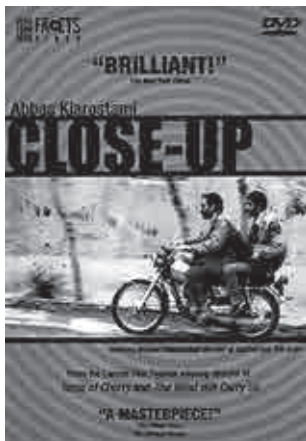
trọng. Anh ta muốn đóng một vai ngay giữa cuộc đời. Anh ta đi khắp căn nhà, nhìn ngó vào các phòng, đấy là lúc tự thấy mình là vị đạo diễn oai hùng đang đi chọn cảnh, đang nhìn mọi thứ bằng con mắt đạo diễn. Điều này trái với nghi ngờ của một vài người trong nhà là anh ta âm mưu trộm cắp. Anh ta đang thất nghiệp thật, lúc gặp bà chủ gia đình trên xe, anh ta đang đói thật, nhưng ngay sau đó được đóng vai đạo diễn, được mọi người tin thì anh ta quên hết những mặc mớ của cá nhân.

Sabzian còn diễn rất thành công tính khiêm nhường của một đạo diễn lớn:

anh lý giải mình đi xe buýt để thâm nhập và tìm hiểu cuộc sống, phục vụ cho những bộ phim trong tương lai. Anh mời cả nhà đi xem bộ phim mới, không phải trong một phòng chiếu riêng, mà ở rạp, và anh cũng đến rạp bằng cách đi lẫn trong đám đông “vì không muốn bị nhận mặt”, không muốn “gây phiền phức” cho những vị khách của mình.

Trước tòa, qua những câu hỏi của vị quan tòa và lời đáp của bị cáo, sự thật được gỡ dần ra. Một người thất nghiệp, đời sống khó khăn, nhưng mê điện ảnh đến mức gây ra một vụ mạo danh. Trong sâu xa đó là một người đam mê nghệ thuật và thật thà. Gia đình nọ, ban đầu nghi ngờ anh ta âm mưu trộm cắp, sau chuyển sang cảm thấy bị xúc phạm vì bị lừa, dần dần hiểu ra, xúc động, rồi tuyên bố tha thứ cho bị can.

Những con người ngoài đời đã đóng chính vai mình trong phim *Cận cảnh*. Anh chàng mê phim Sabzian, vợ



chồng con cái gia đình cũng mê phim nọ, cả anh nhà báo đã đến chụp ảnh tại trận khi bắt Sabzian cũng vào vai chính mình. Tất cả họ đều có mặt ở một phiên tòa rất gây hứng thú cho người xem.

Cái kết phim mới thật đắt. Đạo diễn Makhmalbaf thật đến đón Makhmalbaf rơm ở trước cổng tòa án. Đạo diễn nổi danh thế giới cũng đi xe máy, chứ không đi ô-tô riêng như người hâm mộ hình dung. Lần gặp đầu tiên giữa đạo diễn rơm và đạo diễn thật. Quả là trông họ cũng hao hao giống nhau. Ông Makhmalbaf dừng xe máy chờ anh chàng Sabzian vừa được tha bổng đến nhà người bị lừa. Trên đường đi, theo yêu cầu của Sabzian, ông dừng xe cho anh ta xuống mua một chậu hoa bên đường, lại còn dặn, đừng tốn tiền quá. Sabzian mang chậu hoa đến tặng cho ông chủ gia đình, người duy nhất trong nhà không bị mắc lừa và đã bố trí để đưa anh ta vào bẫy. Đứng trước ông này, Sabzian đã ôm chậu hoa mà khóc.

Đạo diễn của bộ phim Abbas Kiarostami cũng là một đạo diễn Iran nổi tiếng thế giới. Ông đã đoạt giải Cành cọ vàng ở Liên hoan Phim quốc tế Cannes với phim *Hương vị anh đào* (*Taste of Cherry*, 1997) và nhiều giải thưởng quốc tế với phim *Gió cuốn chúng ta đi* (*The Wind Will Carry Us*), *Chuyến đi* (tên tiếng Anh: *Traveller*), *Cận cảnh* (*Close-up*)... Phim *Cận cảnh* (1990) xuất hiện trong các liên hoan Phim quốc tế lớn đúng vào thời kỳ thế giới ngỡ ngàng phát hiện ra tầm vóc lớn của điện ảnh Iran. Hàng loạt bộ phim Iran dạo ấy hầu như cùng lúc đã chiếm lĩnh màn ảnh các liên hoan quốc tế, chinh phục giới chuyên môn và người xem. “Một kiệt tác điện ảnh”, đây là nhận định của nhiều tờ báo như *The Village Voice*, *The Chicago Reader*... về phim *Cận cảnh*.

Kiarostami đã tỏ ra cao tay khi sử dụng thể loại tài liệu hư cấu cho phim *Cận cảnh*. Một câu chuyện có thật được những người có thật diễn lại. Một bộ phim có kịch bản, có lớp lang, có diễn viên, có bàn tay chỉ đạo diễn xuất nhưng lại gây cảm giác là phim tài liệu. Tính hư cấu và tưởng tượng đã hài hòa với tính chân thật tư liệu. Phim được những đạo diễn Âu - Mỹ như Quentin Tarantino, Martin Scorsese, Jean-Luc Godard, Nanni Moretti, Werner Herzog... đặc biệt đánh giá cao. Một bộ phim tôn vinh điện ảnh đến như vậy, các đạo diễn lớn thích là phải. Người yêu điện ảnh thích cũng là phải.

Ngày tôi thành thiếu nữ: Điều gì ở phía trước?

Ngày tôi thành thiếu nữ (*The Day I Became a Woman*) là phim của nữ đạo diễn Marziyeh Meshkini, vợ của đạo diễn lừng danh thế giới Mohsen Makhmalbaf. Gia đình này được coi là một “triều đại điện ảnh” của Iran, luôn đoạt giải thưởng ở các liên hoan phim quốc tế lớn. Chỉ trong năm 2000, phim *Ngày tôi thành thiếu nữ* đoạt giải thưởng của Ban Giám khảo Liên hoan Phim quốc tế Venice, giải thưởng của UNESCO, Huy chương vàng LHP Chicago, giải nhì ở LHP Toronto, giải phim hay nhất LHP Oslo, giải phim châu Á hay nhất LHP Pusan, giải đặc biệt

của Ban Giám khảo LHP Nantes... Năm 2009 Marziyeh Meshkini nhận giải Xích-lô Vàng (*Cyclo d'Or*) tại LHP Quốc tế của điện ảnh châu Á tại Vesoul, Pháp.

Trong phim có ba câu chuyện:

Chuyện thứ nhất: Một cô bé tên là Hava, vào cái ngày bé tròn chín tuổi, cô được người nhà bảo hôm nay cô đã trở thành thiếu nữ và từ nay không được chơi với bọn con trai nữa. Hava sinh vào buổi trưa, và người mẹ cho phép bé được đi chơi cho đến giữa trưa. Làm sao biết lúc nào là giữa trưa? Người mẹ đưa cho bé một cái que, bảo cứ cầm thẳng trên mặt đất, khi nào cái que không có bóng nữa thì chính là giữa trưa, phải về.

Đây là chuyến đi chơi cuối cùng của cô bé với đám bạn trai. Hava đến nhà cậu bạn nó vẫn thường chơi chung. Cậu bé bị nhốt trong căn nhà vắng, chỉ có thể chuyện trò qua khung cửa sổ. Cô bé mua một que kem và hai đứa cứ thế mút chung cái kem qua khung cửa. Cuộc vui chơi hỗn nhiên cuối cùng. Khi bóng của cái que trên mặt đất biến mất, cô bé chào cậu bạn để ra về. Thằng bé bám vào khung cửa sổ như phồng giam nhìn theo bạn, nhìn trần trời. Có thể nó không biết gì, nhưng người xem thì biết: Nó đang nhìn theo một cô bé, mà không, lúc này đã là một thiếu nữ, một người đàn bà trong xã hội Hồi giáo. Nó cùng lúc tiễn một cô bé và nhìn theo một thiếu nữ. Từ nay thiếu nữ ấy sẽ phải mặc áo choàng đen che kín thân hình, và không được tiếp xúc với cánh đàn ông bên ngoài gia đình.

Câu chuyện thứ hai: Một đoàn vận động viên đua xe đạp đang guồng chân ráo riết dọc theo bờ biển. Cái lạ ở đây là một cuộc đua xe của phụ nữ. Cái lạ nữa là vận động viên mặc áo choàng chador màu đen che kín người. Khuôn hình trở nên độc đáo và đẹp tuyệt nhờ cả một đoàn áo choàng đen đạp xe. Chỉ còn lộ ra những gương mặt trắng trẻo đẹp tuyệt trần. Cô gái Ahoo đang lặng lẽ gắng sức bứt lên thì một người đàn ông phi ngựa bên lề đường đuổi kịp. Đó là chồng Ahoo. Anh ta dỗ dành rồi hăm dọa sẽ ly dị nếu Ahoo không bỏ cuộc đua. Cái xe đạp là thứ máy móc bị coi là con quỷ gây ra tai họa. Phải đi ngựa như anh ta mới đúng là phương tiện cổ truyền. Không thuyết phục được Ahoo, anh chồng bỏ đi, lát sau quay lại với một giáo sĩ. Giáo sĩ tuyên bố cho họ ly dị. Ahoo vẫn lặng lẽ guồng chân để bứt lên trước. Rồi chồng cô quay lại với chính anh trai và cha của Ahoo. Những người đàn ông trên ngựa đã chặn chiếc xe của Ahoo lại. Trong khi những người phụ nữ áo choàng đen khác vẫn im lặng phóng vượt lên. Hành trình vượt qua những chế định, những thành kiến định kiến lâu đời vẫn không chịu dừng lại.

Câu chuyện thứ ba: Bà già Hoora mới nhận được một khoản tiền thừa kế. Bà quyết định mua hết những gì mà thời trẻ đi lấy chồng, bà không thể mua nổi. Bà thuê một đám trẻ con đẩy bà ngồi trên xe lăn, đi vào các cửa hiệu sang trọng, mua từ giường đệm bàn tủ cho đến tủ lạnh, máy giặt, bếp ga... Bà thuê lũ trẻ chuyển hết những gì

mới mua ra bãi biển, đặt trên bãi cát, sắp xếp như một không gian căn hộ. Mấy cô gái đua xe đạp ghé đến chơi, họ kể chuyện về một cô Ahoo nào đó bị gia đình đến bắt về giữa đường. Cuối cùng, lũ trẻ đóng một cái bè, khiêng bà già và đám đồ vật chất lên đó, rồi chiếc bè bập bềnh trôi ra phía con tàu đang chờ ở ngoài xa.

Có một người đứng trên bãi cát nhìn theo bà già trên chiếc bè. Bạn có đoán được đó là ai không? Người này khoác trên mình một tấm áo choàng chador của đàn bà Iran. Người này chính là cô bé Hava chín tuổi vừa mới được quyết định trở thành thiếu nữ.

Cô bé cũng nhìn theo thế thôi. Cô chưa biết được điều gì ở phía trước. Nhưng người xem thì biết. Cô lớn lên lấy chồng và có thể sẽ tham gia một cuộc đua xe không thành như cô gái Ahoo. Hoặc cô có thể sẽ thành bà già Hoora, bao mơ ước đơn sơ không đạt được đúng lúc, và chỉ có thể đạt được khi bản thân không cần đến những mơ ước ấy nữa.

Bên ngoài sân bóng: Niềm vui bao trùm tất cả

Bên ngoài sân bóng là bộ phim về sự mê cuồng bóng đá, nhưng không có hề có cảnh những cầu thủ hay một đường bóng nào. Từ đầu đến cuối câu chuyện chỉ diễn ra bên ngoài sân vận động Tehran khi bên trong đang diễn ra một trận đấu nảy lửa giữa đội Iran và đội Bahrain, giành quyền vào vòng trong của Cúp bóng đá thế giới.

Câu chuyện xoay quanh năm cô gái đóng giả làm con trai hồng lợt vào sân vận động Tehran để xem trận quyết định. Mỗi cô mỗi cảnh ngộ, nhưng khi bị bắt, họ bị gom lại một chỗ bên cạnh bức tường cao bao quanh sân vận động. Mấy người cảnh sát cơ động đứng canh các cô. Các cô van nài, các cô xin xỏ, cho vào xem rồi hết trận đấu muốn bắt giam ở đâu cũng được. Mấy người lính cũng chẳng sung sướng gì. Một anh lính nông dân miền núi thì đang lo lắng ở quê chỉ có mẹ già, mẹ già làm sao chăn được đàn dê cừu của gia đình. Cô gái đóng giả một gã trai ngang tàng, hút thuốc phì phèo, thì xin anh ta cho mình vào xem, rồi sau đó cô sẽ làm không công cho anh, sẽ về quê đi chăn đàn dê cừu của nhà anh.

Ở chỗ này, phải dừng lại để nói thêm về việc Iran cấm phụ nữ xem bóng đá ở sân vận động và nơi công cộng. Phụ nữ Iran có tương đối nhiều quyền hơn ở một số nước Hồi giáo khác, như được lái xe hơi, được đi lại tự do trên đường mà không cần đàn ông trong gia đình đi kèm giám hộ, được đến trường đại học trộn lẫn nam nữ, tất nhiên là hai giới ngồi riêng hai bên... Mùa tranh Cúp châu Âu 2012, cảnh sát nhắc lại lệnh cấm phụ nữ xem bóng đá ở nơi công cộng: các quán cà-phê, các rạp phim, nhà hát thường có màn ảnh lớn, và phụ nữ không được lai vãng. Lý do vị đứng đầu cảnh sát đưa ra: Ở chỗ xem bóng đá, đàn ông thường

dễ bị kích động, nóng tính, văng tục chửi bậy, không phù hợp với phụ nữ. Ông nói thêm: Lệnh cấm này chỉ nhằm bảo vệ phụ nữ trước những gì thô tục xấu xa mà thôi.

Chính xác đó là điều một viên cảnh sát đã nói với cô gái trong phim: Cô vào trong ấy, toàn đàn ông, họ nói một câu là văng một câu, cô muốn nghe hả? Cô gái bảo: Thì em sẽ bịt tai lại, em không nghe đâu. Trớ trêu, khi cô đòi đi vào nhà vệ sinh, ở sân vận động không có nhà vệ sinh nữ, anh chàng cảnh sát lại bảo: Trong ấy chúng nó viết bậy cả lên tường, cô không được vào. Cô gái lại hồn nhiên: Em sẽ bịt mắt lại, em không đọc gì trên tường đâu.

Lợi dụng lộn xộn trong nhà vệ sinh, cô gái chạy trốn được vào sân bóng. Xem được một lúc, rồi cô quay lại, tự nộp mạng. Cô giải thích, cô lo việc mình bỏ trốn sẽ gây tai họa cho anh cảnh sát có bà mẹ già không trông được đàn gia súc. Bốn cô còn lại thì háo hức hỏi cô xem trận bóng đang diễn tiến thế nào?

Thế trận trong sân giờ ra sao? Không chỉ năm cô gái mà cả ba chàng cảnh sát đều nóng lòng muốn biết. Một anh chàng đến đứng trước cánh cửa ngách, nhìn vào được trong sân và làm người tường thuật. Cả đám con gái và cảnh sát đều hào hứng bình luận và hò reo theo diễn biến nghe được.

Gần cuối trận đấu, theo lệnh viên chỉ huy mới đến kiểm tra, cảnh sát đưa năm cô lên một chiếc xe chở về đồn. Trên xe có thêm một thanh niên bị bắt vì mang pháo bông pháo sáng vào sân. Họ lục soát khắp người anh ta, tịch thu được một đồng pháo sáng. Cô gái đóng giả nữ cảnh sát thì khóc vì lo mình tội nặng nhất, dám mặc quân phục cảnh sát, phen này khéo bị tử hình. Tính triết học của bộ phim ngoặt sang một tâm mới, khi cô gái ít tuổi nhất lúc này mới thú nhận. Cô là người duy nhất giữa đám này không mê bóng đá lắm. Hôm nay cô cải trang đi xem là để tưởng niệm một người bạn bị chết trong lần xem trận đấu giữa đội Iran và Nhật Bản gần đây.

Nỗi lo không át được đam mê. Ngồi trên xe, chàng cảnh sát nhà nghèo mở đài nghe tường thuật. Anh ta phải thò đầu ra ngoài để chốc chốc lại điều chỉnh cái ăng-ten. Lại hồi hộp lắng nghe, lại tranh cãi, lại hò reo. Cho đến khi đội tuyển Iran thắng và giành quyền vào vòng trong thì niềm vui nổ bùng ra. Mấy chàng cảnh sát mở cửa lao xuống đường. Năm cô gái cũng lao xuống theo. Anh chàng mang pháo tường như đã bị tịch thu hết pháo, giờ lúi ở đầu ra mấy que pháo sáng, phát cho các cô gái. Họ đốt pháo sáng và hòa vào đám người tung bùng dưới đường.

Đam mê bóng đá trùm lên tất cả, lấn át mọi cấm kỵ đối với phụ nữ, lấn át mọi nỗi lo bị trừng phạt, lấn át mọi nỗi niềm nghèo khổ, chết chóc. Xóa nhòa cả ranh giới giữa người phạm tội và người canh giữ. Tất cả chỉ còn một niềm vui chung và là giờ phút vui sướng xuất thần với mọi người.



Phim *Bên ngoài sân bóng* do đạo diễn Jafar Panahi thực hiện năm 2006, bên lề một trận đấu có thật, ngay cả lời tường thuật ở trên đài phát thanh cũng có thật. Trong kịch bản, ông cũng chuẩn bị hai cái kết khác nhau, cho trường hợp đội tuyển Iran thắng hoặc thua. Độc đáo trong tư duy và cách thể hiện, sâu sắc về tư tưởng và thẩm triết học, bộ phim đã đoạt giải Gấu Bạc ở Liên hoan Phim Berlin cùng năm 2006.

Hơn ba chục năm qua, Iran trở thành nước nổi bật trên bản đồ điện ảnh thế giới với hàng trăm giải thưởng ở những liên hoan điện ảnh hàng đầu. Jafar Panahi là một trong những đạo diễn đã đoạt nhiều giải thưởng lớn với những phim như *Khí cầu trắng* (The White Balloon, giải Camera Vàng cho phim đầu tay hay nhất, Liên hoan Phim quốc tế Cannes 1995), *Cái vòng oan nghiệt* (The Circle, giải Sư Tử Vàng ở Venice 2000), *Vàng đỏ* (Crimson Gold, giải Hugo Vàng, Liên hoan Phim quốc tế Chicago 2003), *Bên ngoài sân bóng* (Offside, giải Gấu Bạc ở Berlin 2006)...

Bên ngoài sân bóng không chỉ là vấn đề nữ quyền. Sâu xa hơn, đó là quyền được thưởng thức, được bộc lộ niềm vui sướng, quyền được chia sẻ với cộng đồng; là ước mơ đạt tới niềm hạnh phúc lớn có thể xóa nhòa mọi ranh giới.

Chia ly: Mẫu số chung của nhân loại

Chia tay (Nader and Simin: A Separation) bắt đầu một cách đơn giản, nhưng khi phát triển, nó được lật đi lật lại với nhiều lối ngoặt, được đào xới đến tận chiều sâu của vấn đề.

Hai vợ chồng ra tòa xin ly hôn chỉ vì một mâu thuẫn không giải quyết được: Vợ muốn cả gia đình ra nước ngoài sống, nhưng chồng chưa thể đi được vì có ông bố già đang ốm, phải chăm. Ông già bị bệnh mất trí nhớ, bệnh liệt rung và tim mạch. Chia tay xong, chồng phải thuê một cô giúp việc đến chăm ông già. Cô này có lúc phải chạy ra đường đi tìm ông già mất trí nhớ đi lang thang, lúc thì phải trông cái máy tiếp ô-xy cho ông... Rồi anh chồng nghi cô giúp việc ăn cắp, xô đuổi cô ra khỏi nhà. Cô ta bị sẩy thai, kiện anh chồng ra tòa. Anh ta bị tạm giữ mấy ngày. Cô vợ đã về nhà mẹ đẻ, phải quay lại chăm bố chồng. Mâu thuẫn giữa chủ nhà và gia đình cô giúp việc tăng lên. Ra tòa nhiều lần. Cuối cùng hòa giải, vợ chồng chủ nhà đến xin bồi thường. Nhưng cô giúp việc dần dần nhớ ra có thể cô bị sẩy thai vì lý do khác, trước đó, hôm cô chạy ra đường đi tìm ông già và bị va chạm ở ngoài đường, không phải vào lúc bị xô đẩy ra khỏi nhà chủ. Cô không nhận tiền bồi thường, và việc này làm anh chồng cô giận dữ bỏ ra khỏi nhà...

Ngôn ngữ điện ảnh rất giản dị. Nhìn bàn tay nghệ thuật chuyên nghiệp của đạo diễn mà thêm ước. Có

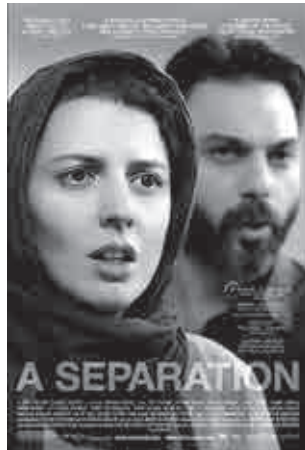
những chi tiết đơn giản mà gây cảm xúc: Xong cuộc ra tòa ly hôn, cô vợ về thu xếp đồ đạc để rời nhà chồng. Khi cô vào chào bố chồng, ông già không nói gì, bàn tay liệt rung parkinson run run chỉ giữ chặt lấy bàn tay con dâu, mãi không thả ra. Phải đến khi anh con trai vào, đồ bố mới gỡ ra được. Hoặc khi anh con trai tắm cho bố, được một lúc, anh gục xuống vai người cha mà khóc.

Đạo lý và tôn giáo cũng được khắc họa sâu sắc: Ông già không thể thay được cái quần khi ông tiểu tiện ra, cô giúp việc rất muốn giúp ông nhưng chưa dám. Phải đến khi dùng điện thoại hỏi tư vấn tôn giáo, trình bày hoàn cảnh chỉ có cô và ông ở nhà, được tư vấn rằng cô được phép, cô mới dám làm. Khi gia đình người chủ đến nhà cô để bồi thường, anh ta đồng ý bồi thường cho cô, với điều kiện cô phải thể trên cuốn kinh *Koran* rằng chắc chắn vì bị anh xô ngã mà cô bị sẩy thai. Cũng đến thế thì cô mới bắt đầu nghi ngờ rằng có thể mình bị sẩy thai khi ngã trước đó ở ngoài đường, và không dám thể. Một chuyện nữa, trước tòa, trong tranh luận, anh chủ đã định cởi áo người cha ra để mọi người thấy vết xây xát do cô giúp việc để ông già ngã. Nhưng đắn đo nghĩ ngợi một lát, anh lại thôi, không cởi áo ông bố ra ở chỗ đông người.

Phim đoạt giải Gấu Vàng phim hay nhất ở Liên hoan Phim quốc tế Berlin, tháng 2-2011, hai diễn viên chính cũng đoạt giải diễn viên xuất sắc nhất (Gấu Bạc). Trong một năm sau đó, phim cán quét hầu hết các liên hoan phim quốc tế hàng đầu và đoạt các giải lớn, kết thúc bằng giải Oscar phim nước ngoài hay nhất 2012 và phim hay nhất của giải thưởng Điện ảnh châu Á đầu năm 2012. Trước đó, năm 2009, chính đạo diễn Asghar Farhadi này cũng đã đoạt giải Đạo diễn xuất sắc nhất (Gấu Bạc) tại Liên hoan Phim Berlin, phim *Về Elly*.

Câu chuyện đã tìm được mẫu số chung của nhân loại, và thể hiện nó một cách thật giản dị, thật chặt chẽ và thật sâu sắc. Chính vì vậy phim đã lay động được cảm xúc của người xem trên khắp thế giới và thành công một cách tuyệt đối ở các liên hoan phim, các giải thưởng điện ảnh hàng đầu và được người xem khắp năm châu tấu tấu suốt hai năm 2011-2012 khi phim ra mắt.

Phim kết thúc khi hai vợ chồng và đứa con gái quay lại tòa để xử lý hôn nhân cuối. Đứa con gái được tòa hỏi sẽ chọn ở với cha hay với mẹ. Cô bé hỏi lại: Phải trả lời ngay ở đây ă? Vị quan tòa gật đầu. Ông yêu cầu người cha và người mẹ ra khỏi phòng để cô bé có thể trả lời trực tiếp với quan tòa. Người cha và người mẹ ra khỏi phòng, chờ ở sảnh ngoài. Người xem không biết câu trả lời của đứa con gái và phán quyết của tòa. Chỉ có người cha và người mẹ đang chờ lời phán quyết trong cái phòng đợi, người qua kẻ lại không ngớt. ■



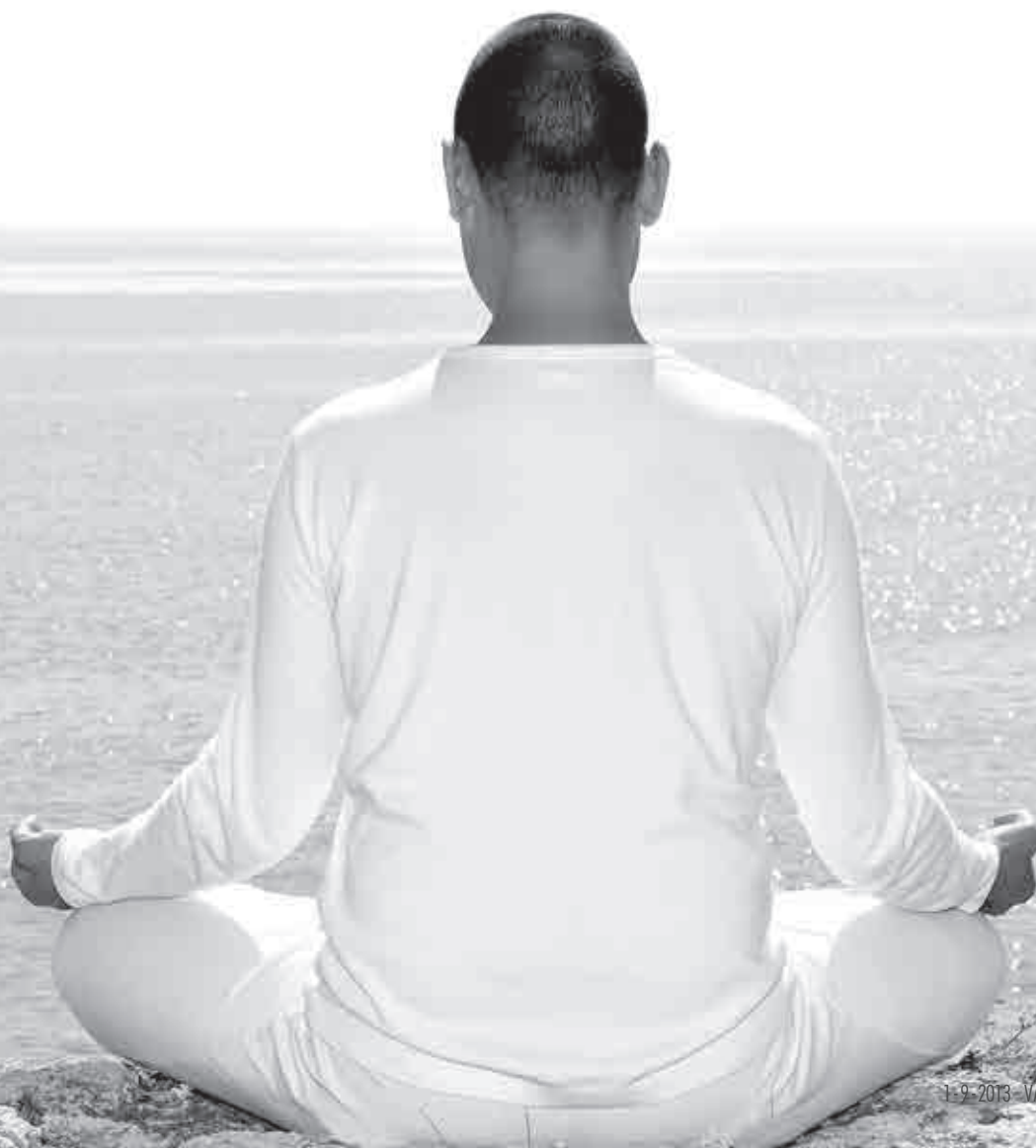
Sáu suy tưởng giúp dưỡng sinh

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Trong dân gian hiện nay, đặc biệt có cầu nối internet giúp sức lan tỏa rất hiệu quả, đã lan truyền những ý tưởng đủ loại màu sắc. Biết chất lọc, ta có thể chọn những suy tưởng làm kim chỉ nam hỗ trợ đường đi nước bước của cuộc sống mình để đạt được những điều tốt đẹp.

Nhiều người quan tâm cuộc sống mình chỉ “thường thường bậc trung thôi và chẳng có mơ ước quá cao xa” rất tâm đắc với suy tưởng liên quan đến sáu điều thường được kể trong tiệc vui họp mặt bạn bè. Đó là “Cuộc sống

là tốt đẹp khi một vợ (chồng), hai con, ba tằm, bốn bể, năm châu và cuối cùng sáu tằm”. Suy đi ngẫm lại suy tưởng vừa kể thì đúng là có cuộc sống mà nhiều người thường thường bậc trung cứ mãi mơ ước là “Chỉ một vợ một chồng sống thật hạnh phúc, có hai con và nuôi dưỡng chúng thành người có ích cho xã hội, sở hữu căn nhà ba tầng khang trang (“ba tằm” đây là nói đến nhà có ba tầng), có điều kiện đi du lịch bốn bể năm châu (thăm thú cả thế giới thì còn gì bằng) và cuối cùng chết được chôn cất đàng hoàng (“sáu tằm” đây chỉ quan tài).



Tuy nhiên, sáu điều trong suy tưởng vừa kể, trừ điều sau cùng, sẽ không thể đạt được nếu người ta không có sức khỏe để hưởng vui thú cuộc đời. Cũng trong dân gian, nhiều người trong sinh hoạt gấp gáp, thậm chí trong chuyện trò nghiêm túc đã kể cho nhau nghe sáu suy tưởng giúp nâng cao sức khỏe, kéo dài cuộc sống. Nói gọn hơn, có sáu suy tưởng giúp “dưỡng sinh” xin kể lại sau đây.

“Dưỡng sinh” là gì?

Nói nôm na, dưỡng sinh là cách “nuôi dưỡng sự sống với mục đích được trường thọ an vui”. Có hẳn bộ môn Dưỡng sinh trong ngành Y giúp người ta tập luyện đúng mực, ăn uống đúng phép, có thái độ tinh thần thích hợp để nuôi dưỡng cuộc sống trường thọ an vui. Sống sao điều hòa âm dương trong cơ thể, sống hợp quy luật sinh học và thiên nhiên và chuyển hóa thái độ tinh thần nhằm giúp dưỡng sinh.

Sáu suy tưởng giúp dưỡng sinh được tóm gọn như sau: “Một trung tâm, Hai một chút, Ba quên, Bốn có, Năm phải, Sáu không”.

Diễn giải rộng ra, Sáu suy tưởng giúp dưỡng sinh có nội dung như sau:

1 “MỘT TRUNG TÂM”: SỨC KHỎE

Trước hết, *Sức khỏe là gì?* Từ năm 1946, Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đưa ra định nghĩa về sức khỏe: “*Sức khỏe không chỉ là không bệnh tật mà là trạng thái hoàn toàn sáng khoái về thể chất, tinh thần và xã hội*”.

Định nghĩa trên cho thấy thân và tâm của con người dính liền với nhau như hình với bóng, và có sức khỏe có nghĩa là “thân tâm an lạc”. Điều hết sức thú vị là đối với những ai là con nhà Phật không phải đến bây giờ, tức thời điểm WHO đưa ra định nghĩa, mà từ rất lâu rồi con nhà Phật thường chúc mọi người: “Thân tâm thường an lạc”. Đúng là chỉ có sức khỏe toàn diện khi đạt được trạng thái cân bằng, hài hòa giữa cá nhân, xã hội, môi trường. Và ta cũng chỉ có sức khỏe khi Dinh dưỡng, Vận động, Ngủ nghỉ đúng phép.

- Dinh dưỡng để dưỡng sinh:

Ăn đa dạng: không ăn thứ gì nhiều quá cũng như không bỏ thứ gì cần thiết, tức ăn uống đầy đủ và cân bằng năm nhóm chất dinh dưỡng (đạm, đường bột, béo, vitamin và chất khoáng).

Không ăn uống quá no, không quá đói (nên ăn với một chút đói trong no chứ đừng no đến căng bụng).

Ăn uống theo mệnh lệnh của bao tử (đừng ép mình nhịn ăn quá đáng do sợ bệnh). Vua thiền sư Trần Nhân Tông đã dạy:

“*Cư trần lạc đạo thả tùy duyên
Cơ tắc xan hề khổn tắc miên
Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch*”

Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiên”.

(Sống đời vui đạo tùy duyên
Đói thì ăn, mệt ngủ liền một khi
Nhà ta châu báu thiếu gì
Vô tâm trước cảnh hỏi chi là thiên).

Không chỉ Ăn “đủ” mà còn Ăn “lành”. Ăn “lành” là biết cách ăn uống như: luôn thực hiện “ăn chín, uống sôi”; thức ăn cũ cần nấu chín kỹ trước khi ăn; bảo quản tốt thực phẩm đã chế biến, chống ruồi, gián, bọ bặm xâm nhập; rửa tay bằng xà bông trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và lao động v.v. Muốn ăn “lành” phải có sự hỗ trợ của xã hội. Bởi vì không thể bảo đảm vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm cho mọi người nếu không có sự quản lý hữu hiệu của cơ quan quản lý chức năng nhà nước.

- Vận động để dưỡng sinh:

Phải *luyện hình* kết hợp với *luyện thở*. Nên lưu ý, vận động thể lực đúng cách kết hợp thở sâu sẽ giúp: bệnh tránh, già chậm. Thở thâm sâu không chỉ cho ta nguồn sống nhờ thu thật nhiều khí oxy, thải cho gần hết khí CO₂ ở phổi, mà còn tác động giúp thanh lọc tâm ý. Thở thật thâm sâu là hít thở với trạng thái tinh thức hoàn toàn: “Hít vào, thấy bụng phình ra; Thở ra, thấy bụng xẹp lại”. Và với tâm ý thanh tịnh: “Hít vào tâm tĩnh lặng; Thở ra miệng mỉm cười”, và với tâm hân hoan, như Đức Phật Thích Ca trong kinh Niệm xứ và niệm hơi thở đã cho thấy: “Với tâm hân hoan, tôi thở vào; Với tâm hân hoan, tôi thở ra”, để như thế mà đi vào thiền, để buông xả, để quán chiếu sâu sắc thân thể, tâm thức và hoàn cảnh nhằm đem lại an lạc hạnh phúc cho ta và cho cả thế gian này.

- Ngủ nghỉ để dưỡng sinh:

Cần ngủ giấc ngủ *đủ* và *sâu*. Giấc ngủ không mộng mị là *giấc ngủ đủ, sâu* và là cách phục hồi sinh lực tốt nhất. Ngủ có đủ thì mới say giấc nồng, và nếu ngủ sâu thì dù có nằm mộng, khi thức dậy chẳng nhớ gì hết. Dấu hiệu cho biết ngủ đủ là có *sự sáng khoái, tươi tỉnh, thoải mái* khi thức giấc, làm việc bình thường vào ban ngày. Ngày nay, khoa học đã chứng minh ngủ đủ sẽ có sức khỏe tốt, còn thiếu ngủ sẽ bị đủ thứ bệnh.

Để có sức khỏe:

“*Ngủ không mộng mị, thức chẳng lo âu, ăn không cầu kỳ, thở thật thâm sâu*”. (Trang Tử, Nam Hoa kinh)

2 “HAI MỘT CHÚT”: THOÁNG MỘT CHÚT, HỒ ĐỒ MỘT CHÚT

Thoáng một chút: Không bảo thủ, không khư khư luôn cho là mình đúng còn người khác là sai. Quan niệm không còn đúng nếu cho rằng khi già, cơ thể lão hóa thì tính cách con người cố định, trở nên “cứng nhắc”, “bảo thủ”. Một nghiên cứu của Đại học Vermont

và Đại học Virginia (Mỹ) khảo sát khoảng 46.000 người (trong thời gian từ năm 1972 đến năm 2004) cho thấy cùng với tuổi càng cao, tính cách, thái độ của con người có thay đổi, không mang tính cực đoan như khi còn trẻ, tư tưởng có được “giải phóng” chứ không cứng nhắc. Thoảng một chút cũng có nghĩa hãy buông xả.

Hồ đồ một chút: không sợ gây ra sai lầm, luôn là chính mình. Hồ đồ thường do quên (lưu ý, đối với người cao tuổi, suy giảm trí nhớ là quá trình tự nhiên của tuổi già, hãy chấp nhận thực tế “đang là” này và tìm cách bảo vệ, trau dồi trí nhớ).

3 “BA QUÊN”: QUÊN TUỔI TÁC, QUÊN BỆNH TẬT, QUÊN GIẬN-HẬN THÙ

- *Quên tuổi tác, quên bệnh tật:*

chấp nhận thực tại “đến tuổi già là đến thời điểm tuổi tác chông chênh và dính liền bệnh tật”. Nếu không quên được tuổi tác, không quên bệnh tật sẽ bất an, khổ sở, lo âu. Tại sao ta không chọn lối sống vui vẻ, nhẹ nhàng, ít lo âu?

- *Quên giận-hận thù:*

Giận là thái độ bất bình với những gì xâm phạm “cái tôi” mong muốn sở hữu, thỏa mãn, phóng đại. *Giận* luôn luôn là mất khôn (là đốm lửa nhỏ có thể thiêu hủy khu rừng thương yêu rộng lớn bạt ngàn). *Giận* là thái độ thoảng qua không tồn tại lâu nhưng cũng có thể kéo dài bùng nổ thành hận thù. *Hận thù* là chỉ muốn làm hại người khác (hại người: ngoài hận thù còn do ngu dốt, tham lam).

Để thực hiện “ba quên”: hãy sống trọn vẹn với giây phút hiện tại.

4 “BỐN CÓ”:

Có người thân để thương yêu (có bạn đời càng tốt). Có bạn tri kỷ để chia sẻ. Có sở tiết kiệm và Có nhà ở để bảo đảm cuộc sống vật chất.

Trong cuộc sống vô thường, Bốn Có vừa kể không bắt buộc phải có đủ. Riêng thương yêu, dân gian đã có thơ rằng:

*“Trăm năm trước ta không hề gặp
Ngàn năm sau biết gặp được không?
Cuộc đời sắc sắc không không
Thôi thì hãy sống hết lòng với*

nhau”.

Sống như thế là ta có nhiều lắm.

5 “NĂM PHẢI”:

Phải hoạt động, *Phải* cười, *Phải* biết kể chuyện, *Phải* lắng nghe, *Phải* bình thường hóa mọi chuyện.

6 “SÁU KHÔNG”:

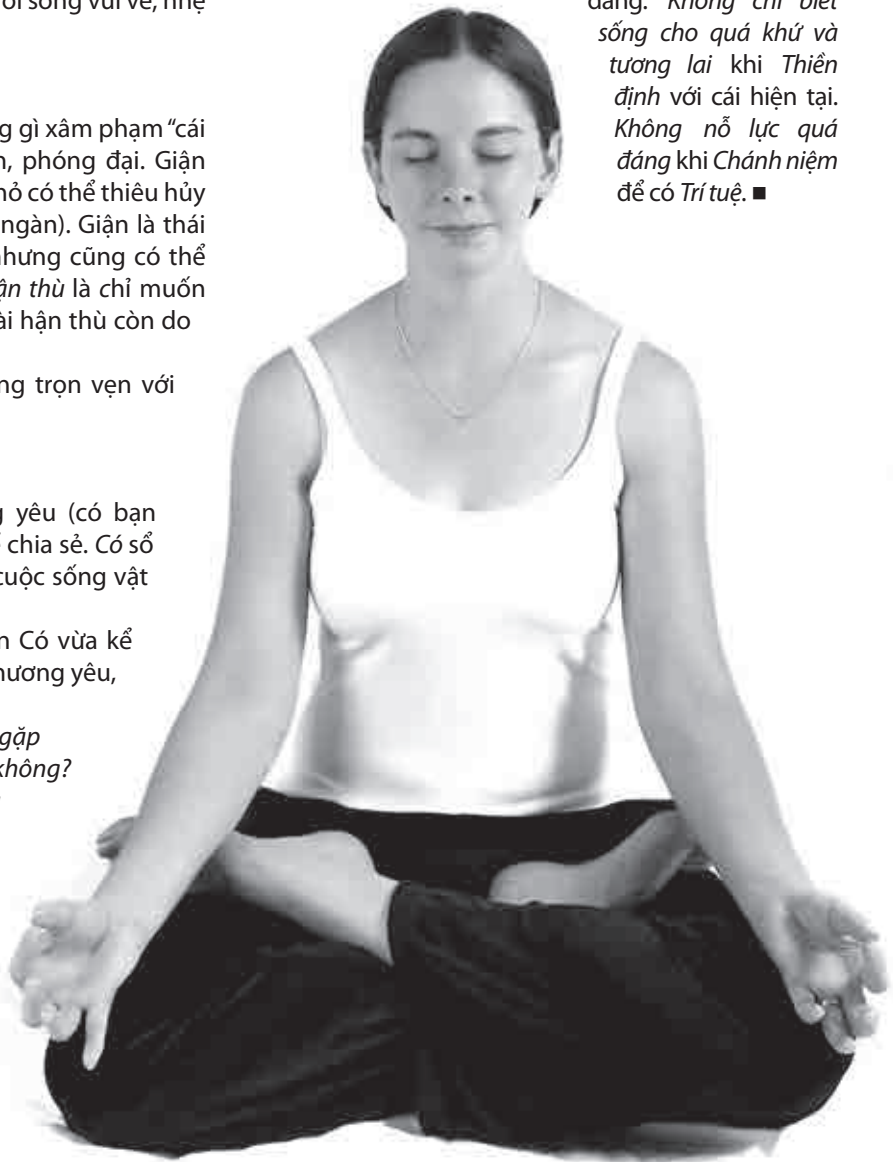
Không bám chấp, *Không* cá nhân chủ nghĩa, *Không* so sánh, *Không* bi quan, *Không* chỉ biết sống cho quá khứ và tương lai, *Không* nỗ lực quá đáng.

Sáu *Không* nhưng rốt lại chỉ một *Không* là *Không Bám Chấp*. Trong dân gian có thơ rằng:

*“Một bám chấp, hai bám chấp
Chất chứa trong lòng chi cho khổ
Trăm xả bỏ, ngàn xả bỏ
Thông dong tắc dạ vậy mà vui”.*

Suy gẫm “Sáu Không” sao thấy quá giống “Lục độ Ba-la-mật” của nhà Phật.

Vì: *Không bám chấp* có khác chi *Bồ thí*. *Không cá nhân chủ nghĩa* chỉ đạt được khi *Từ giới* rất ráo. *Không so sánh* khi thành thực *Nhẫn nhục*, nhường nhịn. *Không bi quan* khi *Tinh tấn* tức nỗ lực chính đáng. *Không chỉ biết sống cho quá khứ và tương lai* khi *Thiền định* với cái hiện tại. *Không nỗ lực quá đáng* khi *Chánh niệm* để có *Trí tuệ*. ■





Thư gửi con gái

KHÁNH LINH

Con gái. Những ngày này, mẹ thực sự hoảng loạn. Cảm giác ấy mẹ đã trải qua không biết bao nhiêu lần, nhưng chẳng thể quen được. Mẹ thấy mình bất lực, mình thua cuộc, vì không bảo vệ được con - khi con phải lớn lên giữa cuộc sống không an toàn thế này.

Con bé bỏng quá, con chưa tự quyết định được việc gì cho mình. Từ bữa ăn, ly nước, giấc ngủ, quần áo con mặc, cái bô con ngồi, con đường đi đến lớp mầm non mỗi ngày... mẹ đều lựa chọn giúp con. Xã hội ngoài

kia náo loạn, người ta đánh đập, chém giết, lừa gạt nhau dễ như không, có khi chẳng cần đến bất kỳ lý do nào. Rồi chắc gì trường tiểu học đợi con đã là môi trường thuần khiết, con vừa học chữ i-tờ, đã phải nháo nhác đua tranh, học trước tiên vì điểm số và những giá trị bên ngoài chứ không phải vì Làm Người.

Ôn trời là con đã xong những mũi tiêm vắc-xin cuối cùng của tuổi nhũ nhi (mẹ đã lao về nhà, ôm chặt con khi đọc xong bài báo đó. Mẹ khóc khi nghĩ đến những bà mẹ không kịp một lần ôm đứa con sơ sinh còn ấm



nóng trên tay, chỉ vì bệnh viện đã cẩn thận tiêm ngừa cho con họ).

Nhưng, chúng ta sẽ còn phải ốm, mẹ sẽ thuận theo “văn hóa phong bì” để đổi lấy cho con mũi tiêm nhẹ nhàng hơn của cô y tá, cử chỉ ân cần hơn của bác sĩ. Chỉ vậy thôi chứ làm sao mẹ đủ tiền để mua nổi y đức xa xỉ (thứ mà chỉ có nó, thấy thuốc mới thực sự là mẹ hiền) - để chúng ta được yên tâm giao phó tính mạng của mình... Những chuyện đó dù gì cũng còn xa xôi, mẹ cứ nghĩ giữ con dưới mái nhà của cha mẹ, trong vòng ôm yêu thương của gia đình - thì con còn được an toàn.

Nhưng mẹ nhầm con gái ạ!

Tuổi của con - bú trên cành, ăn uống là việc quan trọng nhất. Con thêm nước ngọt và đồ chiên, nhưng 100% nước uống ngoài đường bị nhiễm khuẩn, dầu chiên đi chiên lại hoặc mỡ thối, kẹo chíp chíp tẩm phẩm màu công nghiệp và xúc xích Trung Quốc có hạn

sử dụng 10 năm bán ở cổng trường mầm non. Bát phở ngoài đường nước dùng chế từ nước cốt hầm thịt heo chết bệnh, thớ bún trắng muốt do trộn huỳnh quang, ngay cả cốc thìa để ăn một ly chè cũng có thể được tái chế từ nhựa rác thải bệnh viện.

Mẹ không dám cho con ăn thức gì nếu không phải tay mẹ nấu, nhưng mẹ cũng không tin cả chính mình vì ngay cơm mẹ nấu cũng có thể không an toàn cho con. Một hạt cơm chúng ta ăn cũng phải công ba loại hóa chất: chống mốc, tạo mùi thơm và làm nở gạo. Những ngọn rau xanh non mẹ có ngâm rửa kỹ đến mấy, cũng không thể tẩy hết được thuốc trừ sâu và thuốc tăng trưởng. Con gà, con cá, con heo được nuôi bằng thuốc “thức lớn” - mà nào hết, người ta còn bơm thêm nước, ngâm thêm hóa chất khi chúng đã được hóa kiếp thành thực phẩm, để nặng hơn, giữ được vẻ tươi ngon hơn. Hoa quả con ăn mỗi ngày, dù ở chợ hay siêu thị, dù gần nhãn nhập khẩu hay từ vườn trại - cũng đều đã được “tắm” thuốc bảo quản. Mẹ chịu rồi, chúng ta vẫn phải ăn để sống và để ốm bệnh, trong một điều kiện không được lựa chọn, vì có gì khác đâu để lựa chọn?

Từ 1-3 tuổi, sữa công thức là thức ăn thiết yếu của trẻ thì nay đến sữa nhập ngoại (nghĩa là đắt nhất rồi, an toàn nhất rồi - trong quan niệm của các bà mẹ) cũng bị nhiễm độc và không đủ dinh dưỡng. Uống sữa là quyền cơ bản của trẻ em (như quyền con người vậy), nhưng quyền tối thiểu đó cũng bị xâm phạm - thì chúng ta tuyệt vọng mất rồi!

Facebook của mẹ hoang mang câu hỏi từ bạn bè: “Tôi biết lấy gì nuôi con mình đây?”. Quả thật, mẹ cũng không biết lấy gì nuôi con, để đủ an toàn như trái tim mẹ mong muốn. Chúng ta không thể dò được hết sự tham lam và độc ác của đồng loại, đó mới là điều đau lòng và đáng sợ nhất con gái ạ.

Mẹ không thể nói với con, trong thế giới của mình - người lớn đang giết dần nhau, sự vô cảm như vết dầu loang trên mặt nước, không ai thấy mình có tội. Những người lớn cho mẹ cảm giác khiếp hãi, họ chỉ nhìn thấy cơ hội kiếm lời là bất chấp những giá trị cơ bản của việc Làm Người. Mẹ lo lắng đọc báo, thấy họ nói nhiều về trách nhiệm của cơ quan chức năng. Đó là một thứ trách nhiệm “cả làng Vũ Đại”, ai cũng thấy trừ mình ra.

“Tôi biết lấy gì nuôi con mình đây?”. Cô bạn của mẹ trên Facebook nói: “Em sẽ cho con bú mẹ đến tám tháng tuổi, hoàn toàn và tuyệt đối, sau đó thì tính tiếp”. Mẹ lại nghĩ đến Thái Nguyên, quê ngoại của con. Mấy năm trước có một tổ chức phi chính phủ đi khảo sát mẫu đất để làm vùng chè nguyên liệu sạch, họ kết luận dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất phải sau 50 năm nữa mới được rửa trôi hết. Và trong sữa của những người mẹ trẻ ở đất chè, có cả thuốc trừ sâu.

Sữa mẹ cũng chẳng còn an toàn! Một điều vô cùng đau đớn, con biết không... ■



Niềm tin động lại

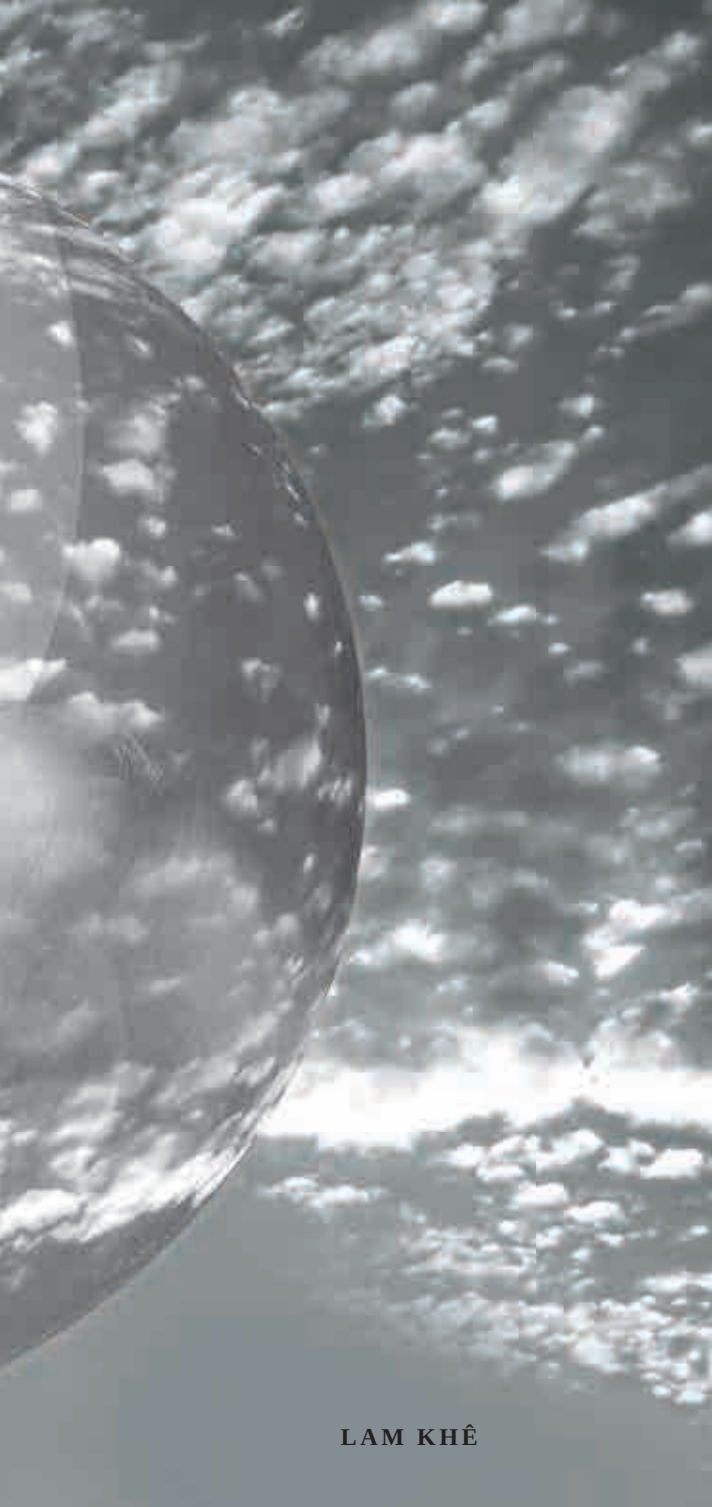
Điều tốt đẹp ví như một viên ngọc quý bị chôn vùi dưới lớp bụi thời gian vẫn tỏa sáng khi được phát hiện. Cái đẹp cũng như một dòng sông êm trôi lặng lẽ chợt bùng lên những đợt sóng trào làm thẳng thốt bao giọt nước mắt khóc thương, cúi đầu cảm kích.

Giữa làn sóng hiểm nguy, khi cái chết cận kề... quyết định nhường sự sống cho người là điều không phải ai cũng có thể nghĩ và làm được. Giữa trùng vây cái xấu, một người dám đứng lên vạch trần tố giác là một việc làm không phải ai cũng đủ bản lĩnh để đương đầu. Ấy vậy mà... điều tưởng như không thể ấy đã và đang xảy ra. Niềm tin về những điều tốt đẹp vốn bị lung lay

đã kịp thời được vun đắp và củng cố ngay trong cuộc sống còn nhiều điều bất cập.

"Có những cái chết đã trở thành bất tử..."

Câu thơ thuộc lòng thời cấp sách đến trường thoáng chốc hiện về như khơi thêm dòng cảm xúc đã âm ỉ bao ngày. Chiến tranh tàn khốc đã lùi xa. Cuộc sống thời bình càng bị chi phối bởi danh vọng bạc tiền, người ta càng dễ dàng quên hết mọi thứ, kể cả những điều tốt đẹp từng là niềm tự hào của bao thế hệ người đi qua. Điều tốt đẹp đôi khi trở thành chuyện muôn năm cũ của một thời xa xôi nào đó. Và cuộc chiến để lập nên kỳ tích với tên gọi "Điều tốt đẹp" đã xảy ra, âm thầm



LAM KHÊ

nhưng không kém phần khốc liệt giữa ranh giới sự sống và cái chết, giữa chân lý lẽ phải và thế lực cái ác đã bén rễ thâm niên trong một bộ phận người.

Câu chuyện về những người hùng trong thời bình đã trở thành đề tài nóng hổi trong suốt thời gian qua. Chuyện về cậu học sinh lớp 12 lao xuống dòng sông chảy xiết cứu năm em nhỏ thoát khỏi bàn tay thủy thần để rồi chính em lại bị dòng nước cuốn trôi mất hút. Những ngày mưa gió tháng Tám... thời tiết âm u se lạnh, cư dân thành phố bàng hoàng khi nghe tin một chiếc ca-nô bị nạn ở vùng biển Cần Giờ. Và trong chín nạn nhân tử vong thì cái tên Trần Hữu Hiệp được mọi người nhắc đến với dòng nước mắt tiếc thương cùng

tắc lòng cảm kích tri ân sâu sắc. Ca-nô bị sóng nhấn chìm, ngập lặn giữa biển nước mênh mông trong đêm tối, nhưng Hiệp đã nhanh tay quăng dây cứu được bốn phụ nữ đu bám vào mạn thuyền. Anh cũng nhường luôn chiếc áo phao đang mặc trên người cho cô bạn đồng nghiệp để rồi kiệt sức buông mình thả trôi trong tiếng thét gào của sóng gió.

Người chết được vinh danh trong niềm tự hào và lòng tri ân của bao người còn sống. Nghĩa cử và sự hy sinh của họ liệu có đánh động lương tâm những người khi mà sự si mê và lòng tham đã đốt cháy mọi hình tượng vốn được tôn thờ lâu nay. Nói đến y đức của người thầy thuốc, chúng ta không khỏi chạnh lòng khi câu chuyện nhân bản xét nghiệm lừa dối bệnh nhân vừa xảy ra trong một bệnh viện đa khoa tại thủ đô. Cái ác có thể đã không được phơi bày nếu không có người can đảm đứng lên vạch trần mọi chuyện. Những người tố giác cùng làm trong khoa xét nghiệm đã âm thầm điều tra và thu thập chứng cứ gần một năm với tâm trạng lo âu nặng trĩu vì bị áp lực và đe dọa. Cái xấu được phơi bày, người làm điều thiện cuối cùng cũng đã thở phào nhẹ nhõm.

Ma lực đồng tiền, sức hút của danh vọng địa vị đã làm lu mờ tâm đức của những con người được gọi là lương y của muôn người. Và đó chính là nguyên nhân đưa đến những việc làm sai trái, gây nên hậu quả khôn lường cho xã hội. Cái ác luôn tiềm ẩn và được che giấu một cách tinh vi. Người đứng lên vạch trần phơi bày những việc làm sai trái không chỉ với lòng quả cảm, mà còn biết gạt bỏ những lợi ích cá nhân, thậm chí hy sinh cả bản thân mình chỉ với ước mong được bảo vệ chân lý. Và chân lý luôn đứng về những người biết tôn trọng lẽ phải, biết hy sinh giúp kẻ thế cô, biết giữ vững nhân phẩm đạo đức làm người cho dù đang cận kề bên cái chết.

Vẫn còn đó những điều tốt đẹp, những con người hướng thiện mà ta chưa gặp hoặc chưa được ai nhắc đến. Những anh hùng vô danh xả thân cứu người trên khắp các mặt trận biển nước, biển lửa, trong cảnh thiên tai bão lụt, trong các tai nạn thảm khốc và trên mỗi góc đường hè phố. Điều tốt đẹp ẩn hiện bên những bếp ăn từ thiện, trong nụ cười trong sáng của những sinh viên tình nguyện đưa đón thí sinh trên khắp các nẻo đường, trong tấm lòng vàng của những nhà tài trợ giúp đỡ bao kẻ khốn cùng tật bệnh... Và còn rất nhiều rất nhiều những hình ảnh đẹp đủ tạo cho bức tranh cuộc sống có thêm những gam màu tươi sáng trung thực.

Khi niềm tin về điều tốt đẹp được vun đắp, chân lý cuộc sống sẽ không ngừng lan tỏa. Điều tốt đẹp mang đậm yếu tố tình người sẽ là liều thuốc đặc trị ngăn ngừa và xóa sạch những ung nhọt xấu xa đang gặm nhấm dần sự phát triển của loài người. ■



Thành công hay thành nhân

PHẠM LĂNG YÊN

○ Bên quán cóc một chiều mưa bay, một người bạn cũ từ nước ngoài về tâm sự: “Tôi xuất ngoại để cho mấy đứa con được học ở nước ngoài đã mấy năm nay, bây giờ chúng nó thành đạt nhưng sống ‘kiểu Mỹ’ rồi anh ạ. Vào phòng riêng phải gõ cửa, phải xin phép nó. La rầy nó mấy câu, nó đòi gọi 911. Nó dắt bạn gái về nhà không cần hỏi thưa, xin phép; ăn uống xong xả rác bừa bãi, không thêm dọn dẹp rồi dắt nhau lên phòng riêng, mặc kệ bố mẹ già lui cui rửa chén. Buồn lắm anh ạ. Bây giờ tụi nó khác ngày xưa quá. Coi như tôi mất chúng nó rồi”.

○ Bên hành lang sân trường một sớm mai đầy nắng, một người bạn đồng nghiệp than thở: “Em muốn con em thành đạt sau này nên em cho nó vào học trường ‘quốc tế’ từ nhỏ, bây giờ sao nó khác quá anh ơi. Trước đây, em nói gì nó cũng vâng dạ nghe theo, giờ thì nó quay lại cãi tay đôi với em. Nó nói em lạc hậu, quê mùa, không biết tôn trọng tự do cá nhân; thậm chí nó còn nói ‘tiếng Anh’ suốt ngày và không muốn sử dụng tiếng Việt để nói chuyện với em nữa”.

○ Hôm nọ lại đọc được bài viết trên một tờ báo trong đó có ghi lại những phát ngôn như đinh đóng cột của một vị giáo sư danh tiếng rằng, “Những người Việt thành đạt đều là những người trưởng thành trong môi trường văn hóa phương Tây”.

Qua câu nói đó người ta cũng có thể hiểu là chỉ có tiếp cận với văn hóa phương Tây thì mới thành đạt được. Dân tộc Việt Nam thì chỉ mới tiếp cận với cái văn hóa phương Tây mà ông giáo sư nọ đề cập khoảng hơn trăm năm nay thôi. Như vậy bao nhiêu công trạng vĩ đại của các vị tổ tiên dân tộc Việt mấy ngàn năm qua xem như chẳng có gì ư?

Tổ tiên chúng ta nếu biết hậu thế có kẻ ăn nói xằng bậy như thế chắc buồn lắm hay các chư vị chỉ cười thầm, chép miệng mà rằng: “Ôi bạn tâm làm gì những phường vô ơn, bạc hạnh nhiều như cỏ rác đó; ‘thi ân không cầu đền đáp’; chúng nó biết ơn thì mới là điều lạ, còn vô ơn thì là điều rất đời bình thường thôi”.

Người bạn ở nước ngoài cùng đứa con trai kia; chị bạn đồng nghiệp cùng cô con gái nọ; ông giáo sư với những phát ngôn thiếu suy nghĩ nêu trên... là những đại diện tiêu biểu cho rất nhiều những con người có cùng một suy nghĩ, một niềm tin mãnh liệt rằng sự thành công của bản thân chính là ý nghĩa tối hậu của cuộc sống này – tất cả những nhân vật này chắc hẳn đều là những tín đồ, những đệ tử trung thành hết mực của một giáo phái (tạm đặt tên là “Thành công thần giáo”) với tôn chỉ hoạt động của nó là “Thành Nhân không bằng Thành Công. Tất cả cho ‘thành công’ (hay thành đạt)”.

Hai từ “thành công” (hay thành đạt) của họ phải được hiểu là: “có học vị, học hàm càng cao càng tốt; văn bằng mang từ nước ngoài về càng có giá trị; được nổi tiếng, nhiều người biết đến; được xuất hiện trên truyền hình, báo chí; có một công việc ở những doanh nghiệp, những tổ chức với chế độ đãi ngộ hậu hĩnh, bổng lộc nhiều; nơi làm việc thật sang trọng; có xe con cho việc đi lại; có nhà cao cửa rộng, càng nhiều càng tốt; có vợ (chồng) xinh đẹp và ‘thành đạt’ trong xã hội; con thì phải học trường ở nước ngoài nghĩa là trong môi trường văn hóa phương Tây (theo ngôn từ của vị giáo sư nọ); và ..vân ..vân.”

Có thể diễn tả ý nghĩa “thành công” một cách ngắn gọn trong hai từ là “danh” và “lợi”.



Như vậy hai từ “thành công” này chỉ hướng đến những thành đạt nhằm “vinh thân phì da” cho bản thân họ thôi, chẳng phải là những công trạng to tát gì nhằm giúp ích cho đồng bào, cho dân tộc, cho nhân loại cả.

Với suy nghĩ đó, họ – những tín đồ của giáo phái kia – sẽ chấp nhận đánh đổi tất cả để có được “thành công”; đối với họ chuyện “thành nhân” là chuyện lắm cảm của mấy người già lạc hậu, cổ lỗ, quê mùa ngày xưa; là vớ vẩn; là nhằm nhĩ bởi vì thành nhân để làm gì khi mà chẳng kiếm ra được cái mà họ cần là “tiền bạc” và “danh vọng”.

Khi người ta đã xem “thành nhân” là chuyện không quan trọng và bằng mọi giá để có “thành công” thì sản phẩm họ tạo ra chắc chắn là những kẻ rất “thành công” theo ý nghĩa nêu trên, nhưng cũng chắc chắn là chưa “thành nhân”; mà chưa “thành nhân” thì làm gì có nhân tính, lấy đâu ra nhân tính. Tính người và tình người chưa có hoặc không có thì làm sao có thể oán trách, thở than rằng:

“Tại sao những đứa con thành đạt kia không biết yêu thương cha mẹ?”.

Đó là cái giá phải trả cho cái tôn chỉ, phương châm, cho cái định hướng giáo dục mà các ông, các bà, các anh, các chị đã hoặc đang chạy theo và tôn thờ nó. Đừng oán trời, trách người khi mình đã chọn cách sống “tất cả cho thành công” như thế.

Họ hay người thân của họ đã thành công rồi đó chứ; có học vị, học hàm đầy người; có việc làm tốt đẹp; có danh vọng đầy đủ; có tiền bạc dư thừa; thế nhưng họ chưa “thành nhân”, chưa là con người đích thực nên không thể tìm đâu trong những hình hài đó thứ nhân tính để họ biết yêu thương con người. Hệ quả của lối tư

duy, lối sống này là vô số những trường hợp đau lòng có thể kể ra dưới đây:

Có những đứa con tuy đã lớn khôn, đã thành đạt nhưng không chút bận lòng khi rẻ khinh, xua đuổi bố mẹ chúng; có những giảng viên tuy đã thành danh nhưng lại chẳng có một chút tình thương nào cho học trò khi sẵn sàng gạ gẫm các em nữ học sinh, sinh viên của mình trong một mối quan hệ đồi chác tình và dâm; có những bác sĩ tuy đã thành danh nhưng chẳng một chút bận lòng trước nỗi đớn đau của những bệnh nhân cùng khổ khi từ chối khám chữa bệnh nếu bệnh nhân không đủ khả năng trang trải viện phí; có những kỹ sư dù đã thành danh nhưng chẳng hề động lòng thương cảm khi nhìn thấy người dân ngày ngày quần quai trên những con đường đầy hầm hố, bụi mù do chính mình thiết kế rồi thi công; có những vị quan tham tuy đã rất thành danh nhưng chẳng mấy may xót thương khi nhìn thân dân của mình đói khổ, mỗi ngày kiếm không đủ chén cơm, bát nước. Và có những vị giáo sư như ngài giáo sư danh tiếng kia không hề nghĩ đến hậu quả tai hại từ những lời nói của mình khi nó tác động đến hàng trăm ngàn sinh viên đã và đang nghe ông thuyết giáo.

Chỉ tội nghiệp cho những chúng sinh phải đối mặt, phải chung sống với những loại “người” này. Họ là nạn nhân của những kẻ chưa thành nhân. Nhưng nghiệp lực đẩy đưa họ đến những hoàn cảnh nghiệt ngã nên đành cam chịu vậy; âu cũng là những món nợ từ những kiếp nào đến bây giờ phải trả. Chấp nhận trả những món nợ đời mình đã vay, nhìn sự việc như thế sẽ bớt đau lòng khi phải trực diện hằng ngày với những hình hài tuy rất thành công nhưng vẫn chưa thể thành nhân này. ■

Hoa hồng đỏ trong mưa

NGUYỄN THÁNH NGÃ

Ngày vừa nghiêng xuống cánh hoa
Sương rơi viên áo Di Đà long lanh
Vàng trắng thảng Bấy thân canh
Dẫn đưa người tới cõi lành nghe kinh

Nam mô niệm Phật, niệm mình
Tà tâm dứt bỏ, thất tình chìm sâu
Đi trong bão táp càng lâu
Nhận ra một thoáng áo nâu ngọt ngào

Mẹ cha ơn tựa non cao
Nghe lời Phật dạy đêm thao thức tìm
Đốt nhang thấp cỏi lặng im
Phù vân một cuộc nổi chìm trăm năm

Nghiêng đêm quỳ dưới trăng rằm
Lời kinh báo hiệu thâm trầm thoáng đưa
Tắm lòng Tôn giả khi xưa
Tiếng chuông còn vọng bên chùa sắc không

Giờ con cài một đóa hồng
Hạt mưa rơi xuống cõi lòng đầy vơi
Mẹ còn ở với tuổi trôi
Như mưa muốn nói những lời của hoa

Một đời nhan sắc phong ba
Một đời gánh hết Ta-bà khổ đau
Mà nay đứng dưới mưa ngâu
Chỉ là một thoáng chân câu hoa trôi...

Mây còn bay phía quê hương

LÊ HÒA

Mười năm tím nỗi xa quê
Lục bình thờ thẩn trôi về bến nao
Chiều nay bước thấp bước cao
Con cò khát nước về chào quê xưa

Mười năm đón một cơn mưa
Cạn dòng nước mắt vẫn chưa thấy bờ
Tìm đâu trắng nỗi bơ vơ
Về đây mà khóc mịt mờ đang trôi...

Vàng trắng xẻ nửa à ơi
Núm nhau hóa đất bên trời điêu hiu
Về đây chữa vện thương yêu
Đăm ba ngày lại đặt điều để đi

Nhìn sông chẳng biết nói gì
Run run chân lại tìm về gió sương
Mây còn bay phía quê hương
Sao đành đi phía ngã đường vắng mây?

Hư không

TRẦN PHÚC HẬU

Biên tập viên - Báo Thanh Niên

Ngày mai
Bóng xế chiều tà
Thời gian hữu hạn
Duyên tan.

Dòng hoài niệm
Được và mất
Chỉ thoáng qua
Nuối tiếc!

Cây xanh biếc
Mây trắng ngần
Nhìn trời trong
Soi bóng nước.

Đếm từng phút
Nằm từng giây
Thu tất cả
Thả hư không.



Tâm lòng

VŨ QUỐC LÂM

Trăm năm chớp mắt tay không
Tay không chưa để rũ xong bụi trần
Âu là - quên hết nợ nần
Chỉ bằng vườn thiện vườn chân cây trồng

Cầm như trái rộng tâm lòng
Thơm như tờ giấy vẽ rồng vẽ tiên
Quảng đi cái giọt lầy phiền
Mơ cùng hạt lúa làm nên mùa màng

Con chim chiến chiến hót vang
Hót lời sám hối voi ngàn nỗi đau
Mẹ già quét miếng trâu cau
Nghe từ cay chất, thấm sâu nghĩa tình

Rồi nghe cát bụi chuyển mình
Trở về bến ngộ nổi nênh mây dòng
Trời xa - có nhận lời mong
Trăm năm “còn lại tâm lòng mà thôi”

Lặng nhìn vời vợi sông trôi
Đôi bờ hư thực ai ơi thấy gì
Trời cao đất rộng biển thì...
Thắm sâu đến thế cũng vì nhân gian

Thấy rồi - cõi phúc mê mang
Tiếng chuông xao động trắng vàng lưng lờ
Cuộc đời, như thể giấc mơ
Vòng quanh trái đất - Ai ngờ - gặp nhau !

Nắng trường sa

KIM HOA

Nổi chìm biển đảo mênh mông
Trường Sa nắng hạ rờn rờn mồ hôi
Chân đạp đất – lưng còng trời
Thương người lính trẻ sạm người màu da.
Vui bên luống cải vườn hoa
Thắm vương dáng mẹ sương pha mái đầu
Sớm trời nắng ngự đỉnh cao
Nắng vàng mặt biển – nắng chao mắt người.
Gió gom hơi nóng ngoài trời
Bàng vuông tuổi mát chuyện đời chiến binh
Trường Sa nắng – Trường Sa tình
Âm lòng chiến sĩ giữ xanh quê nhà.



Chùm tứ tuyệt cho người

TƯƠNG GIANG

Vàng mơ kiều hãnh mưa thu
Em đùa với nước hát ru cuộc đời
Ta nghiêng tai hứng mùa vui
Thì thầm gió nhả gợi lời an nhiên!

Đêm qua có nụ hoa hiền
Khát khao dâng hết ngọt mềm cho thơ
Tơ lòng theo gió thoảng đưa
Tình cờ tôi nhặt hương thừa trên tay!

Nắng còn say ngủ sáng nay
Cà-phê dù vắng bóng ai hiền nhà
Không gian chợt hóa bao la
Cho mình nhỏ bé như là mới yêu!

Tình xuân dầu có mong manh
Hạ huyền về nét mi xanh nhạt nhòa
Viễn du ơi đường có xa
Hay lòng tri kỷ mãi là tri âm!

Trăm năm cát bụi một lần
Ngàn năm hồ điệp gần trong tay
Nhật nhòa mộng mảnh tàn phai
Cội tâm duyên khởi một mai... lại về!

Con của hai nhà

LÝ THỊ MINH CHÂU

Gióng như bao làng quê khác, làng quê tôi thật thanh bình. Tiếng chim gáy suốt ngày ra rả trên những cây bằng lăng mom sông. Ở đó những trưa hè oi bức, đàn gà con túc túc bên cánh mẹ nghiêng mắt nhìn trời, nhìn những áng mây trôi xa xa.

Mùa hạ thật lạ, chẳng biết cơ man nào là nóng. Bầy trâu khôn khéo giấu mình dưới làn nước mát chỉ ngoi lên cái mũi đen ngòm để thở, đôi tai ngoe nguẩy đuổi ruồi trông thật ngộ. Người ta bảo con trâu đẻ ra hạt lúa nhưng tôi nghĩ hạt lúa mới tựu được con trâu. Mà đúng. Bởi bây giờ còn nhiều bộ tộc thiểu số có biết sử dụng con trâu để cày bừa là gì đâu. Họ vẫn dựa dẫm vào phương tiện thô sơ nhất thế giới là đôi tay của mình. Để gieo lúa, người đàn ông dùng hai thanh gỗ vót nhọn vừa đi, vừa chọt xuống đất tạo thành những cái lỗ, người đàn bà đi sau bỏ ít hạt lúa vào đó rồi dùng chân lấp đất lại. Có thể do địa hình đồi núi

hay chăng mà con trâu ở những nơi này người ta nuôi chỉ để lấy thịt. Thời Mỹ - Diệm, các bộ tộc này cũng bị hàng rào áp chiến lược bố ráp. Nhưng họ có chịu sống dưới đồng bằng đâu, có đói họ cũng chẳng chịu làm lúa nước. Họ bảo làm thế tổn công lắm, cái đầu nó không ưng, cái tay nó không chịu nghe đâu. Khi ăn hết gạo do Mỹ và chính quyền cũ cấp, họ lại trốn về rừng. Chẳng ai nuôi nổi hàng vạn con người chỉ để ăn rồi chơi năm này qua tháng khác như thế. Vậy là, chính quyền cũ làm ngơ cho xuôi chuyện, và người Tây Nguyên lại về với núi rừng của mình.

Xế chiều, cái nắng dịu xuống, hàng cây cà-te trở thành sân chơi của bọn con nít trong làng. Bông bằng lăng tím tím, bọn con gái thích lắm, chúng nhặt làm vương miện cô dâu. Còn lũ con trai với ná thun lắm le trên tay chăm bấm vào đàn chim đầu riu, giương

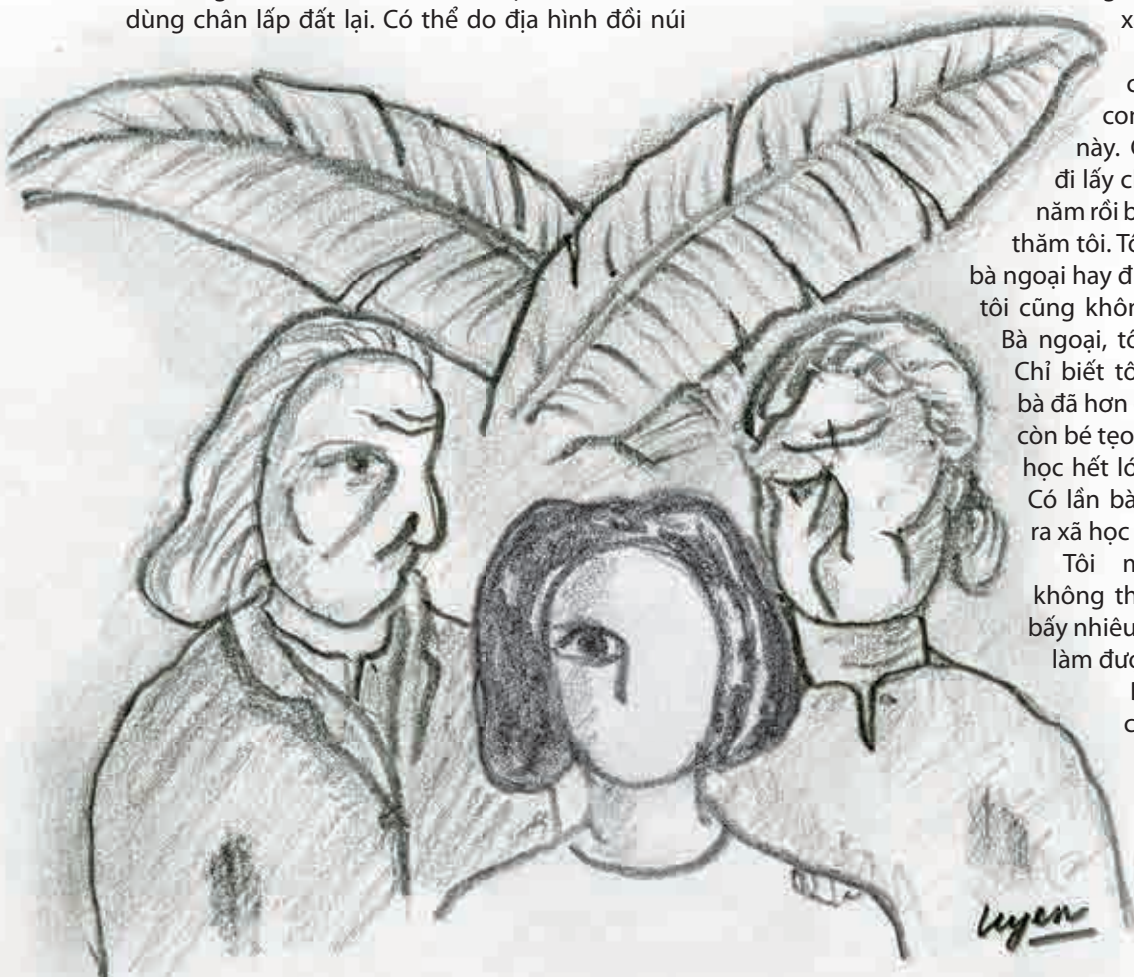
giương ra về “anh hùng xạ điêu” miệt xóm.

Tôi không có bạn, cũng không có bà con thân thích gì nơi này. Cha tôi mất, mẹ tôi đi lấy chồng khác ở xa. Bao năm rồi bà cũng chưa quay lại thăm tôi. Tôi làm cháu nuôi của bà ngoại hay đứa ở cho gia đình bà tôi cũng không màng phân biệt. Bà ngoại, tôi gọi vậy, quen rồi. Chỉ biết tôi sống với gia đình bà đã hơn chục năm rồi, hồi tôi còn bé tẹo. Bà cũng tốt, cho tôi học hết lớp năm trường làng. Có lần bà hỏi: “Con có muốn ra xã học nữa không?”.

Tôi muốn lắm nhưng không thể, tôi nói: “Con học bấy nhiêu đủ rồi, học nhiều có làm được gì đâu hả bà”.

Bà cười: “Mai mốt chồng nhờ chứ lì”.

Tôi biết thân phận mình mà. May là nhà người ta neo đơn, có đứa con trai thì dioxin nhắm hết



nửa hình hài. Chứ không, thì tôi cũng đầu đường, xó chợ từ lâu rồi. Mấy giọt nước mắt làm bộ làm tịch thì phải, tôi quay mặt đi.

Bà ngoại có người bạn tâm giao ở cuối xóm. Bà ấy cũng sống một mình, nói chuyện mà hai hàm răng rít rít mới ớn, tiếng nói lại tròn vo thật tài. Người lạ chắc chẳng mấy cảm tình với bà, còn tôi thì thân rồi, thấy bà cũng hiền mà thật thà nữa nên mến lắm. Nhìn bà, tôi nhớ lời cha kể ngày nào: “Bà nội con sống một mình, ông nội đi kháng chiến. Bà bị thằng Tây dí ống sắt nung lửa vào lưng bắt khai chỗ Việt cộng, ra tù bà đi đâu tới giờ cha chẳng rõ. Cha sống với người họ hàng trên phố để học hành. Lạc mất bà từ đó”.

Ngày đó, nhà tôi ở xóm trên chứ không phải xóm này, cha làm thợ cưa trên rừng, chiều chiều thường công tôi đi long nhong trong xóm. Thăm người này người kia, mua cho tôi cây kẹo, gói bánh. Chỉ thế, mà sao tôi cứ nhớ hoài. Rồi cha cũng lại ra đi, đi mãi. Mẹ tôi bán căn nhà cũ rồi nhờ ai đó gởi tôi xuống đây.

Ông chủ nhà tôi ở là thợ câu siêu hạng, câu cá mà nên cửa nên nhà. Tôi gọi ông là cậu. Cũng cẩn trúc, sợi cước, lưỡi bằng tấm xe đạp mài nhọn, uốn cong... Mỗi đêm cậu ra sông cắm vài chục cây cần thì sáng hôm sau có vài chục con cá lóc bông to tướng. Khi được con cá măng, cá trắm lớn thì nhà giữ lại để ăn. Cá măng nấu canh chua thì ngon hết biết, cậu lại có dịp lai rai với bạn bè. Cá rửa sạch, cắt khoanh dày cỡ bốn, năm phân. Chiên sơ. Nấu nước sôi thả cá vào, cá chín vớt ra cho măng chua, tóp mỡ xào cà chua, hành tím, khóm... vào. Nêm nếm vừa miệng, sao cho chua chua ngọt ngọt là được. Cho cá vào tô, xếp lên ít ngò gai, dọc mùng thái mỏng, rau bắp chuối, thìa là... Múc nước canh đang sôi đổ lên, trang trí ít hành ngò, tiêu, ớt khoanh. Ăn với cơm hay bún đều được. Những lúc như thế bà ngoại thường bảo tôi mang biếu cho bạn bà một tô. Tôi chọn khoanh cá có khoang bụng cho béo, đó là một trong vài khoanh cá ngon nhất của con cá.

Dạo đó trời bắt đầu mưa. Tôi dùng cặp lồng mang canh sang cho bà, có ngăn để bún, để rau, để nước mắm riêng biệt mà chẳng hạt mưa nào chui vào được. Nghĩ lạ, canh cá mà để nước lạnh rót vào thì tanh lắm, ăn với bún thì càng tanh dữ. Hình như ai xui, hôm đó bà ngoại giành đi, bà nhất định qua đó ăn chung với bạn mà không chịu ăn ở nhà. Tôi nghĩ, bà ngoại đi rồi tôi ngồi ăn cũng chẳng ngon lành gì với vợ chồng ông cậu nên tôi múc canh đủ cho ba người. Trời hơi rét, bà ngoại mặc chiếc áo măng-tô dày cộm, tôi cũng khoác thêm chiếc áo làm vườn. Nhà bạn ngoại không xa nhưng hơi khó đi, đường trơn và nhỏ, không khéo lại lợt tòm xuống ruộng. Nhà im thin thít như có điều gì không may. Con Vện chạy ra, chạy vào sủa ăng ắc, quấy đuôi mừng mừng. Bà ngoại đẩy cửa bước vào, trong nhà tối om, mùi dầu Nhị thiên đường xông lên nồng nặc.

“Bịnh hả bà?”

“Không, trượt ngã từ hôm qua, lưng va xuống ghế

bếp, thoa dầu không tới nên giờ vẫn đau”.

“Nằm xuống, để tôi xem”.

Hai bà bạn đối đáp với nhau trong gian buồng ọp ẹp.

“Ai lại thế, bảo con Rớt vào xoa giúp tôi là được mà”.

“Ừ, thế cũng được, Rớt ơi...”

Rớt là tôi, cái tên chẳng biết ai đặt, cũng chẳng biết ám chỉ điều gì. Tôi lên tiếng: “Con đây...”

Tôi vén màn lên cho sáng, lòn tay vào lưng áo xoa dầu cho bà. Cái lưng sao mà lồi lõm thế này. Tôi chợt nhớ đến lời cha ngày nào, tay tôi run dữ. Vén áo bà lên. Trời ơi, chẳng những một mà tới hai, ba vết sẹo bằng miệng ly, tim tôi muốn rớt ra ngoài. Tôi cứ rờ rẫm hoài nơi đó mà chưa biết phải làm gì. Bà rên hừ hừ như chạm phải vết thương lòng ngày xưa. Bà bảo:

“Mấy cái sẹo do bọn tể dùng ống nước nung lửa đốt bà ấy mà”.

“Có còn đau không bà?”

“Lâu rồi, quen rồi, thấy cũng bình thường, cháu à”.

“Bà có con trai không?”

Tự dưng tôi hỏi mà không kịp đắn đo.

“Có, nhưng cũng lưu lạc từ bé cháu à, chiến tranh mà, biết sao!”.

Rồi bà thở dài. Nãy giờ, bà ngoại ngồi im thin thít, bà vẫn còn suy tư điều gì đó. Tôi không thể bỏ qua dịp may hiếm có này:

“Con trai bà phải tên Chánh không? Chánh Cẩm Lệ ấy... bà”.

Bà quay phắt lại cái rết như không có bệnh hoạn gì, bà bấu tay mình bối rối:

“Có phải đây là...”

“Cháu đây bà...”

Chỉ thốt được thế thôi, rồi hai bà cháu ôm nhau khóc sụt sùi. Bà ngoại như người từ cung trăng rơi xuống, qua cơn sững sốt mắt cũng ướt nhoe. Tôi có người thân từ đó, bà nội tôi thương tôi như chưa bao giờ được thương. Bỗng dưng tôi thành con của hai gia đình, hạnh phúc thật. Bát canh hôm đó ngon ơ là ngon. Lần đầu tiên tôi mớm cá, mớm canh cho nội tôi, mớm luôn cả khoanh cá phần mình. Bà ngoại cười híp mắt, bà nói bằng quơ:

“Tao nghi là có liên à, mắt cứ máy miết... mà chẳng biết điều gì. Thì ra ông trời cũng có mắt...”

Vài hôm sau cậu làm mâm cỗ đãi cả làng. Mợ tặng cho tôi đôi bông, sợi dây chuyền vàng y. Tôi không nghĩ đó là thù lao mười năm làm người ở, tôi chân thành cảm ơn mợ. Làng cũng cho tôi vuông ruộng.

Tôi về sống với nội. Có ai đó nói rằng, địa ngục hay thiên đường đều ở trên đời này cả chứ chẳng đâu xa. Có vay thì có trả, có gieo thì có gặt, gieo gì hưởng nấy. Tôi nghĩ đúng, ở hiền thì gặp lành. Nội suốt đời thờ chồng, ngóng con, sống hiền hòa với mọi người. Đúng ra, nội phải được hưởng hạnh phúc từ lâu rồi mới phải. Còn tôi, trong cái rủi có cái may, không đi ở thì làm sao có cơ duyên gặp nội. Hình như ông trời đã sắp xếp cả rồi. ■

Hàng cau trước ngõ

TU HƯƠNG

Ảnh: Ngô Văn Thông

Trước ngõ nhà tôi có hàng cau cao vút. Ấy là hàng cau ngày trước nội trồng. Mười mấy năm rồi, cau cứ lên thẳng tắp một hàng, cho những buồng cau sai trĩu. Hơn mười mùa cau sai quả, là hơn mười mùa nội đã đi xa.

Ngày còn thơ dại, tôi hay theo nội ra đồng, thăm vườn. Bàn chân non bé nhỏ lon ton, cứ thế, tôi đi qua tuổi thơ trong bàn tay sần sùi thân thương của nội ngày nào. Nội tôi thích đi dạo, chăm sóc vườn và trồng cây. Người hay dẫn tôi theo, nói tôi nghe niềm vui chốn ruộng vườn, kể tôi nghe câu chuyện của các loài hoa cỏ và chỉ tôi cách trồng nhiều loại cây ăn quả, rau củ khác nhau. Hàng cau trước ngõ bây giờ là do nội và tôi trồng. Ngày ấy, ngày thơ tôi hỏi, “Trồng cau làm gì hả nội”. Người xoa đầu tôi, “Sau này cưới vợ cho cháu”. Cái tuổi ăn chưa no, lo chưa tới, tôi chẳng biết gì.

Rồi qua mưa nắng, hàng cau trước ngõ lớn dần. Đi qua ngày tháng không biết buồn lo, tôi cũng dần khôn lớn. Tôi ngày ấy hãy còn ngây ngô khờ dại, vô tâm đến độ không biết rằng quỹ thời gian trên cõi đời của nội không còn nhiều. Nội đã ra đi đột ngột một chiều nắng nhiều và gió nhẹ. Người đi thanh thản như bầu trời trong xanh yên bình nhưng trống vắng đến vô cùng. Tôi đã không tin nội tôi đi như thế. Nhưng người ta ai sinh ra cũng phải một lần trở về, khi tôi biết thương ông, biết quý những chiều theo ông chăm vườn tưới cây, nghe ông kể chuyện các loài hoa cỏ thì ông đã mãi mãi không còn. Bầu trời quê tôi vẫn cao và xanh, hàng cau trước nhà vẫn cứ lớn dần cho nhiều quả, còn ông tôi, ông đã đi xa...

Có những đêm hè trăng tỏ, mình tôi ngồi trước ngõ lặng với hàng cau. Ngắm hoa cau rụng và nghe thoang thoang mùi hương, tôi lại nhớ về nội. Ngày xưa, có những đêm hè như thế, trời nóng bức nên ông không ngủ được, ông cháu lại ra ngồi dưới hàng cau hóng gió. Rồi ông kể chuyện tôi nghe, phẩy quạt mo cau cho tôi mát và hay chọc tôi, “Sau này cháu cưới vợ ông có trâu ăn”. Ông hay

đùa như thế rồi mỉm cười hiền từ nhưng đôi khi làm tôi xấu hổ, có cả lần tôi giận quá mà bỏ vào nhà. Bây giờ chẳng còn ai chọc tôi như thế. Dù có khi thăm mơ được ông chọc thêm một lần như vậy cũng không bao giờ được nữa. Ông đã khuất xa như hoa cau trắng rụng, chưa một lần được ăn trâu hồng nhìn lũ cháu chúng tôi thành gia thành thất như ông thường ước mong...

Có những chiều trời trong, nắng nhiều và gió nhẹ, tôi ra ngồi dưới hàng cau, ngược mắt nhìn lên cao tít. Trên kia là vòm lá xanh, những quả cau nho nhỏ, là bầu trời lồng lộng có mây trắng bay cao, là cánh diều căng gió của đám bạn trong làng. Tôi nhớ đến những lời nội dạy, cháu hãy nhìn lấy cách sống của loài cau, thân thẳng đứng và ngọn luôn vươn lên cao, hãy sống ngay thẳng và có ước mơ, dám vươn tới những điều cao đẹp, cháu sẽ là niềm kiêu hãnh của dòng họ nhà mình. Cả đời nội tôi nhiều lý tưởng nhưng tất cả không thành, nên ông rất kỳ vọng vào tôi. Tôi vẫn luôn phấn đấu để không phụ tấm lòng của nội vì biết rằng người luôn dõi theo tôi, như hàng cau trước ngõ vẫn âm thầm theo tôi lớn lên qua từng năm tháng.

Nhiều năm rồi, tôi cũng dần lớn khôn, phải xa nhà đi học. Hàng cau trước ngõ vẫn xanh và thẳng tắp một hàng. Hàng cau ấy tôi rất mực yêu thương và như vô cùng gần gũi. Đó là bóng dáng bàn tay nội chăm trồng, là những câu chuyện và bài học về loài cau mà nội tôi dạy, là mong ước của nội về một ngày vui của các cháu nên vợ thành chồng, là niềm vui miếng cau miếng trâu mở đầu câu chuyện với hàng xóm, bạn bè của nội ngày xưa. Đó là nơi tôi trao gửi những niềm vui, nỗi buồn trên con đường đi tới tương lai mỗi khi nghỉ học về nhà, là nơi tôi có thể thì thầm cùng nội những bài học mới, những hứa nguyện trong lòng. Hàng cau trước ngõ mãi xanh, đơn sơ nhưng đã hóa thành niềm tin. Hàng cau ấy sẽ mãi bên tôi, là hành trang quê hương tôi sẽ giữ bên mình trên con đường phía trước, như hình bóng nội thân thương ngày nào sẽ đi mãi cùng tôi... ■



Kỷ sự về

những đỉnh tuyết mù

Bài & ảnh: NHỤY NGUYỄN

Hàng năm vào dịp Nguyên tiêu, tôi vẫn thường lên dốc Bến Ngự dâng hương tại tượng đài Phan Bội Châu; tượng Bồ-tát Quán Thế Âm đặt trước cổng Liễu Quán lại càng quen thuộc vì rất gần với cơ quan. Chiêm nghiệm cụ Phan, chiêm bái “Phật bà”, chiêm ngưỡng Cô gái Việt Nam, chợt hiện một con người nghệ sĩ trong đôi mắt u huyền của “Việt”. Một ngày tôi bắt được dòng tin trên tivi về pho tượng kiều nữ ấy... Tôi cúi đầu trước linh hồn nhà điêu khắc Lê Thành Nhơn, xin được ghép ba bức tượng thành tam giác độc bản ở Huế. Và Kỷ sự về những đỉnh tuyết mù bắt nguồn từ mỗi cảm xúc này...

*

“Ba tác phẩm trong sự nghiệp nhà điêu khắc Lê Thành Nhơn đã “hội ngộ”: tượng Quán Thế Âm đặt ở Trung tâm Liễu Quán, tượng Phan Bội Châu đặt trong Khu di tích cụ ở Bến Ngự, tượng Cô gái Việt Nam...”.

Tin đưa chớp nhoáng. Cứ như nơi đất khách, tôi đang lạc giữa dòng người lơ đãng ở ga, thoáng thấy

nàng bước vào chiếc xe con và mất hút. Ở đây có khác, tôi thấy rõ nàng, và nàng đang ở rất gần... Tôi thẳng lên dốc Bến Ngự.

Tôi chưa bao giờ đến thỉnh cụ vào ban đêm. Một vị thâm nho như cụ chẳng ngờ lại ngủ sớm vậy. Rèm sập. Không ánh đèn hắt ra. Cụ đã ngủ? hay đi đâu. Tôi thập thò ngoài cổng chính. Chút ánh sáng vàng vố của đèn cao áp phả vô, tôi thấy cụ. Ở góc vườn. Trên bệ. Mắt nhắm, cằm hơi thu. Thanh thản. Cụ đang Thiền.

Tôi vẫn đứng bên hàng rào bằng xi-măng, nhoi vào. Mặt cụ không rõ. Mặt cụ “tối”. Ở đấy vẫn tỏa rạng thứ ánh sáng thiện tâm. Ở đấy toát ra nhựa sống. Tôi nín thở. Sợ đánh động tâm thức cụ. Nhập định. Cụ xóa quãng thời gian bị quản thúc nơi đây. Hẳn lúc đó cụ cũng quên nốt hàng trăm thanh niên khăn gói hồi hương đặt dấu mốc phong trào Đông Du tan rã. Đầu rỗng. Mấy con chó im, chúng sợ rung động giấc thiền của cụ. Thấy mệt. Tôi không đánh thức cụ. Tôi sẽ thăm

lặng trở về. Nếu như đạt cảnh giới *tha tâm thông*, cụ đã đọc được dòng tin nóng trong đầu tôi: *Cô gái Việt Nam đã trở về Huế*.

*

Tại sao Nhơn lại chọn khuôn mặt Việt? Giữa Việt và Nhơn quan hệ như thế nào? Lúc nào?

Tôi không giận. Việt đã ở bên kia núi.

Nhơn hồi ấy. Mạnh khỏe. Ốm. Tóc hơi rườm và lúc nào cũng bết lại bởi mồ hôi và bụi. Bụi chất liệu tạo hình. Bụi trần ai. Chỉ đôi mắt sáng, hút buồn. 1973. Phong trào đấu tranh của học sinh sinh viên dâng cao, bị đàn áp. Nhơn đi tìm thần tượng, tìm cho phong trào một gương mặt làm tin, để tiếp tục tranh đấu. *Mai có hòa bình*. Tôi nhớ rành rành bài thơ của Ngô Kha, đầu chưa một lần đọc. Những cuộc tụ hội hiếm hoi, họ, trong đó có Nhơn đọc đi đọc lại bài thơ đó, hát nhạc Trịnh, ngâm nga *Hồ trường*, rồi *Nghiêng nón* cùng Trần Quang Long:

*"Sao em biết anh nhìn mà nghiêng nón
Trời mùa thu mây che có nắng đầu".*

Họ đấu tranh, ước vọng hòa bình, ước vọng tình yêu. Nồng cháy. Tình yêu như là sinh lực của tranh đấu. Và phần thưởng cho sự hiến thân, nếu cần, nếu như họ được nhận và muốn nhận, có lẽ không gì ngoài tình yêu. Chẳng rõ hồi đó Nhơn đã có người yêu? Tôi ít để ý đến chàng thanh niên có vẻ trầm tư nhất trong đám này. So với Nhơn và nhiều trí thức văn nghệ sĩ khác, thú thật tôi hèn nhất. Thật may, tôi chưa phải đối mặt với giam cầm tra tấn. Tôi lẩn lộn cho tới ngày nghỉ hưu. Sạch sẽ dòng lý lịch.

Yêu Việt chân thành. Tôi yêu Việt như yêu một đóa vô thường mới nở tinh khôi (ai cũng có quyền thổn thức). Việt từng tham gia tranh đấu tại chợ Đông Ba, rải truyền đơn ở bến đò Thừa Phủ, đưa cán bộ nguồn về của Tư Dung ẩn náu. Việt yêu tôi ở sự chừng mực, điềm đạm. Dễ nương tựa.

Một tác phẩm như *Cô gái Việt Nam*, hẳn không phải từ một khuôn mặt bất kỳ. Phải rút ruột, vắt gần như kiệt năng lượng của mình Nhơn mới hoàn thành. Không thể là ngẫu nhiên.

*

Tôi nay. Tóc dài râu cũng dài. Chưa bạc nhiều. Cũng thấu suốt mọi nhẽ đời, nhiều lúc nghĩ mong trời cho sống thêm mười mười lăm năm nữa xem xã hội chuyển xoay thay đổi ra sao? Con người sẽ ngược xuôi ra làm sao khi nhiều nhà tiên tri lừng danh thế giới cảnh báo loài người sẽ lâm vào thảm họa trong tương lai gần. Nghĩ lại cũng buồn cười cho sự "tu" của mình. Tham. Ngày xưa tôi đã tham sống, giữa lúc Nhơn cùng nhóm bạn công khai phản chiến... Về hưu. Tôi hầu như không nghe radio, thôi xem tivi. Sập mọi giác quan. Tóc, lạ, không bạc thêm. Hôm tôi hay tin động đất sóng thần, cảm cảnh mở tivi chờ xem truyền hình trực tiếp "chung tay cùng thảm họa"... Thời sự đưa tin về nàng: "*Cô gái*

Việt Nam đã được đưa về Huế đúng như ước nguyện của tác giả".

Chỉ thoáng chốc thấy Việt (dẫu chỉ là tượng), một trời kỷ niệm ùa về. Dồn ứ. Khoảnh khắc đầu tiên là tôi phải tìm gặp Việt tức khắc. Ra đi. Chợt nhớ: bản tin thông báo hiện nàng nương náu tạm bợ... Vẫn đi. Tôi nghĩ ngay tới cụ. Tôi phải thông báo tin này với cụ. Đây là một ý nghĩ vô thức, bởi chính tôi biết tin này chẳng liên quan gì đến cụ.

*

Hậu sanh. Tôi không có cơ duyên ngồi đàm đạo thế sự với cụ. Ấn tượng mạnh là lúc tôi chiêm bái tượng cụ do Nhơn sáng tạo. Một bức tượng đầu khổng lồ. Lớn nhất Đông Nam Á. Nhìn tượng, dẫu tôi chưa hề biết tí gì về cụ, vẫn nhận ra đây là một ông lớn. Vầng trán ấy, đôi mày chau như vẫn còn ưu tư trước thời cuộc. Cảm phục. Tôi bắt đầu lần gỡ tất thảy tư liệu kiếm được, lần theo từng dấu chân của cụ trên hành trình "tìm hiểu đối phương" bên trời Tây. Tôi đọc cụ, hiểu cụ, hình dung về cụ. Đến nỗi cụ hiện lên một con người "có máu", đang sống cùng thời, nhấp rượu với tôi...

Ngày Nhơn còn bắc thang sửa từng nếp nhăn trên trán cụ, tôi đến thường xuyên. Chúng tôi không trò chuyện. Tôi chỉ là vị khách ghé vào xem tạc tượng. Không ít người vẫn thường lui tới trong thời gian bức tượng đã được đặt lên bệ, đang làm nguội. Phải rồi, bây giờ tôi mới nhớ...

... Lần duy nhất, tôi có chở Việt tới đây, một sáng thấp thoáng mù sương. Trời không nắng. Nhơn đội chiếc mũ tai bèo bạc phếch. Lưỡi chạm rơi, Nhơn bước xuống được hai bậc thang thì Việt tới nhặt hộ, nhón chân trao cho Nhơn. Nhơn nhìn Việt ân huệ. Rồi Nhơn nhìn tôi đứng dưới gốc bồ-đề gần cổng. Tôi cười. Một lời động viên, và kính phục. Việt lại bên tôi, tà áo trắng trong suốt, yên lặng. Nhìn. Bụi tung dưới lưỡi chạm. Đôi mắt Việt mơ màng.

*

Trưa nay mưa phùn giăng mắc, tôi lại lên dốc Bến Ngự. Cụ, vẫn mắt nhắm nghiền; nhân thể phù du trôi vào quá vãng. Tôi thì vẫn trong mớ lòng bùng nhân sinh. Hình bóng cụ còn đó trong khu vườn này. Trong ngôi nhà tranh đơn sơ kia. Bị quản thúc trong ngôi nhà tranh do thầy Võ Liêm Sơn cùng sự góp sức của đồng bào mua tặng, cụ tha thui trên cơn đau của đất nước. Bạn cùng con Ky, con Vá... Một sự bình tâm hiếm thấy so với tâm thế quãng thời gian cụ vận động dân chủ, đưa thanh niên qua Nhật khai sáng, gặp các bậc túc nho nghị sự, kể cả hậu sinh non trẻ mà sau này trở thành điển hình lãnh tụ thế giới.

Tôi nhặt lá bồ-đề, nhớ buổi sáng thoáng chút nắng trời rồi tắt ấy, Việt bên tôi nhìn Nhơn, nhìn lưỡi chạm ngọt lịm khắc sâu thêm nếp nhăn trên trán cụ. Phải chăng khoảnh khắc thấy Việt, trái tim Nhơn rung động và, làm rơi lưỡi chạm. Nhưng là một kẻ sĩ, có lẽ Nhơn biết

mình phải giữ khoảng cách... Nhơn bóp chặt tim mình lại. Còn Việt...? Chưa bao giờ tôi hoài nghi tình cảm của Việt. Từng nghĩ, nếu như tôi có là một thằng giẻ rách, Việt vẫn vá víu đời tôi bằng sự nhẫn nại tuyệt vời của gái Huế. Lẽ nào chỉ khoảnh khắc chớp nhoáng bên tượng cụ ngày ấy, khuôn mặt Việt đã khắc vào tâm khảm của Nhơn như một dạng ký họa bút sắt? Hay giữa Việt và Nhơn từng gặp... và đã giấu biệt? Rồi Nhơn mang "bức ký họa" vào tận Sài Gòn thể hiện bằng chất liệu xi-măng trắng. Chắc tôi quá tự cao, nghĩ vụng, bởi Nhơn không hẳn sợ "thất lễ" với tôi mà vào Sài Gòn nhằm kéo căng *mảnh tình* chợt nhiên với Việt, và sau đó dẫn thêm bước dài qua thành phố Melbourne (Úc)... Trước lúc mất (ba tháng), Nhơn kịp trần trối với bạn là dịch giả Bửu Ý, cậy đưa bức tượng về Huế.

Cô gái Việt Nam lẽ nào có nguồn từ tên vợ tôi?

*

Chập tối sau tôi đạp xe tới thăm một nhà thơ ẩn chực năm nay không hề công bố tác phẩm, đóng cửa đóng cổng đọc và học Phật. Ông tiếp tôi. Trà. Và thuốc lá. Lúc tôi hỏi về Nhơn, ông gãi đầu xoa trán. Chậm. Bảo, nếu nói thân với Nhơn, vùng đất này chả ai qua mặt ông. Dịp Nhơn mất, ông có viết về Nhơn, đang tính gửi in, sáng ngời cà-phê thấy báo chí tràn ngập bài về Nhơn. Toàn xưng bạn thân. Sai nhiều. Ngay mốc Nhơn tạc những tác phẩm lớn cũng lộn tùng phèo. Ông thôi không gửi báo nữa.

Tôi xin xem lại bài viết của ông. Nó còn. Giấy kẻ ô. Bài viết chưa thấy có tên, mực bút bi màu đen, nét to, dưới cùng ghi thời điểm viết: ngày 5 tháng 11 năm lẻ hai - đúng ngày mất của Nhơn.

Tôi tìm được nội dung quan trọng cho mình. Ông viết: *"Hồi đó tôi chưa theo Phật, nên lúc Nhơn đề nghị góp ý về phác thảo [trên giấy] tượng Quán Thế Âm (với tỉ lệ lớn), tôi cười mà lắc đầu. Hỏi: Sao không tạc tượng Phật luôn lại tạc Bồ-tát Quán Thế Âm? Tạc rồi đặt chỗ mô? Định tặng cho Liễu Quán à? Nhơn chau mày. Cũng có thể... nhưng tao làm để "tặng" một người... Ai? Nhơn không trả lời.*

Tôi cũng thôi hỏi. Nhưng đêm nằm, thao thức, Nhơn bật ra: Tao thương nó. Có lần nó thì thào: Nếu thương anh em tụng kinh sám hối đến mờ mắt mất. Vậy anh sẽ tạc tượng Quán Thế Âm để bà nhận lời sám hối của em... Rồi tao kể điển tích: Quán Thế Âm nguyên là Phật ông (chứ không phải Phật bà). Thời phong kiến bên Tàu, trai năm thế bảy thiếp, phụ nữ sắp hàng trước Quán Thế Âm mong cứu khổ cứu nạn. Có

một nghệ sĩ động lòng đã tạc tượng Quán Thế Âm thành bà, để phụ nữ dễ tâm sự điều thầm kín tế nhị nhất.

Nó là cô nào vậy? - Tôi hỏi.

Nhơn im lặng. Cho tới khi ngủ."

Đỏ mặt. Rồi tái. Tôi chưa dám khẳng định: chính là Việt.

Tôi hỏi thêm ông xem có thông tin gì quanh cô gái kia không? Ông lắc đầu. Chịu. Hình như ông, và bao nhiêu người dầu có phong phú tưởng tượng tới đâu cũng không hề so sánh sự giống nhau giữa *Cô gái Việt Nam* và Việt [của tôi]. Cũng có thể, do tượng được tạc ở Sài Gòn, xa Huế; tượng thì trẻ mãi, còn Việt sắc đẹp theo năm tháng cũng phai.

*

Sáng nay nàng đã có khuôn viên xứng đáng đối diện với trường nữ sinh Đồng Khánh. Tôi bước dọc theo đường Lê Lợi, cốt thấy nàng. Hai mảng khối ghép dưới cùng khiến tôi nhớ đến ngấn cổ của Việt. Liệu có thêm dấu vết nào đó (mà tôi còn nhớ như in)... được thể hiện trên khuôn mặt kia. Nghĩ đến đó tim tôi thắt lại. Trời đủ tối để tôi không nhìn rõ gì. Chỉ khuôn mặt ấy, bầu má ấy, mọi người sẽ bảo hao hao giống người này người kia... riêng tôi khẳng định: Việt.

Tôi ngắm Việt. Đau! Việt đã sống cạnh mình cho tôi. Nhìn Việt. Nước mắt tôi pha máu từ tim. Vài cặp tình nhân trên ghế đá bên hồ nước... Tôi quay đi. Vợ và về. Những giọt nước mắt rơi, ăn mòn khung sắt như một thứ a-xít đậm đặc.

*

Tôi sốt cao. Cự tuyệt với thuốc thang, chỉ ăn cháo trắng, và chờ... Tôi đã hờ chạm được tay vào côi chết. Tôi gọi Việt, song không thấy trả lời. Cánh cửa âm chưa sẵn sàng mở. Thêm một phóng sự về nàng. Tôi nhờ cháu gái bật tivi, gượng dậy xem. Cảnh quay bức tượng được chuyển về Huế. Từ trên xe bốc xuống, tượng đặt nằm ngửa. Trời... Tôi nhận diện rõ hơn Việt (hay tôi đã rất gần Việt...?) Thế đặt tượng ấy lập lại nhiều trong đời tôi, mỗi lần Việt nhẹ nhàng nằm xuống giường, trên thảm cỏ... Tôi phát khóc.

Trời vẫn còn làm mưa. Tôi bước khỏi nhà. Đội ny-lông - chứng tỏ tôi còn ham sống, chí ít quãng thời gian lết từ nhà đến Liễu Quán. Nghĩ: liệu có ai thấy tôi đang bước giữa trần... Có hay không tôi?

Chớp vạch ngang trời. Tôi ngược lên. Phảng phất chút buồn nhân thế trên khuôn mặt Bồ-tát Quán Thế Âm... Có phải người con gái ấy từng đứng đây sám hối bí mật lớn nhất trong đời, giờ là "di sản" thuộc quyền sở hữu riêng tôi? ■





Thu vàng

Đi giữa mùa thu...

NGUYỄN BỘI NHIÊN

Là một hành nhân yêu mùa thu, tôi đã đi qua rất nhiều con đường có lá rơi vàng cùng màu với nắng. Mùa Thu với tôi bao giờ cũng bắt đầu bằng nỗi bồn chồn đợi mong những giọt mưa ngâu hiu hắt đổ xuống vạn vật trong lặng lẽ. Lúc ấy, thêm lần nữa tôi ngồi thật yên trong ánh sáng thái hòa, nghe trong nhịp rơi của từng giọt mưa kia có niềm mang mang xao xuyến của đất trời.

Những ngày mùa thu trên quê tôi có nguyên vẹn một khoảng trời xanh lơ in bóng những con thuyền xôn xao sóng nước, có những đốm nắng nhỏ xíu xiu mơ màng thỉnh thoảng lại nhạt đi một ít dưới những vòm cây, có những cơn mưa chiều mát lạnh... Dẫu không mang về heo may và ngô đồng rụng, mùa thu ở đây vẫn gieo vào lòng người cảm xúc lắng mạn khi nhìn những đám mây bông bênh mà băng khuâng trong nỗi hoài nhớ thân thuộc: *"Hằng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm hoang mang của buổi tựu trường..."* (Thanh Tịnh).

Phút bồi hồi trong thăm sâu ký ức giữa tiết *Lập thu* hay *Bạch lộ* có thể trao cho con người sự cảm nhận đầy đủ về cái không gian vàng rực nắng, xào xạc lá, mơn man gió, mỏng mảnh sương, trong trẻo tiếng và tĩnh lặng dòng sông. Chẳng ấy từ những ngày thu sẽ làm nên bao nhiêu là ngỡ ngàng, rạo rực và bao nhiêu thi tứ. Nét yêu kiều của mùa thu nào đã xa chẳng phải đã viết lên đời thơ tài hoa và nồng nhiệt của Xuân Diệu những vần *Thơ duyên* nao nức đắm say: *"Trời xanh đổ ngọc qua muôn lá/ Thu đến nơi nơi động tiếng huyền"* đó sao. Có lẽ vì thế mà bây giờ dường như không còn ai

hỏi mùa thu vì sao trong ngàn năm tuổi tác của Đường thi có *"Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc"* (sông Thu liền với trời xanh một màu), trong tâm thức yêu thương của người Nga luôn hiện bóng *Mùa thu vàng* của Lévitan và những khoảnh khắc kỳ diệu của mùa thu trong những câu chuyện kể thấm đẫm vị đời của Pautopxki. Cũng như những ngày thu đã qua, những ngày thu này trên nhân gian có sắc màu của *lá phong đỏ như mối tình đượm lửa, hoa cúc vàng như nỗi nhớ dây dưa* (Tế Hanh), có sự gợi nhớ khoảnh khắc *rừng phong Thu đã nhuộm màu quan san* của Kim-Kiều. Cứ thế, mùa thu chưa bao giờ là của riêng ai nhưng bất cứ ai cũng có thể có mùa thu của riêng mình sau những buồn vui phận người.

Dưới ánh sáng vi diệu của một ngày mùa thu năm nay, tôi gặp một người đếm lá rơi bên sông nước thanh bình của dòng sông quê. Bến sông nơi người ấy ngồi đong đầy tiếng lá về cội và trên từng thân cành thoảng hương diệp lục của cỏ cây ở đó đã có niềm vui của mỗi chiếc lá sắp sửa chào đời. Trong một tích tắc ngưng lặng của ánh nắng *Thu phân* vàng óng, con người kỳ lạ ấy nói điều gì đấy với lá như đang thì thầm với một cuộc đời riêng vừa đến vừa đi trong bước phân kỳ rất đổi thông thả, nhẹ nhàng của thời gian. Bất giác, tôi nhận ra mình đang chờ đợi *chiếc lá cuối cùng* dẫu biết trên cây đã có một mùa lá khác, như ngày mai chính là cuộc sống mới mẻ của hôm nay.

Và trên nhịp rơi khẽ khàng khoan nhặt của chiếc lá nhân hậu kia, tôi nghe sự vẫy gọi của cuộc đời trong tiếng trống ếch rộn ràng chen cài ánh đèn lồng muôn màu của đêm Trung thu đã về trên những ngã đường. ■

Lời cảm ơn cuộc sống

T

rua thứ Hai 15-7 tôi có chút chuyện phải vào một bưu cục trên đường Phan Đình Phùng, quận Phú Nhuận. Trong lúc tôi đứng xe chờ lấy số thì có một thanh niên chạy tới hỏi người giữ xe: “

Trong này có điện thoại công cộng không hả chú?”. Người giữ xe... quên cả việc đưa thẻ xe cho tôi, trả lời cậu thanh niên, “Bây giờ người ta xài điện thoại di động, mấy trạm điện thoại công cộng bị triệt bỏ hết rồi”. gương mặt cậu thanh niên lộ rõ vẻ thất vọng. Người giữ xe có lẽ cũng động từ tâm sao đó, hỏi lại cậu ta, “Em có chuyện gấp lắm à?”. “Dạ. Người anh của em đưa con lên thi cao đẳng, gọi điện thoại cho em để em biết chỗ ra đón, mà mới nghe được tiếng anh thì máy của em hết pin. Ngoài đường này, em chẳng biết làm sao sạc pin. Nãy giờ chạy kiếm một cái máy điện thoại công cộng muốn hực hơi”. Người giữ xe nghe vậy, hỏi, “Em có nhớ số của người anh không?”. Cậu thanh niên mừng rỡ trả lời, “Dạ, em nhớ chứ. Em nhớ nên mới kiếm điện thoại công cộng để gọi cho anh”. “Thôi, tôi cho em mượn điện thoại di động của tôi mà liên lạc với anh nè, chớ giờ này kiếm làm sao được cái máy điện thoại công cộng!”. Nói xong, người giữ xe lấy chiếc máy điện thoại di động của mình đưa cho cậu thanh niên. Quay qua trao thẻ xe cho tôi, ông ấy nói, “Cũng tội, duy trì mấy cái máy điện thoại công cộng mà cả tháng mới có một hai người sử dụng thì cũng không được. Mà có phải ai cũng có điện thoại di động đâu, mà ngay như có thì cũng có lúc không xài được, như trường hợp chú nhỏ này nè. Thôi thì, mình giúp người ta một chút!”.

Nhận chiếc thẻ xe anh ta trao cho, tôi thấy vui vui, vì vẫn còn có nhiều người biết nghĩ tới người khác và có những suy nghĩ rất “cận nhân tâm”. Xin cảm ơn cuộc sống vẫn cho ta những niềm vui sống mỗi ngày.

Trương Hữu Lộc, Q.3, TP.HCM

T

ôi đã ngoài sáu mươi, nuôi một đứa cháu ngoại mới được sáu tuổi; ban ngày chỉ có hai bà cháu ở với nhau. Một buổi trưa, thằng nhỏ bị sốt cao, ăn uống gì vô nó cũng ói ra hết, nó lại thở khò khè, mặt mày xanh lét. Tôi vội vàng khóa cửa rồi mang thằng nhỏ vào phòng cấp cứu Bệnh viện Nhân Dân Gia Định. Sau khi khám cho thằng nhỏ, các bác sĩ quyết định cho nó nhập viện. Có một mình tôi loay hoay với thằng nhỏ. May quá, giường bệnh kế bên là một ông cụ có mấy người con đi theo cũng đang chuyển cụ lên trại. Một cô con gái của ông cụ nói với tôi, “Cô để cháu phụ cô đưa bé lên phòng”. Và cô ấy giúp tôi đẩy chiếc giường bệnh di động của thằng nhỏ vào thang máy, lên tới tầng ba, trong khi mấy người anh em của cô ấy rời thang máy ở tầng hai; sau khi đưa cháu tôi vào tới khoa Nhi cô ấy mới xuống lo cho cha. Vào phòng bệnh, bác sĩ cho cháu tôi được xông thuốc bằng phương pháp khí dung. Cái máy khí dung của bệnh viện đã cũ, ống thuốc cứ bật ra khỏi cái nút phun thuốc, tôi phải ngồi xổm giữ cái ống gắn vào máy cho thằng nhỏ. Thấy tôi ngồi xổm, một vị phụ huynh trong phòng bệnh nặng nề có đặt máy khí dung đi kiểm cho tôi một chiếc ghế thấp và nói, “Đi ngồi vậy té chân chết! Ngồi lên ghế này mà giữ ống nè”. Cũng may thằng cháu tôi chỉ bị sưng cuống phổi qua loa nên chiều hôm ấy bà cháu tôi được chuyển qua một phòng khác. Rồi má nó đi làm về tối, vào bệnh viện trông nó để tôi về nhà nằm nghỉ. Mấy bữa nay, thằng cháu tôi đã hết bệnh được ra viện. Nhớ lại ngày đầu tiên đưa nó vào bệnh viện, lúc mình đang lo lắng cho đứa cháu, được người này người nọ giúp đỡ mà chẳng nhận ra ai với ai; nghĩ mình thật là vô tâm. Tôi xin gửi lời cảm ơn đến những tấm lòng biết nghĩ đến người khác của những người mà tôi đã gặp.

Phạm Thị Xuân Lan, Q.Bình Thạnh, TP.HCM





Ra mắt thương hiệu Song Hy Trà



Đội ngũ tiên phong của Song Hy Trà



Quang cảnh buổi lễ



Cùng giao lưu



Chung tay cho trà Cánh Hạc bay xa

NIỀM VUI CỦA NGƯỜI YÊU TRÀ

Lễ ra mắt thương hiệu Song Hy Trà

Bài, ảnh NGUYỄN BÔNG

Vào lúc 8 giờ 30 ngày 18-8-2013, tại hội trường Báo Giác Ngộ, Công ty Cổ phần 7P chính thức làm Lễ ra mắt thương hiệu Song Hy Trà với hai sản phẩm trà Cánh Hạc sạch và trà OoLong 68 hữu cơ đạt tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh thực phẩm (đã được Chi cục Quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm xác nhận công bố phù hợp Quy định an toàn thực phẩm số 536/2013/YTHCM-XNCB ngày 26-4-2013).

Tham dự Lễ ra mắt có sự hiện diện đông đảo của quý vị khách quý, bạn bè thân hữu yêu trà và đặc biệt có nghệ nhân Viên Trân, nghệ nhân trồng - chế biến trà Trần Văn Thắng ở Tân Cương, Thái Nguyên.

Mở đầu buổi lễ, ông Nguyễn Ngọc Tuấn, pháp danh Tâm Khoa, Giám đốc Công ty Cổ phần 7P và là trà nhân hữu danh hơn 20 năm qua phát biểu: Về thiện duyên ra đời thương hiệu Song Hy Trà với mục đích là tìm kiếm, khôi phục và phát triển trà đặc sản, xây dựng hệ thống phân phối và tìm thị trường xuất khẩu trà đặc sản cao cấp của Việt Nam. Hai dòng trà: Cánh Hạc sạch - loại trà xanh đặc sản của vùng Tân Cương, Thái Nguyên và trà OoLong 68 hữu cơ - loại đặc sản của vùng Di Linh, Lâm Đồng là sản phẩm an toàn được giới thiệu rộng rãi trên thị trường trong đợt này.

Kế tiếp là phần nghệ nhân Viên Trân giới thiệu về trà Cánh Hạc sạch và biểu diễn nghệ thuật pha trà Cánh Hạc trên nền Lịch sử Việt Nam - để mời khách thưởng lãm; đó là sự cảm tác của nghệ nhân khi pha trà qua 12 bước được diễn giải: Khi đun nước, nghe tiếng sôi - *Truyền hịch gần xa*; Chế nước rửa trà - *Khích lệ ba quân*; Chế trà ra chén - *Hội nghị Diên Hồng*... Nêm vị trà - *Vị trà an lạc*.

Tiếp đến, phần giao lưu của nghệ nhân Trần Văn Thắng với quý vị khách quý và các bạn yêu trà. Quý ông Philippe, Đình Xuân Ánh, nhà thơ Phạm Văn Sau, nhà quản lý Phạm Văn Hùng... đã sôi nổi góp ý, phát biểu cảm tưởng, ngâm thơ mừng Song Hy Trà... Cuối buổi lễ, khách được mời đến tham quan khu trưng bày ẩm Từ Sa của bạn trà, cùng giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm sưu tầm, thưởng ngoạn ẩm Từ Sa và thưởng thức trà. Thật thú vị khi khách mời cùng lưu bút và ký tên trên hộp trà Cánh Hạc và tác phẩm ẩm Từ Sa Song Hy Trà...

Trà là thức uống thiết thân của mọi người, do đó cần được cân nhắc và thận trọng khi chọn mua. Trà Oolong 68 được công nhận là sản phẩm hữu cơ, trà Cánh Hạc đảm bảo được trà sạch theo tiêu chuẩn VietGAP là lựa chọn an toàn cho người dùng. Theo Tiến sĩ Vũ Trọng Khải cho biết: "GAP - Là qui trình và tiêu chuẩn sản xuất nông phẩm đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng, an toàn cho người sản xuất và an

toàn cho môi trường. Thực phẩm tuân thủ qui trình GAP là thực phẩm an toàn. Mỗi quốc gia có tiêu chuẩn GAP được qui định riêng đảm bảo tiêu chuẩn chung và phù hợp với quốc gia. Tại Việt Nam - VietGAP là qui định chung cho tiêu chuẩn sản xuất đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng, người sản xuất và môi trường tại Việt Nam. Trên toàn thế giới có GlobalGAP là tiêu chuẩn chung thống nhất và các quốc gia đang cùng tiến tới tiêu chuẩn này. Trên cơ sở thực hiện GAP - qui trình Thực hành Nông nghiệp tốt, người ta có thể truy xuất nguồn gốc gây ra các sự cố bất an toàn của nông phẩm".

Qua trao đổi, trà nhân Nguyễn Ngọc Tuấn cho biết về nghệ thuật uống trà cùng lắm công phu, các cụ tiền bối đã dạy: *Nhất trà, nhì nước, tam pha, tứ ẩm*. Để có được chén trà ngon mời khách là bạn tri âm đối ẩm thi thơ, thưởng ngoạn hoa cảnh hữu tình, trao đổi công việc kinh doanh; cần chú trọng bốn yếu tố cần và đủ như trên. *Nhất trà*: bạn phải chọn trà ngon, trà sạch; *Nhì nước*: chọn được nguồn nước tự nhiên như nước khe núi, nước giữa dòng sông, nước mưa, nước sương đọng trên lá sen, nước giếng trên đồi, những thứ nước như thế e là khó kiếm ở thành phố, nên bạn chỉ có thể lấy nước máy đem cho vào chum sành để chùng vài tuần cho bay hết mùi Clo, mùi hóa chất khác mới sử dụng hoặc dùng nước tinh khiết (không phải nước khoáng). *Tam pha*: người uống trà bao giờ cũng thích tự tay pha một ấm trà để mời khách và dùng - mỗi người tự luyện cho mình một phong cách riêng để tạo ra một gu thưởng thức riêng và đó cũng là đánh giá kỹ thuật của từng trà nhân; *Tứ ẩm*: nên dùng ấm đất Từ Sa để pha trà. Từ xa xưa ẩm pha trà bằng đất Từ Sa đã làm mê hoặc bao người. Dùng ấm đất Từ Sa pha trà luôn giữ nguyên hương, sắc của trà và dùng càng lâu màu sắc càng trở nên sáng bóng, nước pha trà càng thơm. Ấm đất Từ Sa vừa có giá trị sử dụng vừa có giá trị nghệ thuật, thưởng ngoạn ẩm Từ Sa sẽ thấy được cái tinh túy và tài hoa của nghệ nhân chế tác thủ công.

Thương hiệu Song Hy Trà ra đời thiết thực góp phần phục vụ tốt cho cộng đồng và các bạn yêu thích trà gần xa. Mong rằng trong một tương lai gần với thương hiệu vững mạnh, Song Hy Trà sẽ đạt được kỳ vọng xuất khẩu để vinh danh trà Việt và hòa nhập cùng các bạn trà trên thế giới.

Liên hệ:

VINCOM CENTER: 72 LÊ THÁNH TÔN, Q.1, TP.HCM - Gian 28 B3

PARKSON HÙNG VƯƠNG: 126 HÙNG VƯƠNG, Q.5, TP.HCM - Lầu 3 Citimart

MAXIMARK CỘNG HÒA: 17 CỘNG HÒA, Q.TÂN BÌNH, TP.HCM - Tiễn sảnh

SHOWROOM 1: 491 D3 NƠI TRANG LONG, P.13, Q.BÌNH THẠNH

SHOWROOM 2: 75 NGUYỄN VĂN GIẢI, P.ĐAKAO, Q.1, TP.HCM

ĐT: 0903 848 147 - 090 281 42 77 Website: www.amtsa.vn



KINH MỪNG ĐẠI LỄ VU LAN 2013

*Khuyến mãi từ 10-30% các sản phẩm
(22/07 - 22/08/2013)*

Đến với Diệu Tường Am, nơi Quý khách gieo duyên cùng với Phật, Quý vị có thể thỉnh cho mình một Pho tượng Phật để cúng kính cùng dường hay tặng cho những đạo hữu đồng tâm, hay chỉ duyên vi đến chiêm ngưỡng Phật, uống một tách trà, cùng mỉm cười với Phật...



Website: www.dieutuongam.com



DIỆU TƯỜNG AM
NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO

ĐC: 212 Ba Tháng Hai, P.12, Q.10, Tp.HCM
ĐT: (08) 38 684 913



- Ngọc Thạch anh (Quartz crystal)
- Ngọc Mã não xanh Ấn Độ (green Agate)
- Ngọc Bích Phật Ngọc (Nephrite Jade)
- Gỗ hóa thạch ngọc (Fossil Wood)
- Chuyên: chuỗi - tràng hạt, tượng Phật - Linh vật điêu khắc từ đá bán quý - trang sức đá quý.

100% hàng THIÊN NHIÊN (có giám định Viện Địa Chất Đá Quý)

Sản phẩm Ngọc của COASTAL GEMS được bán tại:

* Showroom COASTAL GEMS:

86 Nguyễn Hồng Đào, P.14, Q.Tân Bình, TP.HCM
Tel: 08. 62784225 - 22465169

* Gian hàng COASTAL GEMS:

Siêu thị Citimart tòa nhà Etown - Cổng 6
364 Cộng Hòa, P.13, Q.Tân Bình, TP.HCM
Tel: 08. 22174726

Hand-phone: 0938 849 886 - 01228 986 668 (Mr. Duy Pham)

* Website bán hàng online:

www.daphongthuy.com.vn
www.coastalgems.com.vn
www.ngocbichvn.com



KINH ẤN TỔNG

○ Nhân mùa Vu lan - Báo hiếu, nhằm tưởng nhớ và đáp tạ công ơn cao dày của Sư Ông HT. thượng Tắc hạ Thành và các bậc sanh thành, Phật tử đạo tràng Phước Thành phát tâm cúng dường 2.000 cuốn kinh **Ánh Sáng Hoàng Kim** (Kim Quang Minh tối thắng Vương kinh), của dịch giả HT.Thích Trí Quang, kinh dày 576 trang, trọn bộ, do NXB Tôn Giáo ấn hành.

○ Kính mời các chùa và tự viện có nhu cầu đọc tụng xin liên hệ với:

□ Phật tử **Chiếu Quang**, ĐT: 0903 801 575

0906 067 067

□ Phật tử **Chiếu Nguyễn**, ĐT: 0903 105 008



Nhà hàng chay HOA KHAI

Khung cảnh thoáng mát, lịch sự, sang trọng

Phục vụ điểm tâm, cà phê, nước giải khát...

Nhiều món chay thuần khiết từ cao cấp đến bình dân

Nhận đặt tiệc chay: cưới hỏi, sinh nhật, họp mặt liên hoan

Số 124-126 Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM

ĐT: (08) 36 021 025 – Email: veg.hoakhai@gmail.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

---000---

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TRƯỜNG TRUNG CẤP PHẬT HỌC TỈNH ĐỒNG NAI
THIỆP THỈNH VÀ THƯ MỜI THAM DỰ BỐN ĐẠI LỄ QUAN TRỌNG

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Ban Giám hiệu Trường Trung Cấp Phật Học Tỉnh Đồng Nai

Thành tâm Cung thỉnh: Chư Tôn Hòa Thượng, Chư Thượng Tọa Đại Đức Tăng Ni
Trần Trọng Kính Mời: Quý Vị Đại Biểu Đại Diện Các Cấp Chính Quyền
và Quý Phật Tử xa gần.

Hoan hỷ vào lúc 8h00 sáng, ngày 11 tháng 08 năm Quý ty (Nhằm ngày chủ nhật 15/09/2013) quang lâm Trường Trung Cấp Phật Học Tỉnh Đồng Nai cây số Dốc 47 Quốc lộ 51 Sài Gòn, Vũng Tàu, xã Phước Tân, TP. Biên Hòa (Gần Trạm thu phí) Để Chứng Minh - Tham Dự Bốn Đại Lễ:

1. Lễ Đặt Đá xây dựng Chùa Phật Hiện của Trường Trung Cấp Phật Học Tỉnh Đồng Nai
2. Lễ Phát Văn Bằng Tốt Nghiệp khóa VI (2009 - 2013) cho 117 Tăng sinh và 84 Ni sinh
3. Khai Giảng khóa VII (2013 - 2017) cho 213 Tăng sinh và 187 Ni sinh tu học nội trú
4. Hợp Mật Vê Cội của các khóa Tăng Ni Sinh Đồng Nai (từ khóa I - VI)

Thành kính trông mong Chư Tôn Thiên Đức, Quý Vị Đại Biểu, Phật tử và Tăng Ni sinh các khóa về tham dự đồng đủ.

Trần trọng kính Cung thỉnh và Kính mời.

Đồng Nai, ngày 15 tháng 06 năm Quý Ty (2013)

Chứng minh:

Hòa thượng Thích Diệu Tâm – Viện chủ Phl Lai Tự

Hòa thượng Thích Minh Chánh, – Trường ban Trị sự Phật giáo tỉnh Đồng Nai

TM. Ban Giám Hiệu

HIỆU PHÓ KIỂM CHÁNH THƯ KÝ

HIỆU TRƯỞNG

HIỆU PHÓ ĐẶC TRÁCH HỌC VỤ



Hòa Thượng Thích Phước Tú
(Tư Tôn Tụ)

Hòa Thượng Thích Nhật Quang
(Thích Viên Thường Chiếu)

Hòa Thượng Thích Quang Đạo
(Phước Viên Tự)



Thích Ngõ

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch: Chư Tôn Hòa Thượng Chư Thượng Đại Đức Tăng Ni và Quý Phật Tử xa gần
Trường Trung Cấp Phật Học Tỉnh Đồng Nai được thành lập vào năm 1990 có số đầu tiên đặt tại Chùa Đại Tòng Lâm, xã Phú Mỹ, Huyện Châu Thành, Bà Rịa Vũng Tàu.

Đến năm 1992, chia tỉnh nên Trường dời về Đồng Nai và được học tại Các Chùa trong Tỉnh.

Đến năm 2003 Được Tu Viện Quan Âm và Chùa Long Phước Thọ hiến đất xây dựng cơ sở cho Ni sinh tu học (Chùa Huệ Giác), xã Long Phước, huyện Long Thành diện tích 3 mẫu tây. Năm 2013 Hòa thượng Thích Phước Tú (Hổ Dũng Minh Tuấn) cúng thêm 2 mẫu tây nữa

Năm 2007, được Quý Phật Tử Chùa Giác Minh Tân Vạn hiến đất nền đã xây dựng được Cơ Sở Tăng Sinh tại xã Phước Tân, TP. Biên Hòa hiện nay diện tích 3 mẫu tây.

Điều linh thiêng nhất là khi đào móng xây dựng Cơ Sở Tăng Sinh này nhóm thợ nề đã đào được một Pho Tượng Phật Thích Ca Bằng Đá Huyền Thạch Có Khắc Chữ Minh Mạng rất linh ứng. Nhờ vậy, mà Hòa Thượng Thích Minh Chánh, Hòa Thượng Thích Nhật Quang, Hòa Thượng Thích Quang Đạo đã phát nguyện mỗi vị xây dựng cúng dường một dãy nhà một ngàn mét vuông (20x50 = 1000m2) mà nhà Trường đang sử dụng hiện nay (giá trị 1 dãy là 2 tỷ 500 triệu đồng). Gia đình Phật tử Minh Ngõ cúng dường 2 Cổng Tam Quan và các công trình khác trên 1 tỷ đồng.

Vì mục đích đào tạo Tăng tài kế thừa Phật Pháp cũng nhờ sự Linh Thiêng đó mà Tăng Ni Phật Tử thuộc các Ban Trị Sự Phật giáo TP. Biên Hòa, Thị Xã Long Khánh và các Huyện thuộc Tỉnh Đồng Nai cũng như Tăng Ni Phật tử xa gần phát tâm xây dựng hoàn thành một dãy nhà 3 tầng (3000 m2) (giá trị khoảng 8 tỷ đồng) và Tăng sinh đang sử dụng tu học.

Hiện nay được Ban Trị Sự Phật Giáo Đồng Nai, Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai, Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai cho phép Ban Giám Hiệu xây dựng một Chánh Điện gọi là Chùa Phật Hiện thuộc Trường Trung Cấp Phật Học tỉnh Đồng Nai.

Quy mô xây dựng: Chiều ngang: 41m x chiều rộng: 41m = 1641m2 x 2 = 3.282m2.
Gồm 2 tầng một trệt một lầu bằng bê tông cốt thép cốt thép như mô hình ở trang đầu.

Ban Giám Hiệu làm Thư ngỏ này kính dâng đến Chư Tôn Hòa Thượng Chư Thượng Tọa Đại Đức Tăng Ni, Quý Vị Phật Tử xa gần hoan hỷ phát tâm ủng hộ, giúp đỡ, cúng dường tịnh tài tịnh vật cho việc xây dựng này sớm hoàn thành Để Phụng Thờ Tam Bảo và có chỗ cho Tăng Ni Phật tử Tụng kinh lễ Phật cầu nguyện hằng ngày.

Trống mong lắm...

Đồng Nai, ngày 15 tháng 6 năm Quý Ty (2013)

Thay mặt Ban Giám Hiệu
Hòa thượng Thích Phước Tú

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
BAN TRỊ SỰ PHẬT GIÁO TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG TRUNG CẤP PHẬT HỌC



THIỀN ĐƯỜNG, GIẢNG ĐƯỜNG, TÀNG ĐƯỜNG
(Đã xây dựng xong năm 2010)

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
BAN TRỊ SỰ PHẬT GIÁO TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG TRUNG CẤP PHẬT HỌC

Ấp Miếu, Cây Số Dốc 47, QL 51, Xã Phước Tân, TP. Biên Hòa, Đồng Nai
ĐT: 0616. 523 146 (Tăng) - 0613. 558 626 (Ni) - 0919. 076 446

Thiệp Thành & Thưa Mời



CHÙA PHẬT HIỆN
TRƯỜNG TRUNG CẤP PHẬT HỌC TỈNH ĐỒNG NAI
CÁY SỐ DỐC 47 - QL 51 - XÃ PHƯỚC TÂN - TP BIÊN HÒA
(ĐƯỜNG DỊ SÀI GÒN - VÒNG TÀU - GẦN TRẠM THỊ PHÌ)
ĐẠI LỄ ĐẶT ĐÁ VÀO NGÀY 11-08-QUÝ TÝ (2013)

(41m x 41m)

ĐẠI LỄ ĐẶT ĐÁ

XÂY DỰNG CHÙA PHẬT HIỆN

CỦA TRƯỜNG TRUNG CẤP PHẬT HỌC TỈNH ĐỒNG NAI

Ngày 11 Tháng 08 Năm Quý Tỵ (15/09/2013)



DHARMA GARDEN

website: www.phapuyen.com - email: lienhe@phapuyen.com



NHÀ SÁCH - DHARMA BOOKS

Email: nhasesach@phapuyen.com

QUÁN CHAY - DHARMA FOODS

Email: quanchay@phapuyen.com

- 1 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT. (08) 35 035 579 - 0933 878 956
- 2 72/1B Lâm Văn Bền, Tân Thuận Tây, Q.7, TP.HCM
ĐT. (08) 36 026 650 - 0919 190 177

17/2 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT. (08) 36 026 818 - 0916 943 877

phát hành: kinh sách, tạp chí, tranh tượng, trà cụ, quả lưu niệm, pháp phục Tăng Ni, cư sĩ...

ăn phẩm: trình bày & thiết kế, liên kết xuất bản, ăn tổng
y phục: nhận may pháp phục và đồng phục



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn

3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035

"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - DD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu paraffin, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
- Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com



CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PHÚ KIM

Chuyên thiết kế sản xuất cung cấp si và lễ:

- Móc khoá, quả lưu niệm
- Quả tặng Phật giáo các loại.

ĐT: 094 696 7466
(08) 3880 9766



Email: saigonphukim@gmail.com - Website: www.sgpk360.com

Sắp phát hành

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

đóng bộ Tập 1 năm 2013
từ số 168 đến số 179
giá: 210.000đ/cuốn

Bạn đọc có nhu cầu liên hệ:

Tòa soạn Tạp chí **VĂN HÓA PHẬT GIÁO**

294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo vừa đóng lại toàn tập (tập 1 + tập 2)

2008 (2 tập): 340.000VNĐ

2010 (2 tập): 380.000VNĐ

2009 (2 tập): 360.000VNĐ

2011 (2 tập): 420.000VNĐ

2012 (2 tập): 420.000VNĐ

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 19.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG

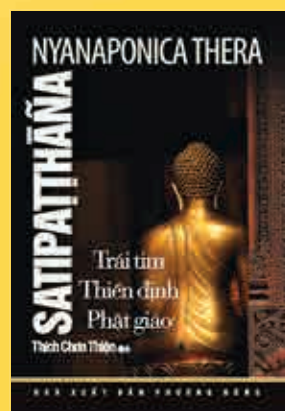
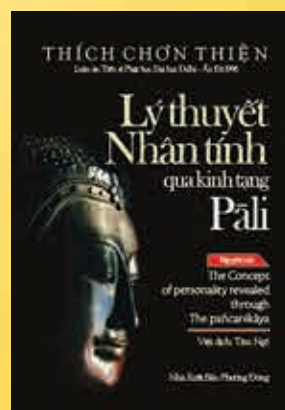
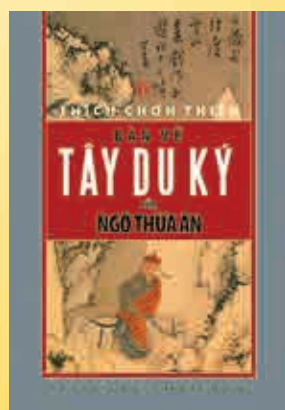
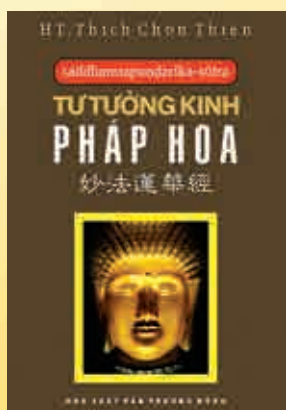
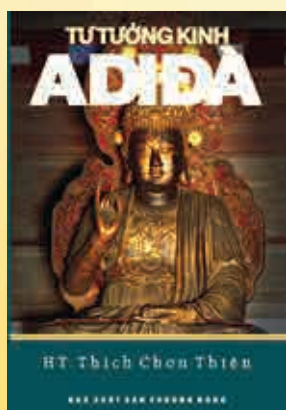
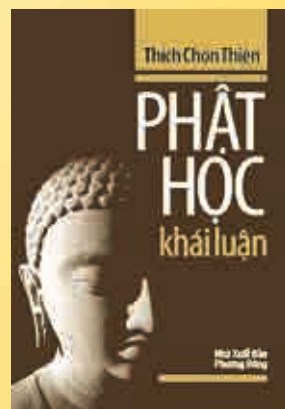
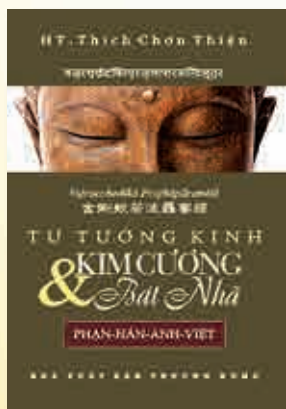


NHÀ SÁCH VĂN THÀNH

Số mới: 411 Hoàng Sa – Phường 8 – Quận 3 – TP.HCM
(Số cũ: 60/116 Lý Chính Thắng – P. 8 – Q. 3 – TP.HCM)

Tel: 08.38482028

Những Tác phẩm của **Hòa thượng Thích Chơn Thiện**



CHI NHÁNH QUẬN 9

Nhà số 14, Đường số 8, P. Phước Bình, Quận 9, TP.HCM. ĐT: 728 0174 - DD: 0909.093.106

Nhà sách chúng tôi có dịch vụ chuyên tư vấn về xuất bản, in ấn, lo mọi thủ tục giấy phép và thực hiện chế bản các thể loại kinh sách văn hóa phẩm Phật giáo bằng chữ Hán, Pāli và Sanskrit.

Thiên đường du lịch của Việt Nam!



Lựa chọn số một cho kỳ nghỉ 5-sao của gia đình bạn!

Chỉ mất vài phút đi từ thành phố Nha Trang - một trong những địa điểm du lịch hàng đầu Việt Nam, bạn sẽ đắm mình giữa thiên nhiên miền nhiệt đới và bờ biển hoang sơ của đảo Hòn Tre thơ mộng. Với vẻ đẹp tự nhiên, khung cảnh nên thơ và đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, bạn sẽ có được những trải nghiệm thư giãn chưa từng có. Hãy đến với Vinpearl Resort Nha Trang và tận hưởng kỳ nghỉ đẳng cấp cùng gia đình bạn.

VINPEARL RESORT NHA TRANG

Đảo Hòn Tre, Nha Trang, Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: +84 58 3598 188 - Fax: +84 58 3598 199

info@vinpearlresort-nhatrang.com - www.vinpearlresort-nhatrang.com


Vinpearl Resort
NHA TRANG